

**ỦY BAN NHÂN DÂN
HUYỆN XUÂN LỘC**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: **2833**/UBND-NC

Xuân Lộc, ngày 23 tháng 4 năm 2025

V/v tổ chức lấy ý kiến cử tri
và tổ chức kỳ họp HĐND các
cấp về chủ trương sắp xếp
đơn vị hành chính

Kính gửi:

- Văn phòng HĐND và UBND huyện;
- Phòng Nội vụ;
- UBND các xã, thị trấn.

Căn cứ Nghị quyết số 60-NQ/TW ngày 12/4/2025 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII; Nghị quyết 76/2025/UBTVQH15 ngày 14/4/2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc sắp xếp, tổ chức lại đơn vị hành chính các cấp và xây dựng mô hình chính quyền địa phương 2 cấp; Nghị quyết số 74/NQ-CP ngày 07/4/2025 của Chính phủ về ban hành Kế hoạch thực hiện sắp xếp, tổ chức lại đơn vị hành chính và xây dựng mô hình chính quyền địa phương 2 cấp và Công văn số 03/CV-BCĐ ngày 15/4/2025 của Ban Chỉ đạo Trung ương về việc định hướng một số nhiệm vụ sắp xếp ĐVHC và tổ chức CQĐP 02 cấp.

Thực hiện Công văn số 4646/UBND-KGVX ngày 22/4/2025 của UBND tỉnh Đồng Nai về việc tổ chức lấy ý kiến cử tri và tổ chức kỳ họp HĐND các cấp về chủ trương sắp xếp đơn vị hành chính.

Để đảm bảo thực hiện quy trình tổ chức lấy ý kiến cử tri đối với Đề án sắp xếp, sáp nhập đơn vị hành chính các cấp. Đồng thời, việc tổ chức lấy ý kiến cử tri và tổ chức kỳ họp HĐND các cấp thông qua chủ trương sắp xếp đơn vị hành chính và xây dựng mô hình chính quyền địa phương 2 cấp theo đúng tiến độ đề ra. Chủ tịch UBND huyện yêu cầu UBND các xã, thị trấn và các cơ quan liên quan khẩn trương chỉ đạo thực hiện một số nội dung sau:

1. UBND các xã, thị trấn

- Trên cơ sở dự thảo Đề án sắp xếp đơn vị hành chính cấp xã của tỉnh Đồng Nai năm 2025 và dự thảo Đề án sắp xếp, sáp nhập đơn vị hành chính tỉnh Bình Phước và tỉnh Đồng Nai (*gửi kèm Công văn này*); UBND các xã, thị trấn tổ chức lấy ý kiến nhân dân trên địa bàn và tổ chức kỳ họp HĐND theo hướng dẫn tại Công văn số 2787/UBND-NC ngày 22/4/2025 của UBND huyện, cụ thể:

- UBND các xã, thị trấn tổ chức lấy ý kiến cử tri; hoàn thành việc lấy ý kiến cử tri và tổng hợp báo cáo kết quả lấy ý kiến cử tri về UBND huyện (thông qua Phòng Nội vụ) **trong ngày 23/4/2025**.

- Đề nghị các xã, thị trấn tổ chức kỳ họp HĐND thông qua chủ trương sắp xếp đơn vị hành chính cấp xã của tỉnh Đồng Nai và chủ trương sắp xếp, sáp nhập tỉnh Bình Phước và Đồng Nai; hoàn thành việc tổ chức kỳ họp HĐND và tổng hợp báo cáo kết quả về UBND huyện (thông qua Phòng Nội vụ) **trước ngày 25/4/2025**.

2. Tổ chức họp Hội đồng nhân dân huyện

Đề nghị Thường trực HĐND huyện chỉ đạo tổ chức kỳ họp HĐND thông qua chủ trương sắp xếp đơn vị hành chính cấp xã của tỉnh Đồng Nai và chủ trương sắp xếp, sáp nhập tỉnh Bình Phước và Đồng Nai; hoàn thành việc tổ chức kỳ họp HĐND và tổng hợp, thông tin kết quả về UBND huyện (thông qua Phòng Nội vụ) **trong ngày 26/4/2025.**

3. Giao Phòng Nội vụ

- Theo dõi, kiểm tra, đôn đốc các xã, thị trấn triển khai thực hiện lấy ý kiến cử tri.

- Tổng hợp kết quả lấy ý kiến cử tri, HĐND cấp huyện, cấp xã tham mưu UBND huyện trình HĐND huyện Nghị quyết thông qua chủ trương sắp xếp đơn vị hành chính các cấp.

4. Giao Văn phòng HĐND và UBND huyện

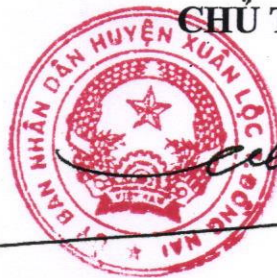
- Phối hợp với Phòng Văn hóa, Khoa học và Thông tin, Phòng Nội vụ đăng tải tài liệu phục vụ lấy ý kiến cử tri trên Cổng thông tin điện tử của huyện.

- Phối hợp với Phòng Nội vụ tham mưu UBND huyện trình HĐND huyện xem xét, ban hành Nghị quyết thông qua chủ trương sắp xếp đơn vị hành chính các cấp theo quy định.

Để đảm bảo hoàn thành hồ sơ lấy ý kiến cử tri và tổ chức kỳ họp HĐND các cấp về chủ trương sắp xếp đơn vị hành chính, báo cáo UBND tỉnh trước ngày 27/4/2025. Yêu cầu các cơ quan đơn vị, địa phương nghiêm túc thực hiện. Trong quá trình thực hiện nếu có vướng mắc phản ánh kịp thời về UBND huyện (thông qua Phòng Nội vụ) để được hướng dẫn, giải quyết./

Nơi nhận:

- Như trên;
- Ban Chỉ đạo thực hiện KL số 127 huyện;
- Thường trực HĐND huyện;
- Chủ tịch, các PCT. UBND huyện;
- Chánh VP. HĐND và UBND huyện;
- Phòng Nội vụ;
- Lưu: VT-TH, PNV.Trung.



CHỦ TỊCH

Nguyễn Thị Cát Tiên

Số: 4646/UBND-KGVX

Đồng Nai, ngày 22 tháng 4 năm 2025

V/v tổ chức lấy ý kiến cử tri và tổ chức kỳ họp HĐND các cấp về chủ trương sắp xếp đơn vị hành chính

Kính gửi:

- Văn phòng UBND tỉnh;
- Sở Nội vụ;
- UBND các huyện, thành phố Long Khánh và thành phố Biên Hòa.

Căn cứ Nghị quyết số 60-NQ/TW ngày 12 tháng 4 năm 2025 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII; Nghị quyết số 76/NQ-UBTVQH 14/4/2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc sắp xếp, tổ chức lại đơn vị hành chính các cấp và xây dựng mô hình chính quyền địa phương 02 cấp; Nghị quyết số 74/NQ-CP ngày 07/4/2025 của Chính phủ về ban hành Kế hoạch thực hiện sắp xếp, tổ chức lại đơn vị hành chính và xây dựng mô hình chính quyền địa phương 02 cấp và Công văn số 03/CV-BCĐ ngày 15/4/2025 của Ban Chỉ đạo Chính phủ về việc định hướng một số nhiệm vụ sắp xếp đơn vị hành chính và tổ chức chính quyền địa phương 02 cấp; căn cứ ý kiến thống nhất của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh về phương án sắp xếp đơn vị hành chính cấp xã của tỉnh Đồng Nai năm 2025 và sắp xếp, sáp nhập tỉnh Bình Phước và tỉnh Đồng Nai, tại cuộc họp ngày 22/4/2025;

Để đảm bảo thực hiện quy trình tổ chức lấy ý kiến cử tri đối với Đề án sắp xếp, sáp nhập đơn vị hành chính. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh yêu cầu:

1. Đối với Ủy ban nhân dân cấp huyện

Trên cơ sở Đề án sắp xếp đơn vị hành chính cấp xã của tỉnh Đồng Nai năm 2025 và Đề án sắp xếp, sáp nhập tỉnh Bình Phước và tỉnh Đồng Nai (gửi kèm công văn này) đăng tải tài liệu trên Cổng thông tin điện tử của cấp huyện; chỉ đạo tổ chức việc lấy ý kiến nhân dân và tổ chức kỳ họp HĐND cấp xã, cấp huyện trên địa bàn theo quy định¹.

a) Chỉ đạo UBND cấp xã tổ chức lấy ý kiến cử tri và tổng hợp báo cáo kết quả lấy ý kiến cử tri về UBND cấp huyện báo cáo UBND tỉnh (qua Sở Nội vụ) hoàn thành **trước ngày 24/4/2025**.

¹ Quy trình tổ chức lấy ý kiến cử tri và tổ chức kỳ họp HĐND các cấp về chủ trương sắp xếp đơn vị hành chính thực hiện theo hướng dẫn của Sở Nội vụ tại Văn bản số 2166/SNV-TCBC ngày 21/4/2025.

b) Tổ chức họp HĐND cấp xã, cấp huyện

Chỉ đạo UBND cấp xã báo cáo Thường trực HĐND cùng cấp tổ chức kỳ họp HĐND thông qua chủ trương sắp xếp đơn vị hành chính cấp xã của tỉnh Đồng Nai năm 2025 và chủ trương sắp xếp, sáp nhập đơn vị hành chính tỉnh Bình Phước và tỉnh Đồng Nai; tổng hợp báo cáo kết quả về UBND tỉnh (qua Sở Nội vụ) trước ngày 27/4/2025.

2. Giao Sở Nội vụ

- Theo dõi, kiểm tra, đôn đốc các địa phương triển khai tổ chức thực hiện lấy ý kiến cử tri.

- Tổng hợp kết quả lấy ý kiến cử tri; kết quả họp HĐND cấp huyện, cấp xã tham mưu UBND tỉnh trình HĐND tỉnh Nghị quyết thông qua chủ trương sắp xếp đơn vị hành chính các cấp theo lịch ấn định của Thường trực HĐND tỉnh.

3. Giao Văn phòng UBND tỉnh

- Phối hợp Sở Nội vụ đăng tải tài liệu phục vụ lấy ý kiến cử tri trên Cổng thông tin điện tử của tỉnh.

- Phối hợp Sở Nội vụ tham mưu UBND tỉnh trình HĐND tỉnh xem xét, ban hành Nghị quyết thông qua chủ trương sắp xếp đơn vị hành chính các cấp theo quy định.

Để đảm bảo hoàn thành hồ sơ, đề án báo cáo Bộ Nội vụ trước ngày 01/5/2025. Chủ tịch UBND tỉnh yêu cầu Chủ tịch UBND các huyện, thành phố và các cơ quan, đơn vị có liên quan khẩn trương tổ chức thực hiện. Trong quá trình thực hiện, nếu có khó khăn, vướng mắc kịp thời phản ánh về UBND tỉnh (qua Sở Nội vụ) để xem xét, giải quyết. *KL*

(Kèm theo Đề án sắp xếp, sáp nhập đơn vị hành chính tỉnh Bình Phước và tỉnh Đồng Nai; Đề án sắp xếp đơn vị hành chính cấp xã của tỉnh Đồng Nai năm 2025).

Nơi nhận:

- Như trên;
- TT. Tỉnh ủy;
- TT. HĐND tỉnh;
- Thường trực Ban Chỉ đạo KL 127 của TU;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Chánh, các PCVP UBND tỉnh;
- Công TTĐT tỉnh;
- Lưu: VT.KGVX.

E/Hà-VX/4/2024



CHỦ TỊCH

Võ Tấn Đức



PHƯƠNG ÁN 55 ĐƠN VỊ
SÁP NẾP ĐƠN VỊ HÀNH CHÍNH CẤP XÃ NĂM 2025
(Kèm theo Công văn số 467/UBND-KGVX ngày 22/4/2025 của Chủ tịch UBND tỉnh)

22/4/2025

STT	ĐVHC cấp xã	ĐVHC cấp huyện	Diện tích tự nhiên (km ²)				Dân số (người)				Dự kiến tên gọi	Dự kiến trung tâm hành chính	Ghi chú
			Hiện trạng	4	5	Tổng diện tích	So với tiêu chuẩn	Hiện trạng	8	9	Tổng dân số	So với tiêu chuẩn	
1	P. Tân Hạnh	Biên Hòa	6.09		110.73%	21.46	390.18%	11,189	53.28%	74,919	10	11	14
	P. Hóa An	Biên Hòa	6.83		124.18%			23,598	112.37%				
	P. Bửu Hòa	Biên Hòa	4.18		76.00%			23,315	111.02%				
	P. Tân Vạn	Biên Hòa	4.36		79.27%			16,817	80.08%				
	P. Bửu Long	Biên Hòa	5.81		105.64%			27,779	132.28%				
2	P. Quang Vinh	Biên Hòa	1.75		31.82%	31.00	563.64%	31,963	152.20%	197,060	12	13	Đạt
	P. Trung Dũng	Biên Hòa	2.59		47.09%			50,217	239.13%				
	P. Thống Nhất	Biên Hòa	3.42		62.18%			26,213	124.82%				
	P. Hiệp Hòa	Biên Hòa	7.04		128.00%			14,387	68.51%				
	P. An Bình	Biên Hòa	10.39		188.91%			46,501	221.43%				
3	P. Tân Hiệp	Biên Hòa	3.47		63.09%	10.81	196.55%	27,083	128.97%	139,441	13	14	Đạt
	P. Tân Mai	Biên Hòa	2.68		48.73%			40,320	192.00%				
	P. Tam Hiệp	Biên Hòa	2.17		39.45%			33,876	161.31%				
	P. Bình Đa	Biên Hòa	2.49		45.27%			38,162	181.72%				



STT	ĐVHC cấp xã	ĐVHC cấp huyện	Diện tích tự nhiên (km2)				Dân số (người)				Dự kiến tên gọi	Dự kiến trung tâm hành chính	Ghi chú
			Hiện trạng	Tổng diện tích	So với tiêu chuẩn	Hiện trạng	Tổng dân số	So với tiêu chuẩn					
4	P. Long Bình	Biên Hòa	34.91	634.73%	816.55%	44.91	71,709	341.47%	168,614	802.92%	Long Bình	UBND P. Long Bình	Đạt
	P. Hồ Nai	Biên Hòa	3.88	70.55%			47,892	228.06%					
	P. Tân Biên	Biên Hòa	6.12	111.27%			49,013	233.40%					
5	P. Trảng Dài	Biên Hòa	14.46	262.91%	678.00%	37.29	98,864	470.78%	104,972	499.87%	Trảng Dài	UBND P. Trảng Dài	Đạt
	X. Thiện Tân	Vĩnh Cửu	22.83	76.10%			6,108	38.18%					
6	P. Tân Hòa	Biên Hòa	3.94	71.64%	415.45%	22.85	43,022	204.87%	78,902	375.72%	Hồ Nai	UBND X. Tân Hòa	Đạt
	X. Hồ Nai 3	Trảng Bom	18.91	63.03%			35,880	224.25%					
7	P. Long Bình Tân	Biên Hòa	11.58	210.55%	589.09%	32.40	44,926	213.93%	74,184	353.26%	Long Hưng	UBND xã Long Hưng	Đạt
	P. An Hoà	Biên Hòa	9.20	167.27%			22,062	105.06%					
	X. Long Hưng	Biên Hòa	11.62	38.73%			7,196	44.98%					
8	P. Phước Tân	Biên Hòa	42.83	778.73%	778.73%	42.83	64,181	305.62%	64,181	305.62%	Phước Tân	UBND P. Phước Tân	Đạt
9	P. Tam Phước	Biên Hòa	45.09	819.82%	819.82%	45.09	48,313	230.06%	48,313	230.06%	Tam Phước	UBND P. Tam Phước	Đạt
10	X. Phú Hữu	Nhon Trạch	21.74	72.47%	326.73%	98.02	14,096	88.10%	55,364	346.03%	Đại Phước	UBND X. Phú Đông	Đạt
	X. Phước Khánh	Nhon Trạch	37.57	125.23%			14,641	91.51%					
	X. Phú Đông	Nhon Trạch	22.12	73.73%			14,562	91.01%					
	X. Đại Phước	Nhon Trạch	16.59	55.30%			12,065	75.41%					

STT	ĐVHC cấp xã	ĐVHC cấp huyện	Diện tích tự nhiên (km2)				Dân số (người)				Dự kiến tên gọi	Dự kiến trung tâm hành chính	Ghi chú
			Hiện trạng	Tổng diện tích	So với tiêu chuẩn	Hiện trạng	Tổng dân số	So với tiêu chuẩn					
11	X. Phú Thạnh	Nhơn Trạch	17.50	58.33%	108.04	360.13%	12,430	77.69%	78,589	UBND H. Nhơn Trạch	Đạt		
	X. Long Tân	Nhơn Trạch	35.70	119.00%		11,615	72.59%						
	X. Phú Hội	Nhơn Trạch	19.07	63.57%		10,845	67.78%						
	X. Phước Thiện	Nhơn Trạch	17.02	56.73%		20,984	131.15%						
	TT. Hiệp Phước	Nhơn Trạch	18.75	62.50%		22,715	141.97%						
12	X. Vĩnh Thanh	Nhơn Trạch	33.26	110.87%	170.72	569.07%	25,569	159.81%	51,088	Phước An	Đạt		
	X. Phước An	Nhơn Trạch	113.65	378.83%			11,591	72.44%					
	X. Long Thọ	Nhơn Trạch	23.81	79.37%			13,928	87.05%					
13	X. Tân Hiệp	Long Thành	31.28	104.27%	85.86	286.20%	14,045	87.78%	55,914	Phước Thái	Đạt		
	X. Phước Bình	Long Thành	36.69	122.30%			14,666	91.66%					
	X. Phước Thái	Long Thành	17.89	59.63%			27,203	170.02%					
14	X. Long Phước	Long Thành	37.48	124.93%	81.83	272.77%	24,491	153.07%	42,453	Long Phước	Đạt		
	X. Bầu Cạn	Long Thành	44.35	147.83%			17,962	112.26%					
15	X. Bình An	Long Thành	29.10	97.00%	59.41	198.03%	9,955	62.22%	25,506	Bình An	Đạt		
	X. Long Đức	Long Thành	30.31	101.03%			15,551	97.19%					

STT	ĐVHC cấp xã	ĐVHC cấp huyện	Diện tích tự nhiên (km2)				Dân số (người)				Dự kiến tên gọi	Dự kiến trung tâm hành chính	Ghi chú
			Hiện trạng	Tổng diện tích	So với tiêu chuẩn	Hiện trạng	Tổng dân số	So với tiêu chuẩn					
16	TT. Long Thành	Long Thành	9.16	30.53%	130.12	433.73%	38,011	237.57%	93,006	581.29%	Long Thành	UBND H. Long Thành	Đạt
	X. Long An	Long Thành	28.22	94.07%			20,364	127.28%					
	X. Lộc An	Long Thành	20.27	67.57%			14,894	93.09%					
	X. Bình Sơn	Long Thành	72.47	241.57%			19,737	123.36%					
17	X. Tam An	Long Thành	25.83	86.10%	58.32	194.40%	18,800	117.50%	59,666	372.91%	An Phước	UBND X. An Phước	Đạt
	X. An Phước	Long Thành	32.49	108.30%			40,866	255.41%					
18	X. An Viễn	Trảng Bom	21.95	73.17%	47.74	159.13%	9,749	60.93%	24,150.00	150.94%	An Viễn	UBND X An Viễn	Đạt
	X. Đồi 61	Trảng Bom	25.79	85.97%			14,401	90.01%					
19	X. Bắc Sơn	Trảng Bom	22.47	74.90%	36.68	122.27%	57,557	359.73%	83,354.00	520.96%	Bình Minh	UBND X Bình Minh	Đạt
	X. Bình Minh	Trảng Bom	14.21	47.37%			25,797	161.23%					
	X. Giang Diên	Trảng Bom	9.08	30.27%			8,849	55.31%					
20	X. Quảng Tiến	Trảng Bom	7.04	23.47%	68.77	229.23%	19,337	120.86%	92,712.00	579.45%	Trảng Bom	UBND huyện Trảng Bom	Đạt
	TT. Trảng Bom	Trảng Bom	9.36	31.20%			29,226	182.66%					
	X. Sông Trầu	Trảng Bom	43.29	144.30%			35,300	220.63%					

STT	ĐVHC cấp xã	ĐVHC cấp huyện	Diện tích tự nhiên (km2)				Dân số (người)				Dự kiến tên gọi	Dự kiến trung tâm hành chính	Ghi chú
			Hiện trạng	Tổng diện tích	So với tiêu chuẩn	Hiện trạng	Tổng dân số	So với tiêu chuẩn					
21	X. Thanh Bình	Trảng Bom	31.14	103.80%	97.50	16,800	105.00%	55,559	347.24%	Bầu Hàm	UBND X. Cây Gáo	Đạt	
	X. Cây Gáo	Trảng Bom	17.37	57.90%		12,572	78.58%						
	X. Sông Thao	Trảng Bom	26.49	88.30%		13,747	85.92%						
	X. Bầu Hàm	Trảng Bom	22.50	75.00%		12,440	77.75%						
22	X. Tây Hoà	Trảng Bom	14.44	48.13%	57.64	18,426	115.16%	57,825	361.41%	Hưng Thịnh	UBND X. Trung Hòa	Đạt	
	X. Trung Hoà	Trảng Bom	14.92	49.73%		14,285	89.28%						
	X. Đông Hoà	Trảng Bom	11.36	37.87%		14,420	90.13%						
	X. Hưng Thịnh	Trảng Bom	16.92	56.40%		10,694	66.84%						
23	X. Hưng Lộc	Thống Nhất	35.12	117.07%	98.87	21,333	133.33%	71,921	449.51%	Dầu Giấy	UBND H. Thống Nhất	Đạt	
	TT. Dầu Giấy	Thống Nhất	14.14	47.13%		23,281	145.51%						
	X. Bầu Hàm 2	Thống Nhất	30.12	100.40%		12,321	77.01%						
	X. Lộ 25	Thống Nhất	19.49	64.97%		14986	93.66%						



STT	ĐVHC cấp xã	ĐVHC cấp huyện	Diện tích tự nhiên (km2)				Dân số (người)				Dự kiến tên gọi	Dự kiến trung tâm hành chính	Ghi chú
			Hiện trạng	Tổng diện tích	So với tiêu chuẩn	Hiện trạng	Tổng dân số	So với tiêu chuẩn					
24	X. Quang Trung	Thống Nhất	30.47	101.57%	82.72	275.73%	23,835	148.97%	79,274	495.46%	Gia Kiệm	UBND X. Gia Kiệm	Đạt
	X. Gia Kiệm	Thống Nhất	33.26	110.87%		29,334	183.34%						
	X. Gia Tân 3	Thống Nhất	18.99	63.30%		26,105	163.16%						
25	X. Gia Tân 1	Thống Nhất	21.14	70.47%	120.07	400.23%	18,992	118.70%	71,665.00	447.91%	Thống Nhất	UBND X. Gia Tân 1	Đạt
	X. Gia Tân 2	Thống Nhất	14.61	48.70%			17,360	108.50%					
	X. Phú Cường	Định Quán	56.35	187.83%			18,830	117.69%					
	X. Phú Túc	Định Quán	27.97	93.23%			16,483	103.02%					
26	P. Suối Tre	Long Khánh	24.21	440.18%	77.21	1403.82%	13,218	62.94%	36,195	172.36%	Bình Lộc	UBND X. Bình Lộc	Đạt
	X. Bình Lộc	Long Khánh	21.81	72.70%			10,441	65.26%					
	X. Xuân Thiện	Thống Nhất	31.19	103.97%			12,536	78.35%					
27	P. Bảo Vinh	Long Khánh	15.77	286.73%	50.85	924.55%	22,429	106.80%	36,989	176.14%	Bảo Vinh	UBND P. Bảo Vinh	Đạt
	X. Bảo Quang	Long Khánh	35.08	116.93%			14,560	91.00%					
28	P. Xuân Lập	Long Khánh	16.25	295.45%	29.19	530.73%	11,442	54.49%	18,947	90.22%	Xuân Lập	UBND X. Bầu Sen	Chưa đạt dân số
	P. Bầu Sen	Long Khánh	12.94	235.27%			7,505	35.74%					

STT	ĐVHC cấp xã	ĐVHC cấp huyện	Diện tích tự nhiên (km2)				Dân số (người)				Dự kiến tên gọi	Dự kiến trung tâm hành chính	Ghi chú
			Hiện trạng	Tổng diện tích	So với tiêu chuẩn	Hiện trạng	Tổng dân số	So với tiêu chuẩn					
29	P. Xuân An	Long Khánh	3.81	69.27%	21.32	387.64%	41,673	198.44%	77,070	367.00%	Long Khánh	UBND TP. Long Khánh	Đạt
	P. Xuân Bình	Long Khánh	1.21	22.00%			9,892	47.10%					
	P. Xuân Hoà	Long Khánh	2.18	39.64%			10,650	50.71%					
	P. Phú Bình	Long Khánh	2.33	42.36%			5,761	27.43%					
	X. Bầu Trám	Long Khánh	11.79	39.30%			9,094	56.84%					
30	P. Xuân Tân	Long Khánh	10.62	193.09%	45.60	829.09%	11,221	53.43%	24,931.00	118.72%	Hàng Gòn	UBND P. Hàng Gòn	Đạt
	X. Hàng Gòn	Long Khánh	34.98	116.60%			13,710	85.69%					
31	X. Xuân Quế	Cẩm Mỹ	45.03	150.10%	92.91	309.70%	10,441	65.26%	21,189	132.43%	Xuân Quế	UBND X. Xuân Quế	Đạt
	X. Sóng Nhạn	Cẩm Mỹ	47.88	159.60%			10,748	67.18%					
32	X. Cẩm Đường	Long Thành	15.08	50.27%	82.11	273.70%	8,766	54.79%	26,565	166.03%	Thừa Đức	UBND X. Thừa Đức	Đạt
	X. Thừa Đức	Cẩm Mỹ	29.90	99.67%			10,322	64.51%					
	X. Xuân Đường	Cẩm Mỹ	37.13	123.77%			7,477	46.73%					
33	X. Nhân Nghĩa	Cẩm Mỹ	16.30	54.33%	113.14	377.13%	7,679	47.99%	45,728	285.80%	Cẩm Mỹ	UBND H. Cẩm Mỹ	Đạt
	TT. Long Giao	Cẩm Mỹ	33.78	112.60%			8,365	52.28%					
	X. Bảo Bình	Cẩm Mỹ	35.65	118.83%			16,026	100.16%					
	X. Xuân Mỹ	Cẩm Mỹ	27.41	91.37%			13,658	85.36%					

STT	ĐVHC cấp xã	ĐVHC cấp huyện	Diện tích tự nhiên (km2)				Dân số (người)				Dự kiến tên gọi	Dự kiến trung tâm hành chính	Ghi chú
			Hiện trạng	Tổng diện tích	So với tiêu chuẩn	Hiện trạng	Tổng dân số	So với tiêu chuẩn					
34	X. Lâm Sơn	Cẩm Mỹ	32.47	108.23%	218.67%	65.60	10,675	66.72%	195.91%	31,346	Sông Ray	UBND X. Sông Ray	Đạt
	X. Sông Ray	Cẩm Mỹ	33.13	110.43%			20,671	129.19%					
	X. Xuân Tây	Cẩm Mỹ	52.99	176.63%			23,371	146.07%					
35	X. Xuân Đông	Cẩm Mỹ	49.48	164.93%	359.90%	107.97	22,748	142.18%	297.64%	47,623.00	Xuân Đông	UBND X Xuân Đông	Đạt
	Tiếp nhận ấp Bằng Lăng, xã Xuân Tâm	Xuân Lộc	5.50	18.33%			1,504	9.40%					
	X. Xuân Bảo	Cẩm Mỹ	21.44	71.47%			11,684	73.03%					
36	X. Bảo Hòa	Xuân Lộc	17.81	59.37%	174.30%	52.29	15,345	95.91%	230.44%	36,870.00	Xuân Định	UBND X. Xuân Định	Đạt
	X. Xuân Định	Xuân Lộc	13.04	43.47%			9,841	61.51%					
	X. Xuân Phú	Xuân Lộc	38.60	128.67%			19,616	122.60%					
37	X. Lang Minh	Xuân Lộc	17.03	56.77%	185.43%	55.63	9,992	62.45%	185.05%	29,608.00	Xuân Phú	UBND X Xuân Phú	Đạt
	X. Suối Cát	Xuân Lộc	17.14	57.13%			15,185	94.91%					
	X. Xuân Thọ	Xuân Lộc	37.54	125.13%			24,228	151.43%					
38	X. Xuân Trường	Xuân Lộc	47.23	157.43%	468.33%	140.50	21,686	135.54%	651.90%	104,304	Xuân Lộc	UBND H. Xuân Lộc	Đạt
	X. Xuân Hiệp	Xuân Lộc	24.64	82.13%			20,112	125.70%					
	TT. Gia Ray	Xuân Lộc	13.95	46.50%			23,093	144.33%					

STT	ĐVHC cấp xã	ĐVHC cấp huyện	Diện tích tự nhiên (km2)				Dân số (người)				Dự kiến tên gọi	Dự kiến trung tâm hành chính	Ghi chú
			Hiện trạng	Tổng diện tích	So với tiêu chuẩn	Hiện trạng	Tổng dân số	So với tiêu chuẩn					
39	X. Xuân Hòa	Xuân Lộc	87.07	290.23%	305.96	15,426	96.41%	78,491	490.57%	Xuân Hòa	UBND X. Xuân Hưng	Đạt	
	X. Xuân Hưng	Xuân Lộc	104.27	347.57%		31,872	199.20%						
	X. Xuân Tâm	Xuân Lộc	120.12	400.40%		32,697	204.36%						
	Điều chỉnh nguyên trạng ấp Bằng Lăng (xã Xuân Tâm) về xã	Xuân Lộc	5.50	18.33%		1,504	9.40%						
40	X. Xuân Thành	Xuân Lộc	68.70	229.00%	122.71	11,467	71.67%	22,007	137.54%	Xuân Thành	UBND X. Xuân Thành	Đạt	
	X. Suối Cao	Xuân Lộc	54.01	180.03%		10,540	65.88%						
	X. Xuân Bắc	Xuân Lộc	63.17	210.57%		24,005	150.03%						
41	X. Suối Nho	Định Quán	33.27	110.90%	96.44	20,861	130.38%	44,866	280.41%	Xuân Bắc	UBND X. Xuân Bắc	Đạt	
	X. Túc Trung	Định Quán	51.42	171.40%		13,453	84.08%						
42	X. La Ngà	Định Quán	82.03	273.43%	133.45	19,858	124.11%	33,311	208.19%	La Ngà	UBND X. La Ngà	Đạt	
	X. Phú Ngọc	Định Quán	70.15	233.83%		22,783	142.39%						
43	X. Gia Canh	Định Quán	171.98	573.27%	295.82	23,762	148.51%	85,523.00	534.52%	Định Quán	UBND H. Định Quán	Đạt	
	TT. Định Quán	Định Quán	10.04	33.47%		27,942	174.64%						
	X. Ngọc Định	Định Quán	43.65	145.50%		11,036	68.98%						

STT	ĐVHC cấp xã	ĐVHC cấp huyện	Diện tích tự nhiên (km2)				Dân số (người)				Dự kiến tên gọi	Dự kiến trung tâm hành chính	Ghi chú
			Hiện trạng	Tổng diện tích	So với tiêu chuẩn	Hiện trạng	Tổng dân số	So với tiêu chuẩn					
44	X. Thanh Sơn	Định Quán	315.40	1051.33%	1051.33%	315.40	1051.33%	33,342	208.39%	208.39%	Thanh Sơn	UBND X. Thanh Sơn	Đạt
45	X. Phú Vinh	Định Quán	24.52	81.73%	231.50%	69.45	231.50%	19,133	119.58%	195.80%	Phú Vinh	UBND X. Phú Vinh	Đạt
	X. Phú Tân	Định Quán	44.93	149.77%				12,195	76.22%				
46	X. Phú Lợi	Định Quán	25.55	85.17%	205.10%	61.53	205.10%	18,252	114.08%	229.88%	Phú Hòa	UBND X. Phú Hòa	Đạt
	X. Phú Hòa	Định Quán	15.62	52.07%				7,995	49.97%				
	X. Phú Điền	Tân Phú	20.36	67.87%				10,534	65.84%				
47	X. Phú Thịnh	Tân Phú	26.69	88.97%	280.00%	84.00	280.00%	11,922	74.51%	213.49%	Tà Lài	UBND X. Phú Lập	Đạt
	X. Phú Lập	Tân Phú	30.21	100.70%				12,510	78.19%				
	X. Tà Lài	Tân Phú	27.10	90.33%				9,726	60.79%				
48	X. Phú An	Tân Phú	52.35	174.50%	274.23%	82.27	274.23%	5,513	34.46%	99.51%	Nam Cát Tiên	UBND X. Nam Cát Tiên	Đạt
	X. Nam Cát Tiên	Tân Phú	29.92	99.73%				10,409	65.06%				
49	X. Phú Lộc	Tân Phú	30.87	102.90%	352.70%	105.81	352.70%	9,894	61.84%	479.78%	Tân Phú	UBND H. Tân Phú	Đạt
	TT. Tân Phú	Tân Phú	8.10	27.00%				24,852	155.33%				
	X. Trà Cỏ	Tân Phú	17.12	57.07%				9,191	57.44%				
	X. Phú Thanh	Tân Phú	28.15	93.83%				17,299	108.12%				
	X. Phú Xuân	Tân Phú	21.57	71.90%				15,529	97.06%				

STT	ĐVHC cấp xã	ĐVHC cấp huyện	Diện tích tự nhiên (km2)				Dân số (người)				Dự kiến tên gọi	Dự kiến trung tâm hành chính	Ghi chú
			Hiện trạng	Tổng diện tích	So với tiêu chuẩn	Hiện trạng	Tổng dân số	So với tiêu chuẩn					
50	X. Phú Lâm	Tân Phú	6.26	20.87%	224.50%	17,464	109.15%	389.72%	Phú Lâm	UBND X. Phú Lâm	Đạt		
	X. Thanh Sơn	Tân Phú	15.45	51.50%		8,118	50.74%						
	X. Phú Bình	Tân Phú	15.81	52.70%		14,783	92.39%						
	X. Phú Sơn	Tân Phú	29.83	99.43%		21,990	137.44%						
51	X. Đak Lua	Tân Phú	415.13	1383.77%	415.13	1383.77%	8,234	51.46%	Đak Lua	UBND xã Đak Lua	Biệt lập (Đạt)		
52	X. Phú Lý	Vĩnh Cửu	279.00	930.00%	279.00	930.00%	15,992	99.95%	Phú Lý	UBND X. Phú Lý	Biệt lập (Đạt)		
53	X. Mã Đà	Vĩnh Cửu	401.08	1336.93%	2201.53%	8,883	55.52%	318.93%	Trị An	UBND H. Vĩnh Cửu	Đạt		
	X. Trị An	Vĩnh Cửu	227.98	759.93%		10,219	63.87%						
	TT. Vĩnh An	Vĩnh Cửu	31.40	104.67%		31,926	199.54%						
54	X. Tân An	Vĩnh Cửu	52.66	175.53%	267.47%	11,308	70.68%	245.57%	Tân An	UBND X. Tân An	Đạt		
	X. Vĩnh Tân	Vĩnh Cửu	27.58	91.93%		27,983	174.89%						
55	P. Tân Phong	Biên Hòa	16.72	304.00%	1151.45%	52,011	247.67%	483.85%	Tân Triều	UBND X. Thanh Phú	Đạt		
	X. Tân Bình	Vĩnh Cửu	17.81	59.37%		21,143	132.14%						
	X. Bình Lợi	Vĩnh Cửu	15.26	50.87%		8,594	53.71%						
	X. Thạnh Phú	Vĩnh Cửu	13.54	45.13%		19,860	124.13%						

Dự thảo

**ĐỀ ÁN
SẮP XẾP ĐƠN VỊ HÀNH CHÍNH CẤP XÃ
CỦA TỈNH ĐỒNG NAI NĂM 2025**

Căn cứ Nghị quyết số 60-NQ/TW ngày 12/4/2025 của Hội nghị lần thứ 11 Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII, các Kết luận của Bộ Chính trị, Ban Bí thư: Kết luận số 126-KL/TW ngày 14/02/2025 về một số nội dung, nhiệm vụ tiếp tục sắp xếp, tinh gọn tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị năm 2025 và Kết luận số 127-KL/TW ngày 28/02/2025 về triển khai nghiên cứu, đề xuất tiếp tục sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị; Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 65/2025/QH15; Nghị quyết số 76/2025/UBTVQH15 ngày 14/4/2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về sắp xếp ĐVHC năm 2025; Nghị quyết số 74/NQ-CP ngày 07/4/2025 của Chính phủ ban hành Kế hoạch thực hiện sắp xếp ĐVHC và xây dựng mô hình tổ chức chính quyền địa phương 02 cấp; Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai xây dựng Đề án sắp xếp ĐVHC cấp xã năm 2025 như sau:

Phần I

**CĂN CỨ CHÍNH TRỊ, PHÁP LÝ VÀ SỰ CẦN THIẾT
SẮP XẾP ĐVHC CẤP XÃ**

I. CĂN CỨ CHÍNH TRỊ, PHÁP LÝ

- Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam năm 2013.
- Nghị quyết số 60-NQ/TW ngày 12/4/2025 của Hội nghị lần thứ 11 Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII.
 - Nghị quyết số 18-NQ/TW ngày 25/10/2017 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII về một số vấn đề về tiếp tục đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả.
 - Kết luận số 127-KL/TW ngày 28/02/2025 của Bộ Chính trị, Ban Bí thư về triển khai nghiên cứu, đề xuất tiếp tục sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị, Kết luận số 137-KL/TW ngày 29/3/2025 của Bộ Chính trị, Ban Bí thư về Đề án sắp xếp, tổ chức lại đơn vị hành chính các cấp và xây dựng mô hình tổ chức chính quyền địa phương 02 cấp.

3. Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 65/2025/QH15 ngày 19/02/2025.

4. Nghị quyết số 76/2025/UBTVQH15 ngày 14/4/2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về sắp xếp ĐVHC.

5. Nghị quyết số 74/NQ-CP ngày 07/4/2025 của Chính phủ ban hành Kế hoạch thực hiện sắp xếp ĐVHC và xây dựng mô hình tổ chức chính quyền địa phương 02 cấp.

II. SỰ CẦN THIẾT SẮP XẾP ĐVHC CẤP XÃ CỦA TỈNH ĐỒNG NAI

Hiện nay, hệ thống hạ tầng giao thông, hạ tầng công nghệ thông tin ngày càng phát triển, tạo khả năng kết nối hiệu quả giữa chính quyền và người dân, cộng đồng doanh nghiệp; tỉnh Đồng Nai đang đẩy mạnh thực hiện xây dựng chính quyền điện tử, chính quyền số, đô thị thông minh; do đó, về địa lý và ranh giới địa giới giữa các ĐVHC không còn bị hạn chế, khó khăn diện tích tự nhiên và quy mô dân số lớn. Vì vậy, tổ chức hợp lý, hướng đến ổn định lâu dài của ĐVHC các cấp có vai trò quan trọng trong việc bảo đảm hiệu năng, hiệu lực, hiệu quả hoạt động của bộ máy chính quyền địa phương, phát huy được những tiềm năng, lợi thế của mỗi địa phương, khu vực.

Số lượng ĐVHC cấp xã nhiều và có quy mô nhỏ đã phát sinh những bất cập, làm phân tán các nguồn lực, tiềm năng của các địa phương cho phát triển, làm tăng số lượng các cơ quan quản lý, cơ quan đảng, đoàn thể, tăng số lượng biên chế cán bộ, công chức,... dẫn đến tăng chi ngân sách nhà nước do tăng biên chế và quỹ tiền lương, xây dựng trụ sở, mua sắm trang thiết bị làm việc và tăng chi thường xuyên; đồng thời, cũng gây ra nhiều khó khăn trong công tác lập kế hoạch, quy hoạch dài hạn, định hướng phát triển của địa phương, phân tán các nguồn lực đầu tư cho phát triển kinh tế - xã hội; nhất là trong điều kiện Trung ương đang đẩy mạnh phân cấp, trao quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm của chính quyền địa phương.

Sắp xếp ĐVHC giúp tập trung nguồn lực để xây dựng bộ máy hành chính mạnh hơn, đủ năng lực giải quyết các vấn đề phức tạp hơn. Việc quản lý trên địa bàn lớn hơn tạo điều kiện thuận lợi cho việc quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội, đô thị, nông thôn một cách thống nhất, đồng bộ và hiệu quả. Bộ máy hành chính được củng cố, chuyên nghiệp hơn sẽ cung cấp dịch vụ công tốt hơn cho người dân và doanh nghiệp.

Việc sắp xếp ĐVHC cấp xã tạo ra không gian phát triển lớn hơn, thuận lợi cho việc quy hoạch các khu công nghiệp, khu đô thị, vùng sản xuất tập trung; ĐVHC có quy mô lớn hơn, tiềm năng phát triển rõ ràng hơn sẽ hấp dẫn các nhà đầu tư; các ĐVHC lớn hơn có khả năng liên kết, hợp tác với các địa phương lân

cận để phát triển kinh tế - xã hội theo hướng liên vùng; quy hoạch và phát triển tập trung hơn tạo điều kiện cho việc tái cơ cấu kinh tế, chuyển dịch lao động từ nông nghiệp sang công nghiệp và dịch vụ.

Trong bối cảnh bộ máy nhà nước đang đẩy mạnh thực hiện chuyển đổi số, xây dựng chính quyền số, xã hội số thì nhiều hoạt động hành chính truyền thống đã được số hóa và triển khai thực hiện trên môi trường mạng. Chuyển đổi số gắn với chuyển đổi quy trình giải quyết thủ tục hành chính trên môi trường điện tử, cung cấp dịch vụ công trực tuyến giúp giải quyết thủ tục hành chính không phụ thuộc vào ranh giới địa giới hành chính, tạo thuận lợi cho người dân, doanh nghiệp và bảo đảm hoạt động kiểm tra, giám sát của cơ quan nhà nước cấp trên. Đồng thời, việc tái cấu trúc quy trình nội bộ, quy trình điện tử trong giải quyết thủ tục hành chính giúp đơn giản hóa trình tự, thủ tục thực hiện công việc của cán bộ, công chức, viên chức, góp phần tăng năng suất và hiệu quả công việc.

Kế thừa kết quả sắp xếp ĐVHC cấp giai đoạn 2023 – 2025 của tỉnh Đồng Nai và thực hiện Kết luận số 126-KL/TW ngày 14/02/2025, Kết luận số 127-KL/TW ngày 28/02/2025, Kết luận số 137-KL/TW ngày 29/3/2025 của Bộ Chính trị, Ban Bí thư trong đó yêu cầu *“Nghiên cứu định hướng sáp nhập một số ĐVHC cấp tỉnh, không tổ chức cấp huyện, **sáp nhập một số ĐVHC cấp xã**; thực hiện mô hình địa phương 02 cấp (tổ chức đảng, chính quyền, đoàn thể), bảo đảm tinh gọn, hiệu năng, hiệu lực, hiệu quả”*. Căn cứ Nghị quyết số 76/2025/UBTVQH15 ngày 14/4/2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về sắp xếp ĐVHC năm 2025 (tiêu chuẩn diện tích tự nhiên đối với xã bằng từ 30 km² trở lên, phường từ 5,5km² trở lên; tiêu chuẩn quy mô dân số đối với xã từ 16.000 người trở lên, phường 21.000 người trở lên).

Căn cứ vào các Kết luận, định hướng của Bộ Chính trị, Ban Bí thư và Nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định tiêu chuẩn ĐVHC cấp xã về xây dựng chính quyền 02 cấp theo phương án sắp xếp đơn vị hành chính cấp xã giảm khoảng 60% đến 70% số lượng đơn vị hành chính cấp xã so với hiện nay. Việc sắp xếp nhằm thực hiện các nghị quyết, chỉ thị của Đảng và các văn bản pháp luật của Nhà nước về sắp xếp ĐVHC, đảm bảo các ĐVHC đáp ứng các tiêu chuẩn về diện tích và dân số.

Từ các căn cứ nêu trên, để tiếp tục thực hiện chủ trương của Đảng tại Nghị quyết Đại hội XIII, Nghị quyết số 18-NQ/TW, Nghị quyết số 27-NQ/TW, Kết luận số 126-KL/TW, Kết luận số 127-KL/TW của Bộ Chính trị, Ban Bí thư và nhằm đáp ứng yêu cầu tình hình mới của đất nước thì việc xây dựng *“Đề án sắp xếp đơn vị hành chính cấp xã thuộc tỉnh Đồng Nai”* là cần thiết.

Phần II**HIỆN TRẠNG ĐVHC CỦA TỈNH ĐỒNG NAI****I. HIỆN TRẠNG ĐVHC CÁC CẤP CỦA TỈNH ĐỒNG NAI****1. Tỉnh Đồng Nai:**

1.1. Diện tích tự nhiên: 5.863,62 (km²)

1.2. Quy mô dân số: 3.084.024 (người)

1.3. Số lượng ĐVHC cấp huyện gồm 11 đơn vị, trong đó:

- Huyện: 09 đơn vị (Long Thành, Nhơn Trạch, Trảng Bom, Thống Nhất, Xuân Lộc, Cẩm Mỹ, Định Quán, Tân Phú và Vĩnh Cửu).

- Thành phố: 02 đơn vị (Long Khánh và Biên Hòa).

1.4. Số lượng ĐVHC cấp xã gồm 159 đơn vị, trong đó:

- Phường: 33 đơn vị

- Thị trấn: 09 đơn vị

- Xã: 117 đơn vị

(Số liệu về diện tích tự nhiên, quy mô dân số tính đến thời điểm ngày 31/12/2024)

2. Số lượng ĐVHC cấp xã thực hiện sắp xếp: 159 đơn vị

3. Số lượng ĐVHC cấp xã không thực hiện sắp xếp:

Tổng số: 04 đơn vị, trong đó:

3.1. Số lượng ĐVHC cấp xã đủ tiêu chuẩn không phải thực hiện sắp xếp: 02 đơn vị.

3.2. Số lượng ĐVHC cấp xã không thực hiện sắp xếp do có yếu tố đặc thù:

a) Số lượng: 02 đơn vị

b) Giải trình yếu tố đặc thù:

- Xã Phú Lý, huyện Vĩnh Cửu có diện tích rộng lớn chủ yếu là đất rừng, nằm biệt lập với các đơn vị hành chính liền kề có vị trí tiếp giáp với đơn vị hành chính thuộc tỉnh khác; hệ thống giao thông có khoảng cách xa với trung tâm hành chính khác liền kề.

- Xã Thanh Sơn, huyện Định Quán có vị trí biệt lập, chủ yếu là đất rừng.

Phần III

PHƯƠNG ÁN SẮP XẾP ĐVHC CẤP XÃ CỦA TỈNH ĐỒNG NAI

I. PHƯƠNG ÁN SẮP XẾP ĐVHC CẤP XÃ

1. Thành lập phường Biên Hòa trên cơ sở nhập toàn bộ phường Tân Hạnh, thành phố Biên Hòa (có diện tích tự nhiên là 6,09 km² đạt 110,73% so với tiêu chuẩn, quy mô dân số là 11.189 người đạt 53,28% so với tiêu chuẩn); toàn bộ phường Hóa An, thành phố Biên Hòa (có diện tích tự nhiên là 6,83 km² đạt 124,18% so với tiêu chuẩn, quy mô dân số là 23.598 người đạt 112,37% so với tiêu chuẩn); toàn bộ phường Bửu Hòa, thành phố Biên Hòa (có diện tích tự nhiên là 4,18 km² đạt 76,00% so với tiêu chuẩn, quy mô dân số là 23.315 người đạt 111,02% so với tiêu chuẩn) và toàn bộ phường Tân Vạn, thành phố Biên Hòa (có diện tích tự nhiên là 4,36 km² đạt 79,27% so với tiêu chuẩn, quy mô dân số là 16.817 người đạt 80,08% so với tiêu chuẩn).

a) Kết quả sau sắp xếp

- Phường Biên Hòa có diện tích tự nhiên là 21,46 km² (đạt 390,18% so với tiêu chuẩn), quy mô dân số là 74.919 người (đạt 356,76% so với tiêu chuẩn).

- Các ĐVHC cùng cấp liên kề: phường Bửu Long, phường Quang Vinh, phường Trung Dũng, phường Hiệp Hòa, phường An Bình (thành phố Biên Hòa); tỉnh Bình Dương.

- Nơi đặt trụ sở làm việc của ĐVHC: UBND phường Hóa An .

b) Cơ sở và lý do của việc sắp xếp ĐVHC

Phường Tân Vạn có diện tích tự nhiên dưới 100% tiêu chuẩn và quy mô dân số dưới 300% tiêu chuẩn; phường Tân Hạnh có quy mô dân số dưới 300% tiêu chuẩn; phường Bửu Hòa có diện tích tự nhiên dưới 100% tiêu chuẩn theo quy định (đơn vị thực hiện sắp xếp).

2. Thành lập phường Trăn Biên trên cơ sở nhập toàn bộ phường Bửu Long, thành phố Biên Hòa (có diện tích tự nhiên là 5,81 km² đạt 105,64% so với tiêu chuẩn, quy mô dân số là 27.779 người đạt 132,28% so với tiêu chuẩn); toàn bộ phường Quang Vinh, thành phố Biên Hòa (có diện tích tự nhiên là 1,75 km² đạt 31,82% so với tiêu chuẩn, quy mô dân số là 31.963 người đạt 152,20% so với tiêu chuẩn); toàn bộ phường Trung Dũng, thành phố Biên Hòa (có diện tích tự nhiên là 2,59 km² đạt 47,09% so với tiêu chuẩn, quy mô dân số là 50.217 người đạt 239,13% so với tiêu chuẩn); toàn bộ phường Thống Nhất, thành phố Biên Hòa (có diện tích tự nhiên là 3,42 km² đạt 62,18% so với tiêu chuẩn, quy mô dân số là 26.213 người đạt 124,82% so với tiêu chuẩn); phường

Hiệp Hòa, thành phố Biên Hòa (có diện tích tự nhiên là 7,04 km² đạt 128,00% so với tiêu chuẩn, quy mô dân số là 14.387 người đạt 68,51% so với tiêu chuẩn) và phường An Bình, thành phố Biên Hòa (có diện tích tự nhiên là 10,39 km² đạt 188,91% so với tiêu chuẩn, quy mô dân số là 46.501 người đạt 221,43% so với tiêu chuẩn).

a) Kết quả sau sắp xếp

- Phường Trấn Biên có diện tích tự nhiên là 31,00 km² (đạt 563,64% so với tiêu chuẩn), quy mô dân số là 197.060 người (đạt 938,38% so với tiêu chuẩn).

- Các ĐVHC cùng cấp liên kê: phường Tân Hạnh, phường Hóa An, phường Bửu Hòa, phường Tân Vạn, phường Long Bình Tân, phường Long Bình, phường Bình Đa, phường Tam Hiệp, phường Tân Mai, phường Tân Phong (thành phố Biên Hòa); xã Tân Bình (huyện Vĩnh Cửu); tỉnh Bình Dương.

- Nơi đặt trụ sở làm việc của ĐVHC: Trụ sở Thành ủy Biên Hòa .

b) Cơ sở và lý do của việc sắp xếp ĐVHC

Phường Quang Vinh, phường Trung Dũng, phường Thống Nhất có diện tích tự nhiên dưới 100% tiêu chuẩn; phường Hiệp Hòa có quy mô dân số dưới 200% tiêu chuẩn theo quy định (đơn vị thực hiện sắp xếp).

3. Thành lập phường Tam Hiệp trên cơ sở nhập toàn bộ phường Tân Hiệp, thành phố Biên Hòa (có diện tích tự nhiên là 3,47 km² đạt 63,09% so với tiêu chuẩn, quy mô dân số là 27.083 người đạt 128,97% so với tiêu chuẩn); toàn bộ phường Tân Mai, thành phố Biên Hòa (có diện tích tự nhiên là 2,68 km² đạt 48,73% so với tiêu chuẩn, quy mô dân số là 40.320 người đạt 192,00% so với tiêu chuẩn); toàn bộ phường Tam Hiệp, thành phố Biên Hòa (có diện tích tự nhiên là 2,17 km² đạt 39,45% so với tiêu chuẩn, quy mô dân số là 33.876 người đạt 161,31% so với tiêu chuẩn) và toàn bộ phường Bình Đa, thành phố Biên Hòa (có diện tích tự nhiên là 2,49 km² đạt 45,27% so với tiêu chuẩn, quy mô dân số là 38.162 người đạt 181,72% so với tiêu chuẩn).

a) Kết quả sau sắp xếp

- Phường Tam Hiệp có diện tích tự nhiên là 10,81 km² (đạt 196,55% so với tiêu chuẩn), quy mô dân số là 139.441 người (đạt 664,00% so với tiêu chuẩn).

- Các ĐVHC cùng cấp liên kê: phường Tân phong, phường Trung Dũng, phường Thống Nhất, phường Hiệp Hòa, phường An Bình, phường Long Bình, phường Hồ Nai, phường Trảng Dài (thành phố Biên Hòa).

- Nơi đặt trụ sở làm việc của ĐVHC: UBND phường Tam Hiệp.

b) Cơ sở và lý do của việc sắp xếp ĐVHC

Phường Tam Hiệp, phường Bình Đa có diện tích tự nhiên dưới 100% tiêu chuẩn theo quy định (đơn vị thực hiện sắp xếp).

4. Thành lập phường Long Bình trên cơ sở nhập toàn bộ phường Long Bình, thành phố Biên Hòa (có diện tích tự nhiên là 34,91 km² đạt 634,73% so với tiêu chuẩn, quy mô dân số là 71.709 người đạt 341,47% so với tiêu chuẩn); toàn bộ phường Hồ Nai, thành phố Biên Hòa (có diện tích tự nhiên là 3,88 km² đạt 70,55% so với tiêu chuẩn, quy mô dân số là 47.892 người đạt 228,06% so với tiêu chuẩn) và toàn bộ phường Tân Biên, thành phố Biên Hòa (có diện tích tự nhiên là 6,12 km² đạt 111,27% so với tiêu chuẩn, quy mô dân số là 49.013 người đạt 233,40% so với tiêu chuẩn).

a) Kết quả sau sắp xếp

- Phường Long Bình có diện tích tự nhiên là 44,91 km² (đạt 816,55% so với tiêu chuẩn), quy mô dân số là 168.614 người (đạt 802,92% so với tiêu chuẩn).

- Các ĐVHC cùng cấp liên kề: phường Tân Hòa, phường Trảng Dài, phường Tân Hiệp, phường Bình Đa, phường An Bình, phường Long Bình Tân, (thành phố Biên Hòa); xã Hồ Nai 3 (huyện Trảng Bom).

- Nơi đặt trụ sở làm việc của ĐVHC: UBND phường Long Bình.

b) Cơ sở và lý do của việc sắp xếp ĐVHC

Phường Hồ Nai có diện tích tự nhiên dưới 100% tiêu chuẩn theo quy định (đơn vị thực hiện sắp xếp).

5. Thành lập phường Trảng Dài trên cơ sở nhập toàn bộ xã Thiện Tân, huyện Vĩnh Cửu có diện tích tự nhiên là 22,83 km² (đạt 76,10% so với tiêu chuẩn), quy mô dân số là 6.108 người (đạt 38,18% so với tiêu chuẩn) và toàn bộ phường Trảng Dài, thành phố Biên Hòa có diện tích tự nhiên là 14,46 km² (đạt 262,91% so với tiêu chuẩn), quy mô dân số là 98.864 người (đạt 470,78% so với tiêu chuẩn).

a) Kết quả sau sắp xếp

- Phường Trảng Dài có diện tích tự nhiên là 37,29 km² (đạt 678,00% so với tiêu chuẩn), quy mô dân số là 104.972 người (đạt 499,87% so với tiêu chuẩn).

- Các ĐVHC cùng cấp liên kề: phường Tân Phong, phường Tân Mai, phường Tân Hiệp, phường Hồ Nai, phường Tân Hòa (thành phố Biên Hòa); xã Hồ Nai 3 (huyện Trảng Bom); xã Tân An (huyện Vĩnh Cửu) và tỉnh Bình Dương.

- Nơi đặt trụ sở làm việc của ĐVHC: UBND phường Trảng Dài

b) Cơ sở và lý do của việc sắp xếp ĐVHC

Xã Thiện Tân có diện tích tự nhiên dưới 100% tiêu chuẩn và quy mô dân số dưới 200% tiêu chuẩn theo quy định (đơn vị thực hiện sắp xếp).

6. Thành lập phường Hồ Nai trên cơ sở nhập toàn bộ phường Tân Hòa, thành phố Biên Hòa (có diện tích tự nhiên là 3,94 km² đạt 71,64% so với tiêu chuẩn, quy mô dân số là 43.022 người đạt 204,87% so với tiêu chuẩn) và toàn bộ xã Hồ Nai 3, huyện Trảng Bom (có diện tích tự nhiên là 18,91 km² đạt 63,03% so với tiêu chuẩn, quy mô dân số là 35.880 người đạt 224,25% so với tiêu chuẩn).

a) Kết quả sau sắp xếp

- Phường Hồ Nai có diện tích tự nhiên là 22,85 km² (đạt 415,45% so với tiêu chuẩn), quy mô dân số là 78.902 người (đạt 375,72% so với tiêu chuẩn).

- Các ĐVHC cùng cấp liên kề: phường Tân Biên, phường Long Bình, phường Phước Tân (thành phố Biên Hòa); xã Bắc Sơn (huyện Trảng Bom); xã Tân An, xã Thiện Tân (huyện Vĩnh Cửu).

- Nơi đặt trụ sở làm việc của ĐVHC: UBND phường Tân Hòa.

b) Cơ sở và lý do của việc sắp xếp ĐVHC

Xã Hồ Nai 3 có diện tích tự nhiên dưới 100% tiêu chuẩn theo quy định (đơn vị thực hiện sắp xếp).

7. Thành lập phường Long Hưng trên cơ sở nhập toàn bộ phường Long Bình Tân, thành phố Biên Hòa (có diện tích tự nhiên là 11,58 km² đạt 210,55% so với tiêu chuẩn, quy mô dân số là 44.926 người đạt 213,93% so với tiêu chuẩn); toàn bộ xã Long Hưng, thành phố Biên Hòa (có diện tích tự nhiên là 11,62 km² đạt 38,73% so với tiêu chuẩn, quy mô dân số là 7.196 người đạt 44,98% so với tiêu chuẩn) và toàn bộ phường An Hòa, thành phố Biên Hòa (có diện tích tự nhiên là 9,20 km² đạt 167,27% so với tiêu chuẩn, quy mô dân số là 22.062 người đạt 105,06% so với tiêu chuẩn).

a) Kết quả sau sắp xếp

- Phường Long Hưng có diện tích tự nhiên là 32,40 km² (đạt 589,09% so với tiêu chuẩn), quy mô dân số là 74.184 người (đạt 353,26% so với tiêu chuẩn).

- Các ĐVHC cùng cấp liên kề: phường Tân Vạn, phường An Bình, phường Long Bình, phường Phước Tân, phường Tam Phước (thành phố Biên Hòa); thành phố Hồ Chí Minh; tỉnh Bình Dương.

- Nơi đặt trụ sở làm việc của ĐVHC: UBND xã Long Hưng.

b) Cơ sở và lý do của việc sắp xếp ĐVHC

Xã Long Hưng có diện tích tự nhiên dưới 100% tiêu chuẩn và quy mô dân số dưới 200% tiêu chuẩn theo quy định (đơn vị thực hiện sắp xếp).

8. Thành lập xã Đại Phước trên cơ sở nhập toàn bộ xã Phú Hữu, huyện Nhơn Trạch (có diện tích tự nhiên là 21,74 km² đạt 72,47% so với tiêu chuẩn, quy mô dân số là 14.096 người đạt 88,10% so với tiêu chuẩn); toàn bộ xã Phú Đông, huyện Nhơn Trạch (có diện tích tự nhiên là 22,12 km² đạt 73,73% so với tiêu chuẩn, quy mô dân số là 14.562 người đạt 91,01% so với tiêu chuẩn); toàn bộ xã Đại Phước, huyện Nhơn Trạch (có diện tích tự nhiên là 16,59 km² đạt 55,30% so với tiêu chuẩn, quy mô dân số là 12.065 người đạt 75,41% so với tiêu chuẩn) và toàn bộ xã Phước Khánh, huyện Nhơn Trạch (có diện tích tự nhiên là 37,57 km² đạt 125,23% so với tiêu chuẩn, quy mô dân số là 14.641 người đạt 91,51% so với tiêu chuẩn).

a) Kết quả sau sắp xếp

- Xã Đại Phước có diện tích tự nhiên là 98,02 km² (đạt 326,73% so với tiêu chuẩn), quy mô dân số là 55.364 người (đạt 346,03% so với tiêu chuẩn).

- Các ĐVHC cùng cấp liên kề: xã Vĩnh Thanh, xã Phú Thạnh, xã Long Tân (huyện Nhơn Trạch); thành phố Hồ Chí Minh.

- Nơi đặt trụ sở làm việc của ĐVHC: UBND xã Phú Đông.

b) Cơ sở và lý do của việc sắp xếp ĐVHC

Xã Phú Hữu, xã Phú Đông, xã Đại Phước có diện tích tự nhiên dưới 100% tiêu chuẩn và quy mô dân số dưới 200% tiêu chuẩn; xã Phước Khánh có quy mô dân số dưới 200% tiêu chuẩn theo quy định (đơn vị thực hiện sắp xếp).

9. Thành lập xã Nhơn Trạch trên cơ sở nhập toàn bộ xã Phú Thạnh, huyện Nhơn Trạch (có diện tích tự nhiên là 17,50 km² đạt 58,33% so với tiêu chuẩn, quy mô dân số là 12.430 người đạt 77,69% so với tiêu chuẩn); xã Long Tân, huyện Nhơn Trạch (có diện tích tự nhiên là 35,70 km² đạt 119,00% so với tiêu chuẩn, quy mô dân số là 11.615 người đạt 72,59% so với tiêu chuẩn); toàn bộ xã Phú Hội, huyện Nhơn Trạch (có diện tích tự nhiên là 19,07 km² đạt 63,57% so với tiêu chuẩn, quy mô dân số là 10.845 người đạt 67,78% so với tiêu chuẩn); toàn bộ xã Phước Thiện, huyện Nhơn Trạch (có diện tích tự nhiên là 17,02 km² đạt 56,73% so với tiêu chuẩn, quy mô dân số là 20.984 người đạt 131,15% so với tiêu chuẩn) và toàn bộ thị trấn Hiệp Phước, huyện Nhơn Trạch (có diện tích tự nhiên là 18,75 km² đạt 62,50% so với tiêu chuẩn, quy mô dân số là 22.715 người đạt 141,97% so với tiêu chuẩn).

a) Kết quả sau sắp xếp

- Xã Nhơn Trạch có diện tích tự nhiên là 108,04 km² (đạt 360,13% so với tiêu chuẩn), quy mô dân số là 78.589 người (đạt 491,18% so với tiêu chuẩn).

- Các ĐVHC cùng cấp liên kề: xã Đại Phước, xã Phú Đông, xã Vĩnh Thanh, xã Phước An, xã Long Thọ (huyện Nhơn Trạch); xã Long An, xã Long Phước, xã thị trấn Long Thành, xã An Phước, xã Tam An (huyện Long Thành); thành phố Hồ Chí Minh.

- Nơi đặt trụ sở làm việc của ĐVHC: Trung tâm hành chính huyện Nhơn Trạch.

b) Cơ sở và lý do của việc sắp xếp ĐVHC

Xã Phú Thạnh, xã Phú Hội có diện tích tự nhiên dưới 100% tiêu chuẩn và quy mô dân số dưới 200% tiêu chuẩn; xã Long Tân có quy mô dân số dưới 200% tiêu chuẩn; xã Phước Thiện, thị trấn Hiệp Phước có diện tích tự nhiên dưới 100% tiêu chuẩn theo quy định (đơn vị thực hiện sắp xếp).

10. Thành lập xã Phước An trên cơ sở nhập toàn bộ xã Vĩnh Thanh, huyện Nhơn Trạch (có diện tích tự nhiên là 33,26 km² đạt 110,87% so với tiêu chuẩn, quy mô dân số là 25.569 người đạt 159,81% so với tiêu chuẩn); toàn bộ xã Long Thọ, huyện Nhơn Trạch (có diện tích tự nhiên là 23,81 km² đạt 79,37% so với tiêu chuẩn, quy mô dân số là 13.928 người đạt 87,05% so với tiêu chuẩn) và toàn bộ xã Phước An, huyện Nhơn Trạch (có diện tích tự nhiên là 113,65 km² đạt 378,83% so với tiêu chuẩn, quy mô dân số là 11.591 người đạt 72,44% so với tiêu chuẩn).

a) Kết quả sau sắp xếp

- Xã Phước An có diện tích tự nhiên là 170,72 km² (đạt 569,07% so với tiêu chuẩn), quy mô dân số là 51.088 người (đạt 319,30% so với tiêu chuẩn).

- Các ĐVHC cùng cấp liên kề: thị trấn Hiệp Phước, xã Long Tân, xã Phú Thạnh, xã Đại Phước, xã Phú Đông, xã Phước Khánh, (huyện Nhơn Trạch); xã Long An, xã Long Phước, xã Phước Thái (huyện Long Thành); thành phố Hồ Chí Minh; tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

- Nơi đặt trụ sở làm việc của ĐVHC: UBND xã Phước An.

b) Cơ sở và lý do của việc sắp xếp ĐVHC

Xã Long Thọ có diện tích tự nhiên dưới 100% tiêu chuẩn và quy mô dân số dưới 200% tiêu chuẩn; xã Phước An có quy mô dân số dưới 200% tiêu chuẩn theo quy định (đơn vị thực hiện sắp xếp).

11. Thành lập xã Phước Thái trên cơ sở nhập toàn bộ xã Phước Bình, huyện Long Thành (có diện tích tự nhiên là 36,69 km² đạt 122,30% so với tiêu chuẩn, quy mô dân số là 14.666 người đạt 91,66% so với tiêu chuẩn); toàn bộ

xã Phước Thái, huyện Long Thành (có diện tích tự nhiên là 17,89 km² đạt 59,63% so với tiêu chuẩn, quy mô dân số là 27.203 người đạt 170,02% so với tiêu chuẩn) và toàn bộ xã Tân Hiệp, huyện Long Thành (có diện tích tự nhiên là 31,28 km² đạt 104,27% so với tiêu chuẩn, quy mô dân số là 14.045 người đạt 87,78% so với tiêu chuẩn).

a) Kết quả sau sắp xếp

- Xã Phước Thái có diện tích tự nhiên là 85,86 km² (đạt 286,20% so với tiêu chuẩn), quy mô dân số là 55.914 người (đạt 349,46% so với tiêu chuẩn).

- Các ĐVHC cùng cấp liên kề: xã Bàu Cạn, xã Long Phước (huyện Long Thành); xã Phước An (huyện Nhơn Trạch); tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

- Nơi đặt trụ sở làm việc của ĐVHC: UBND xã Phước Thái.

b) Cơ sở và lý do của việc sắp xếp ĐVHC

Xã Tân Hiệp, xã Phước Bình có quy mô dân số dưới 200% tiêu chuẩn; xã Phước Thái có diện tích tự nhiên dưới 100% tiêu chuẩn theo quy định (đơn vị thực hiện sắp xếp).

12. Thành lập xã Long Phước trên cơ sở nhập toàn bộ xã Bàu Cạn, huyện Long Thành (có diện tích tự nhiên là 44,35 km² đạt 147,83% so với tiêu chuẩn, quy mô dân số là 17.962 người đạt 112,26% so với tiêu chuẩn) và toàn bộ xã Long Phước, huyện Long Thành (có diện tích tự nhiên là 37,48 km² đạt 124,93% so với tiêu chuẩn, quy mô dân số là 24.491 người đạt 153,07% so với tiêu chuẩn).

a) Kết quả sau sắp xếp

- Xã Long Phước có diện tích tự nhiên là 81,83 km² (đạt 272,77% so với tiêu chuẩn), quy mô dân số là 42.453 người (đạt 265,33% so với tiêu chuẩn).

- Các ĐVHC cùng cấp liên kề: xã Thừa Đức (huyện Cẩm Mỹ); xã Cẩm Đường, xã Bình Sơn, xã Long Phước, xã Tân Hiệp, xã Phước Bình (huyện Long Thành); tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

- Nơi đặt trụ sở làm việc của ĐVHC: UBND xã Long Phước.

b) Cơ sở và lý do của việc sắp xếp ĐVHC

Xã Long Phước, xã Bàu Cạn có diện tích tự nhiên và quy mô dân số đảm bảo tiêu chuẩn theo quy định (đơn vị khuyến khích sắp xếp).

13. Thành lập xã Bình An trên cơ sở nhập toàn bộ xã Bình An, huyện Long Thành (có diện tích tự nhiên là 29,10 km² đạt 97,00% so với tiêu chuẩn, quy mô dân số là 9.955 người đạt 62,22% so với tiêu chuẩn) và xã Long

Đức, huyện Long Thành (có diện tích tự nhiên là 30,31 km² đạt 101,03% so với tiêu chuẩn, quy mô dân số là 15.551 người đạt 97,19% so với tiêu chuẩn).

a) Kết quả sau sắp xếp

- Xã Bình An có diện tích tự nhiên là 59,41 km² (đạt 198,03% so với tiêu chuẩn), quy mô dân số là 25.506 người (đạt 159,41% so với tiêu chuẩn).

- Các ĐVHC cùng cấp liên kề: xã An Viễn, xã Trung Hòa, xã Đông Hòa (huyện Trảng Bom); xã Sông Nhạn (huyện Cẩm Mỹ); xã Cẩm Đường, xã Bình Sơn, xã Lộc An, thị trấn Long Thành, xã An Phước (huyện Long Thành).

- Nơi đặt trụ sở làm việc của ĐVHC: UBND xã Long Đức.

b) Cơ sở và lý do của việc sắp xếp ĐVHC

Xã Bình An có diện tích tự nhiên dưới 100% tiêu chuẩn và quy mô dân số dưới 200% tiêu chuẩn theo quy định (đơn vị thực hiện sắp xếp).

14. Thành lập xã Long Thành trên cơ sở nhập toàn bộ thị trấn Long Thành, huyện Long Thành (có diện tích tự nhiên là 9,16 km² đạt 30,53% so với tiêu chuẩn, quy mô dân số là 38.011 người đạt 237,57% so với tiêu chuẩn); toàn bộ xã Lộc An, huyện Long Thành (có diện tích tự nhiên là 20,27 km² đạt 67,57% so với tiêu chuẩn, quy mô dân số là 14.894 người đạt 93,09% so với tiêu chuẩn); toàn bộ xã Long An, huyện Long Thành (có diện tích tự nhiên là 28,22 km² đạt 94,07% so với tiêu chuẩn, quy mô dân số là 20.364 người đạt 127,28% so với tiêu chuẩn) và toàn bộ xã Bình Sơn, huyện Long Thành (có diện tích tự nhiên là 72,47 km² đạt 241,57% so với tiêu chuẩn, quy mô dân số là 19.737 người đạt 123,36% so với tiêu chuẩn).

a) Kết quả sau sắp xếp

- Xã Long Thành có diện tích tự nhiên là 130,12 km² (đạt 433,73% so với tiêu chuẩn), quy mô dân số là 93.006 người (đạt 581,29% so với tiêu chuẩn).

- Các ĐVHC cùng cấp liên kề: xã An Phước, xã Long Đức, xã Bình An, Bàu Cạn, xã Long Phước (huyện Long Thành); xã Long Thọ, thị trấn Hiệp Phước, xã Phước Thiện (huyện Nhơn Trạch).

- Nơi đặt trụ sở làm việc của ĐVHC: Trung tâm hành chính huyện Long Thành.

b) Cơ sở và lý do của việc sắp xếp ĐVHC

Xã Lộc An có diện tích tự nhiên dưới 100% tiêu chuẩn và quy mô dân số dưới 200% tiêu chuẩn; thị trấn Long Thành, xã Long An có diện tích tự nhiên dưới 100% tiêu chuẩn theo quy định (đơn vị thực hiện sắp xếp).

15. Thành lập xã An Phước trên cơ sở nhập toàn bộ xã Tam An, huyện Long Thành (có diện tích tự nhiên là 25,83 km² đạt 86,10% so với tiêu chuẩn, quy mô dân số là 18.800 người đạt 117,50% so với tiêu chuẩn) và toàn bộ xã An Phước, huyện Long Thành (có diện tích tự nhiên là 32,49 km² đạt 108,30% so với tiêu chuẩn, quy mô dân số là 40.866 người đạt 255,41% so với tiêu chuẩn).

a) Kết quả sau sắp xếp

- Xã An Phước có diện tích tự nhiên là 58,32 km² (đạt 194,40% so với tiêu chuẩn), quy mô dân số là 59.666 người (đạt 372,91% so với tiêu chuẩn).

- Các ĐVHC cùng cấp liên kề: xã Long Tân, xã Phước Thiện (huyện Nhơn Trạch); thị trấn Long Thành, xã Long Phước (huyện Long Thành); xã An Viễn (huyện Trảng Bom); phường Tam Phước (thành phố Biên Hòa); thành phố Hồ Chí Minh.

- Nơi đặt trụ sở làm việc của ĐVHC: UBND xã An Phước.

b) Cơ sở và lý do của việc sắp xếp ĐVHC

Xã Tam An có quy mô dân số dưới 200% tiêu chuẩn theo quy định (đơn vị thực hiện sắp xếp).

16. Thành lập xã An Viễn trên cơ sở nhập toàn bộ xã Đồi 61, huyện Trảng Bom có diện tích tự nhiên là 25,79 km² (đạt 85,97% so với tiêu chuẩn), quy mô dân số là 14.401 người (đạt 90,01% so với tiêu chuẩn); toàn bộ xã An Viễn, huyện Trảng Bom có diện tích tự nhiên là 21,95 km² (đạt 73,17% so với tiêu chuẩn), quy mô dân số là 9.749 người (đạt 60,93% so với tiêu chuẩn)

a) Kết quả sau sắp xếp

- Xã An Viễn có diện tích tự nhiên là 47,74 km² (đạt 159,13% so với tiêu chuẩn), quy mô dân số là 24.150 người (đạt 150,94% so với tiêu chuẩn).

- Các ĐVHC cùng cấp liên kề: phường Tam Phước (thành phố Biên Hòa); xã Giang Điền, xã Quảng Tiến, thị trấn Trảng Bom, xã Sông Trầu, xã Tây Hòa, xã Trung Hòa (huyện Trảng Bom); xã Bình An, xã Long Đức, xã An Phước (huyện Long Thành).

- Nơi đặt trụ sở làm việc của ĐVHC: UBND xã An Viễn.

b) Cơ sở và lý do của việc sắp xếp ĐVHC

Xã Đồi 61, xã An Viễn có diện tích tự nhiên dưới 100% tiêu chuẩn và quy mô dân số dưới 200% tiêu chuẩn theo quy định (đơn vị thực hiện sắp xếp).

17. Thành lập xã Bình Minh trên cơ sở nhập toàn bộ xã Bắc Sơn, huyện Trảng Bom có diện tích tự nhiên là 22,47 km² (đạt 74,90% so với tiêu chuẩn),

quy mô dân số là 57.557 người (đạt 359,73% so với tiêu chuẩn); toàn bộ xã Bình Minh, huyện Trảng Bom diện tích tự nhiên là 14,21 km² (đạt 47,37% so với tiêu chuẩn), quy mô dân số là 25.797 người (đạt 161,23% so với tiêu chuẩn).

a) Kết quả sau sắp xếp

- Xã Bình Minh có diện tích tự nhiên là 36,68 km² (đạt 122,27% so với tiêu chuẩn), quy mô dân số là 83.354 người (đạt 520,96% so với tiêu chuẩn).

- Các ĐVHC cùng cấp liên kề: phường Phước Tân (thành phố Biên Hòa); xã Hố Nai 3, xã Giang Điền, xã Quảng Tiến, thị trấn Trảng Bom, xã Sông Trầu (huyện Trảng Bom); xã Tân An, xã Vĩnh Tân (huyện Vĩnh Cửu).

- Nơi đặt trụ sở làm việc của ĐVHC: UBND xã Bình Minh.

b) Cơ sở và lý do của việc sắp xếp ĐVHC

Xã Bắc Sơn, xã Bình Minh có diện tích tự nhiên dưới 100% tiêu chuẩn theo quy định (đơn vị thực hiện sắp xếp).

18. Thành lập xã Trảng Bom trên cơ sở nhập toàn bộ toàn bộ xã Quảng Tiến, huyện Trảng Bom có diện tích tự nhiên là 7,04 km² (đạt 23,47% so với tiêu chuẩn), quy mô dân số là 19.337 người (đạt 120,86% so với tiêu chuẩn); toàn bộ thị trấn Trảng Bom, huyện Trảng Bom diện tích tự nhiên là 9,36 km² (đạt 31,20% so với tiêu chuẩn), quy mô dân số là 29.226 người (đạt 182,66% so với tiêu chuẩn); toàn bộ xã Sông Trầu, huyện Trảng Bom có diện tích tự nhiên là 43,29 km² (đạt 144,30% so với tiêu chuẩn), quy mô dân số là 35.300 người (đạt 220,63% so với tiêu chuẩn) và toàn bộ xã Giang Điền, huyện Trảng Bom có diện tích tự nhiên là 9,08 km² (đạt 30,27% so với tiêu chuẩn), quy mô dân số là 8.849 người (đạt 55,31% so với tiêu chuẩn).

a) Kết quả sau sắp xếp

- Xã Trảng Bom có diện tích tự nhiên là 68,77 km² (đạt 229,23% so với tiêu chuẩn), quy mô dân số là 92.712 người (đạt 579,45% so với tiêu chuẩn).

- Các ĐVHC cùng cấp liên kề: xã Vĩnh Tân (huyện Vĩnh Cửu); phường Phước Tân, phường Tam Phước (thành phố Biên Hòa); xã An Viễn, xã Đồi 61, xã Tây Hòa, xã Sông Thao, xã Cây Gáo (huyện Trảng Bom).

- Nơi đặt trụ sở làm việc của ĐVHC: Trung tâm hành chính huyện Trảng Bom.

b) Cơ sở và lý do của việc sắp xếp ĐVHC

Xã Giang Điền có diện tích tự nhiên dưới 100% tiêu chuẩn và quy mô dân số dưới 200% tiêu chuẩn; xã Bắc Sơn, xã Quảng Tiến, thị trấn Trảng Bom có

diện tích tự nhiên dưới 100% tiêu chuẩn theo quy định (đơn vị thực hiện sắp xếp).

19. Thành lập xã Bàu Hàm trên cơ sở nhập toàn bộ xã Thanh Bình, huyện Trảng Bom có diện tích tự nhiên là 31,14 km² (đạt 103,80% so với tiêu chuẩn), quy mô dân số là 16.800 người (đạt 105,00% so với tiêu chuẩn); toàn bộ xã Cây Gáo, huyện Trảng Bom có diện tích tự nhiên là 17,37 km² (đạt 57,90% so với tiêu chuẩn), quy mô dân số là 12.572 người (đạt 78,58% so với tiêu chuẩn); toàn bộ xã Sông Thao, huyện Trảng Bom có diện tích tự nhiên là 26,49 km² (đạt 88,30% so với tiêu chuẩn), quy mô dân số là 13.747 người (đạt 85,92% so với tiêu chuẩn) và toàn bộ xã Bàu Hàm, huyện Trảng Bom có diện tích tự nhiên là 22,50 km² (đạt 75,00% so với tiêu chuẩn), quy mô dân số là 12.440 người (đạt 77,75% so với tiêu chuẩn).

a) Kết quả sau sắp xếp

- Xã Bàu Hàm có diện tích tự nhiên là 97,50 km² (đạt 325,00% so với tiêu chuẩn), quy mô dân số là 55.559 người (đạt 347,24% so với tiêu chuẩn).

- Các ĐVHC cùng cấp liên kề: xã Vĩnh Tân, thị trấn Vĩnh An, xã Mã Đà (huyện Vĩnh Cửu); xã Phú Cường (huyện Định Quán; xã Gia Tân 1, xã Gia Tân 2, xã Gia Tân 3, xã Gia Kiệm, xã Quang Trung, xã Bàu Hàm 2, xã Hưng Lộc (huyện Thống Nhất); xã Bàu Hàm, xã Hưng Thịnh, xã Trung Hòa, xã Tây Hòa, xã Sông Trầu (huyện Trảng Bom).

- Nơi đặt trụ sở làm việc của ĐVHC: UBND xã Cây Gáo.

b) Cơ sở và lý do của việc sắp xếp ĐVHC

Xã Cây Gáo, xã Sông Thao, xã Bàu Hàm có diện tích tự nhiên dưới 100% tiêu chuẩn và quy mô dân số dưới 200% tiêu chuẩn theo quy định (đơn vị thực hiện sắp xếp).

20. Thành lập xã Hưng Thịnh trên cơ sở nhập toàn bộ xã Đông Hòa, huyện Trảng Bom có diện tích tự nhiên là 11,36 km² (đạt 37,87% so với tiêu chuẩn), quy mô dân số là 14.420 người (đạt 90,13% so với tiêu chuẩn); toàn bộ xã Tây Hòa, huyện Trảng Bom có diện tích tự nhiên là 14,44 km² (đạt 48,13% so với tiêu chuẩn), quy mô dân số là 18.426 người (đạt 115,16% so với tiêu chuẩn); toàn bộ xã Trung Hòa, huyện Trảng Bom có diện tích tự nhiên là 14,92 km² (đạt 49,73% so với tiêu chuẩn), quy mô dân số là 14.285 người (đạt 89,28% so với tiêu chuẩn) và toàn bộ xã Hưng Thịnh, huyện Trảng Bom có diện tích tự nhiên là 16,92 km² (đạt 56,40% so với tiêu chuẩn), quy mô dân số là 10.694 người (đạt 66,84% so với tiêu chuẩn).

a) Kết quả sau sắp xếp

- Xã Hưng Thịnh có diện tích tự nhiên là 57,64 km² (đạt 192,13% so với tiêu chuẩn), quy mô dân số là 57.825 người (đạt 361,41% so với tiêu chuẩn).

- Các ĐVHC cùng cấp liên kề: xã An Viễn, xã Đồi 61, xã Sông Trầu, xã Sông Thao (huyện Trảng Bom); xã Hưng Lộc, xã Lộ 25 (huyện Thống Nhất); xã Bình An (huyện Long Thành).

- Nơi đặt trụ sở làm việc của ĐVHC: UBND xã Trung Hòa.

b) Cơ sở và lý do của việc sắp xếp ĐVHC

Xã Đông Hòa, xã Trung Hòa, xã Hưng Thịnh có diện tích tự nhiên dưới 100% tiêu chuẩn và quy mô dân số dưới 200% tiêu chuẩn; xã Tây Hòa có diện tích tự nhiên dưới 100% tiêu chuẩn theo quy định (đơn vị thực hiện sắp xếp).

21. Thành lập xã Dầu Giây trên cơ sở nhập toàn bộ xã Hưng Lộc, huyện Thống Nhất có diện tích tự nhiên là 35,13 km² (đạt 117,07% so với tiêu chuẩn), quy mô dân số là 21.333 người (đạt 133,33% so với tiêu chuẩn); toàn bộ thị trấn Dầu Giây, huyện Thống Nhất có diện tích tự nhiên là 14,14 km² đạt 47,13% so với tiêu chuẩn, quy mô dân số là 23.281 người đạt 145,51% so với tiêu chuẩn); toàn bộ xã Bàu Hàm 2, huyện Thống Nhất có diện tích tự nhiên là 30,12 km² (đạt 100,40% so với tiêu chuẩn), quy mô dân số là 12.321 người (đạt 77,01% so với tiêu chuẩn) và toàn bộ xã Lộ 25, huyện Thống Nhất (có diện tích tự nhiên là 19,49 km² đạt 64,97% so với tiêu chuẩn, quy mô dân số là 14.986 người đạt 93,66% so với tiêu chuẩn).

a) Kết quả sau sắp xếp

- Xã Dầu Giây có diện tích tự nhiên là 98,87 km² (đạt 329,57% so với tiêu chuẩn), quy mô dân số là 71.921 người (đạt 449,51% so với tiêu chuẩn).

- Các ĐVHC cùng cấp liên kề: xã Đông Hòa, xã Hưng Thịnh, xã Sông Thao, xã Bàu Hàm (huyện Trảng Bom); xã Quang Trung, xã Xuân Thiện, xã Lộ 25 (huyện Thống Nhất); phường Suối Tre, phường Xuân Lập (thành phố Long Khánh); xã Xuân Quế, xã Sông Nhạn (huyện Cẩm Mỹ); xã Bình An (huyện Long Thành).

- Nơi đặt trụ sở làm việc của ĐVHC: Trung tâm hành chính huyện Thống Nhất.

b) Cơ sở và lý do của việc sắp xếp ĐVHC

Xã Lộ 25 có diện tích tự nhiên dưới 100% tiêu chuẩn và quy mô dân số dưới 200% tiêu chuẩn; Bàu Hàm 2 có quy mô dân số dưới 200% tiêu chuẩn; thị trấn Dầu Giây có diện tích dưới 100% tiêu chuẩn theo quy định (đơn vị thực hiện sắp xếp).

22. Thành lập xã Gia Kiệm trên cơ sở nhập toàn bộ xã Gia Kiệm, huyện Thống Nhất có diện tích tự nhiên là 33,26 km² (đạt 110,87% so với tiêu chuẩn), quy mô dân số là 29.334 người (đạt 183,34% so với tiêu chuẩn); toàn bộ xã Quang Trung, huyện Thống Nhất có diện tích tự nhiên là 30,47 km² (đạt 101,57% so với tiêu chuẩn), quy mô dân số là 23.835 người (đạt 148,97% so với tiêu chuẩn) và toàn bộ xã Gia Tân 3, huyện Thống Nhất có diện tích tự nhiên là 18,99 km² (đạt 63,30% so với tiêu chuẩn), quy mô dân số là 26.105 người (đạt 163,16% so với tiêu chuẩn)

a) Kết quả sau sắp xếp

- Xã Gia Kiệm có diện tích tự nhiên là 82,72 km² (đạt 275,73% so với tiêu chuẩn), quy mô dân số là 79.274 người (đạt 495,46% so với tiêu chuẩn).

- Các ĐVHC cùng cấp liên kề: xã Bàu Hàm, xã Thanh Bình (huyện Trảng Bom); xã Gia Tân 2, xã Xuân Thiện, xã Bàu Hàm 2 (huyện Thống Nhất); xã Phú Túc (huyện Định Quán).

- Nơi đặt trụ sở làm việc của ĐVHC: UBND xã Gia Kiệm.

b) Cơ sở và lý do của việc sắp xếp ĐVHC

Xã Gia Tân 3 có diện tích tự nhiên dưới 100% tiêu chuẩn theo quy định (đơn vị thực hiện sắp xếp).

23. Thành lập xã Thống Nhất trên cơ sở nhập toàn bộ xã Gia Tân 1, huyện Thống Nhất có diện tích tự nhiên là 21,14 km² (đạt 70,47% so với tiêu chuẩn), quy mô dân số là 18.992 người (đạt 118,70% so với tiêu chuẩn); toàn bộ xã Gia Tân 2, huyện Thống Nhất có diện tích tự nhiên là 14,61 km² (đạt 48,70% so với tiêu chuẩn), quy mô dân số là 17.360 người (đạt 108,50% so với tiêu chuẩn); toàn bộ xã Phú Cường, huyện Định Quán có diện tích tự nhiên là 56,35 km² (đạt 187,83% so với tiêu chuẩn), quy mô dân số là 18.830 người (đạt 117,69% so với tiêu chuẩn) và toàn bộ xã Phú Túc, huyện Định Quán có diện tích tự nhiên là 27,97 km² (đạt 93,23% so với tiêu chuẩn), quy mô dân số là 16.483 người (đạt 103,02% so với tiêu chuẩn)

a) Kết quả sau sắp xếp

- Xã Thống Nhất có diện tích tự nhiên là 120,07 km² (đạt 400,23% so với tiêu chuẩn), quy mô dân số là 71.665 người (đạt 447,91% so với tiêu chuẩn).

- Các ĐVHC cùng cấp liên kề: xã Thanh Bình (huyện Trảng Bom); xã La Ngà, xã Túc Trưng, xã Suối Nho (huyện Định Quán); xã Xuân Thiện, xã Gia Tân 3, xã Gia Kiệm (huyện Thống Nhất), xã Mã Đà (huyện Vĩnh Cửu).

- Nơi đặt trụ sở làm việc của ĐVHC: UBND xã Gia Tân 1.

b) Cơ sở và lý do của việc sắp xếp ĐVHC

Xã Gia Tân 1, xã Gia Tân 2, xã Phú Túc có diện tích tự nhiên dưới 100% tiêu chuẩn theo quy định (đơn vị thực hiện sắp xếp).

24. Thành lập phường Bình Lộc trên cơ sở nhập toàn bộ xã Xuân Thiện, huyện Thống Nhất có diện tích tự nhiên là 31,19 km² (đạt 103,97% so với tiêu chuẩn), quy mô dân số là 12.536 người (đạt 78,35% so với tiêu chuẩn); toàn bộ xã Bình Lộc, thành phố Long Khánh có diện tích tự nhiên là 21,81 km² (đạt 72,70% so với tiêu chuẩn), quy mô dân số là 10.441 người (đạt 65,26% so với tiêu chuẩn) và toàn bộ phường Suối Tre, thành phố Long Khánh (có diện tích tự nhiên là 24,21 km² đạt 440,18% so với tiêu chuẩn, quy mô dân số là 13.218 người đạt 62,94% so với tiêu chuẩn).

a) Kết quả sau sắp xếp

- Phường Bình Lộc có diện tích tự nhiên là 77,21 km² (đạt 1403,82% so với tiêu chuẩn), quy mô dân số là 36.195 người (đạt 172,36% so với tiêu chuẩn).

- Các ĐVHC cùng cấp liên kề: thị trấn Dầu Giây, xã Bàu Hàm 2, xã Quang Trung, xã Gia Kiệm (huyện Thống Nhất); xã Phú Túc, xã Suối Nho (huyện Định Quán); xã Xuân Bắc (huyện Xuân Lộc); xã Bảo Quang, phường Bảo Vinh, phường Xuân An, phường Xuân Bình, phường Bàu Sen, phường Xuân Lập (thành phố Long Khánh).

- Nơi đặt trụ sở làm việc của ĐVHC: UBND xã Bình Lộc.

b) Cơ sở và lý do của việc sắp xếp ĐVHC

Xã Bình Lộc có diện tích tự nhiên dưới 100% tiêu chuẩn và quy mô dân số dưới 200% tiêu chuẩn; xã Xuân Thiện có quy mô dân số dưới 200% tiêu chuẩn; phường Suối Tre có quy mô dân số dưới 300% tiêu chuẩn theo quy định (đơn vị thực hiện sắp xếp).

25. Thành lập phường Bảo Vinh trên cơ sở nhập toàn bộ xã Bảo Quang, thành phố Long Khánh (có diện tích tự nhiên là 35,08 km² đạt 116,93% so với tiêu chuẩn, quy mô dân số là 14.560 người đạt 91,00% so với tiêu chuẩn) và toàn bộ phường Bảo Vinh, thành phố Long Khánh (có diện tích tự nhiên là 15,77 km² đạt 286,73% so với tiêu chuẩn, quy mô dân số là 22.429 người đạt 106,80% so với tiêu chuẩn).

a) Kết quả sau sắp xếp

- Phường Bảo Vinh có diện tích tự nhiên là 50,85 km² (đạt 924,55% so với tiêu chuẩn), quy mô dân số là 36.989 người (đạt 176,14% so với tiêu chuẩn).

- Các ĐVHC cùng cấp liên kề: phường Xuân Bình, phường Suối Tre, xã Bàu Trâm, xã Bình Lộc (thành phố Long Khánh); xã Xuân Bắc, xã Xuân Thọ (huyện Xuân Lộc).

- Nơi đặt trụ sở làm việc của ĐVHC: UBND phường Bảo Vinh.

b) Cơ sở và lý do của việc sắp xếp ĐVHC

Xã Bảo Quang có quy mô dân số dưới 200% tiêu chuẩn theo quy định (đơn vị thực hiện sắp xếp).

26. Thành lập phường Xuân Lập trên cơ sở nhập toàn bộ phường Bàu Sen, thành phố Long Khánh (có diện tích tự nhiên là 12,94 km² đạt 235,27% so với tiêu chuẩn, quy mô dân số là 7.505 người đạt 35,74% so với tiêu chuẩn) và toàn bộ phường Xuân Lập, thành phố Long Khánh (có diện tích tự nhiên là 16,25 km² đạt 295,45% so với tiêu chuẩn, quy mô dân số là 11.442 người đạt 54,49% so với tiêu chuẩn).

a) Kết quả sau sắp xếp

- Phường Xuân Lập có diện tích tự nhiên là 29,19 km² (đạt 530,73% so với tiêu chuẩn), quy mô dân số là 18.947 người (đạt 90,22% so với tiêu chuẩn).

- Các ĐVHC cùng cấp liên kề: xã Bàu Hàm 2, thị trấn Dầu Giây, xã Hưng Lộc (huyện Thống Nhất); xã Xuân Quế (huyện Cẩm Mỹ); xã Hàng Gòn, phường Xuân Tân, phường Phú Bình, phường Xuân Hòa, phường Xuân Bình, phường Suối Tre (thành phố Long Khánh).

- Nơi đặt trụ sở làm việc của ĐVHC: UBND phường Bàu Sen.

b) Cơ sở và lý do của việc sắp xếp ĐVHC

Phường Xuân Lập, phường Bàu Sen có quy mô dân số dưới 300% tiêu chuẩn theo quy định (đơn vị thực hiện sắp xếp).

27. Thành lập phường Long Khánh trên cơ sở nhập toàn bộ phường Xuân An, thành phố Long Khánh (có diện tích tự nhiên là 3,81 km² đạt 69,72% so với tiêu chuẩn, quy mô dân số là 41.673 người đạt 198,44% so với tiêu chuẩn); toàn bộ phường Xuân Bình, thành phố Long Khánh (có diện tích tự nhiên là 1,21 km² đạt 22,00% so với tiêu chuẩn, quy mô dân số là 9.892 người đạt 47,10% so với tiêu chuẩn); toàn bộ phường Xuân Hòa, thành phố Long Khánh (có diện tích tự nhiên là 2,18 km² đạt 39,64% so với tiêu chuẩn, quy mô dân số là 10.650 người đạt 50,71% so với tiêu chuẩn); toàn bộ phường Phú Bình, thành phố Long Khánh (có diện tích tự nhiên là 2,33 km² đạt 42,36% so với tiêu chuẩn, quy mô dân số là 5.761 người đạt 27,43% so với tiêu chuẩn) và toàn bộ xã Bàu Trâm, thành phố Long Khánh (có diện tích tự nhiên là 11,79 km² đạt 39,30% so với tiêu chuẩn, quy mô dân số là 9.094 người đạt 56,84% so với tiêu chuẩn).

a) Kết quả sau sắp xếp

- Phường Long Khánh có diện tích tự nhiên là 21,32 km² (đạt 387,64 so với tiêu chuẩn), quy mô dân số là 77.070 người (đạt 367,00% so với tiêu chuẩn).

- Các ĐVHC cùng cấp liên kề: phường Xuân Tân, phường Phú Bình, phường Xuân Bình, phường Bảo Vinh (thành phố Long Khánh); xã Xuân Thọ, xã Xuân Phú, xã Bảo Hòa, xã Xuân Định (huyện Xuân Lộc).

- Nơi đặt trụ sở làm việc của ĐVHC: Trung tâm hành chính thành phố Long Khánh.

b) Cơ sở và lý do của việc sắp xếp ĐVHC

Phường Bàu Trâm có diện tích tự nhiên dưới 100% tiêu chuẩn và quy mô dân số dưới 200% tiêu chuẩn; phường Xuân Bình, phường Xuân Hòa có diện tích tự nhiên dưới 100% tiêu chuẩn và quy mô dân số dưới 300% tiêu chuẩn; phường Xuân An có diện tích tự nhiên dưới 100% tiêu chuẩn theo quy định (đơn vị thực hiện sắp xếp).

28. Thành lập phường Hàng Gòn trên cơ sở nhập toàn bộ xã Hàng Gòn, thành phố Long Khánh (có diện tích tự nhiên là 34,98 km² đạt 116,60% so với tiêu chuẩn, quy mô dân số là 13.710 người đạt 85,69% so với tiêu chuẩn); toàn bộ phường Xuân Tân, thành phố Long Khánh (có diện tích tự nhiên là 10,62 km² đạt 193,09% so với tiêu chuẩn, quy mô dân số là 11.221 người đạt 53,43% so với tiêu chuẩn).

a) Kết quả sau sắp xếp

- Phường Hàng Gòn có diện tích tự nhiên là 45,6 km² (đạt 829,09% so với tiêu chuẩn), quy mô dân số là 24.931 người (đạt 118,72% so với tiêu chuẩn).

- Các ĐVHC cùng cấp liên kề: phường Xuân Lập, phường Bàu Sen, phường Phú Bình (thành phố Long Khánh); xã Xuân Định (huyện Xuân Lộc); xã Nhân Nghĩa, xã Xuân Quế (huyện Cẩm Mỹ).

- Nơi đặt trụ sở làm việc của ĐVHC: UBND xã Hàng Gòn.

b) Cơ sở và lý do của việc sắp xếp ĐVHC

Phường Xuân Tân có quy mô dân số dưới 300% tiêu chuẩn và xã Hàng Gòn có quy mô dân số dưới 200% tiêu chuẩn theo quy định (đơn vị thực hiện sắp xếp).

29. Thành lập xã Xuân Quế trên cơ sở nhập toàn bộ xã Sông Nhạn, huyện Cẩm Mỹ (có diện tích tự nhiên là 47,88 km² đạt 159,60% so với tiêu chuẩn, quy mô dân số là 10.748 người đạt 67,18% so với tiêu chuẩn) và toàn bộ xã Xuân Quế, huyện Cẩm Mỹ (có diện tích tự nhiên là 45,03 km² đạt 150,10% so với tiêu chuẩn, quy mô dân số là 10.441 người đạt 65,26% so với tiêu chuẩn).

a) Kết quả sau sắp xếp

- Xã Xuân Quế có diện tích tự nhiên là 92,91 km² (đạt 309,70% so với tiêu chuẩn), quy mô dân số là 21.189 người (đạt 132,43% so với tiêu chuẩn).

- Các ĐVHC cùng cấp liên kề: xã Hàng Gòn, phường Xuân Lập (thành phố Long Khánh); xã Hưng Lộc, xã Lộ 25 (huyện Thống Nhất); xã Bình An, xã Cẩm Đường (huyện Long Thành); xã Xuân Đường, xã Xuân Mỹ, thị trấn Long Giao, xã Nhân Nghĩa (huyện Cẩm Mỹ).

- Nơi đặt trụ sở làm việc của ĐVHC: UBND xã Sông Nhạn.

b) Cơ sở và lý do của việc sắp xếp ĐVHC

Xã Xuân Quế, xã Sông Nhạn có quy mô dân số dưới 200% tiêu chuẩn theo quy định (đơn vị thực hiện sắp xếp).

30. Thành lập xã Xuân Đường trên cơ sở nhập toàn bộ xã Cẩm Đường, huyện Long Thành (có diện tích tự nhiên là 15,08 km² đạt 50,27% so với tiêu chuẩn, quy mô dân số là 8.766 người đạt 54,79% so với tiêu chuẩn); toàn bộ xã Thừa Đức, huyện Cẩm Mỹ (có diện tích tự nhiên là 29,90 km² đạt 99,67% so với tiêu chuẩn, quy mô dân số là 10.322 người đạt 64,51% so với tiêu chuẩn) và toàn bộ xã Xuân Đường, huyện Cẩm Mỹ (có diện tích tự nhiên là 37,13 km² đạt 123,77% so với tiêu chuẩn, quy mô dân số là 7.477 người đạt 46,73% so với tiêu chuẩn).

a) Kết quả sau sắp xếp

- Xã Xuân Đường có diện tích tự nhiên là 82,11 km² (đạt 273,70% so với tiêu chuẩn), quy mô dân số là 26.565 người (đạt 166,03% so với tiêu chuẩn).

- Các ĐVHC cùng cấp liên kề: xã Xuân Mỹ, thị trấn Long Giao, xã Xuân Quế, xã Sông Nhạn (huyện Cẩm Mỹ); xã Bình An, xã Bình Sơn, xã Bàu Can (huyện Long Thành); tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

- Nơi đặt trụ sở làm việc của ĐVHC: UBND xã Thừa Đức.

b) Cơ sở và lý do của việc sắp xếp ĐVHC

Xã Thừa Đức, xã Cẩm Đường có diện tích dưới 100% tiêu chuẩn và quy mô dân số dưới 200% tiêu chuẩn; xã Xuân Đường có quy mô dân số dưới 200% tiêu chuẩn theo quy định (đơn vị thực hiện sắp xếp).

31. Thành lập xã Cẩm Mỹ trên cơ sở nhập toàn bộ xã Nhân Nghĩa, huyện Cẩm Mỹ (có diện tích tự nhiên là 16,30 km² đạt 54,33% so với tiêu chuẩn, quy mô dân số là 7.679 người đạt 47,99% so với tiêu chuẩn); toàn bộ thị trấn Long Giao, huyện Cẩm Mỹ (có diện tích tự nhiên là 33,78 km² đạt 112,60% so với tiêu chuẩn, quy mô dân số là 8.365 người đạt 52,28% so với tiêu chuẩn); toàn bộ xã Xuân Mỹ, huyện Cẩm Mỹ (có diện tích tự nhiên là 27,41 km² đạt 91,37% so với tiêu chuẩn, quy mô dân số là 13.658 người đạt 85,36% so với

tiêu chuẩn) và toàn bộ xã Bảo Bình, huyện Cẩm Mỹ (có diện tích tự nhiên là 35,65 km² đạt 118,83% so với tiêu chuẩn, quy mô dân số là 16.026 người đạt 100,16% so với tiêu chuẩn).

a) Kết quả sau sắp xếp

- Xã Cẩm Mỹ có diện tích tự nhiên là 113,14 km² (đạt 377,13% so với tiêu chuẩn), quy mô dân số là 45.728 người (đạt 285,80% so với tiêu chuẩn).

- Các ĐVHC cùng cấp liên kề: xã Hàng Gòn (thành phố Long Khánh); xã Xuân Đường, xã Xuân Quế, xã Xuân Bảo, xã Xuân Tây, xã Sông Ray (huyện Cẩm Mỹ); tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

- Nơi đặt trụ sở làm việc của ĐVHC: Trung tâm hành chính huyện Cẩm Mỹ.

b) Cơ sở và lý do của việc sắp xếp ĐVHC

Xã Nhân Nghĩa, xã Xuân Mỹ có diện tích tự nhiên dưới 100%, quy mô dân số dưới 200% tiêu chuẩn; thị trấn Long Giao quy mô dân số dưới 200% tiêu chuẩn theo quy định (đơn vị thực hiện sắp xếp).

32. Thành lập xã Sông Ray trên cơ sở nhập toàn bộ xã Lâm San, huyện Cẩm Mỹ (có diện tích tự nhiên là 32,47 km² đạt 108,23% so với tiêu chuẩn, quy mô dân số là 10.675 người đạt 66,72% so với tiêu chuẩn) và toàn bộ xã Sông Ray, huyện Cẩm Mỹ (có diện tích tự nhiên là 33,13 km² đạt 110,43% so với tiêu chuẩn, quy mô dân số là 20.671 người đạt 129,19% so với tiêu chuẩn).

a) Kết quả sau sắp xếp

- Xã Sông Ray có diện tích tự nhiên là 65,60 km² (đạt 218,67% so với tiêu chuẩn), quy mô dân số là 31.346 người (đạt 195,91% so với tiêu chuẩn).

- Các ĐVHC cùng cấp liên kề: xã Xuân Đông, xã Xuân Tây, xã Xuân Mỹ (huyện Cẩm Mỹ); tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

- Nơi đặt trụ sở làm việc của ĐVHC: UBND xã Sông Ray.

b) Cơ sở và lý do của việc sắp xếp ĐVHC

Xã Lâm San có quy mô dân số dưới 200% tiêu chuẩn theo quy định (đơn vị thực hiện sắp xếp).

33. Thành lập xã Xuân Đông trên cơ sở nhập toàn bộ xã Xuân Tây, huyện Cẩm Mỹ (có diện tích tự nhiên là 52,99 km² đạt 176,63% so với tiêu chuẩn, quy mô dân số là 23.371 người đạt 146,07% so với tiêu chuẩn); toàn bộ xã Xuân Đông, huyện Cẩm Mỹ (có diện tích tự nhiên là 49,48 km² đạt 164,93% so với tiêu chuẩn, quy mô dân số là 22.748 người đạt 142,18% so với tiêu

chuẩn) và tiếp nhận toàn bộ ấp Bằng Lăng, xã Xuân Tâm, huyện Xuân Lộc có diện tích tự nhiên 5,5 km² và quy mô dân số 1.504 người.

a) Kết quả sau sắp xếp

- Xã Xuân Đông có diện tích tự nhiên là 107,97 km² (đạt 359,9% so với tiêu chuẩn), quy mô dân số là 47.623 người (đạt 297,64% so với tiêu chuẩn).

- Các ĐVHC cùng cấp liên kề: xã Xuân Phú, xã Suối Cát, xã Xuân Hiệp, xã Xuân Tâm (huyện Xuân Lộc); xã Xuân Bảo, xã Bảo Bình, xã Xuân Mỹ, xã Sông Ray (huyện Cẩm Mỹ); tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

- Nơi đặt trụ sở làm việc của ĐVHC: UBND xã Xuân Đông.

b) Cơ sở và lý do của việc sắp xếp ĐVHC: không

Ấp Bằng Lăng, xã Xuân Tâm, huyện Xuân Lộc có vị trí biệt lập bởi Trường bắn Quốc gia 3 cách trung tâm UBND xã Xuân Tâm khoảng 20 km, và cách trung tâm xã dự kiến thành lập khoảng 30 km. Xét về vị trí liên kề, ấp Bằng Lăng giáp với xã Xuân Đông, huyện Cẩm Mỹ nên mọi hoạt động sinh hoạt, giao dịch của người dân gắn liền với xã Xuân Đông, kể cả học sinh đi học. Do đó việc đề xuất điều chỉnh toàn bộ ấp Bằng Lăng, xã Xuân Tâm về xã Xuân Đông, huyện Cẩm Mỹ là phù hợp.

34. Thành lập xã Xuân Định trên cơ sở nhập toàn bộ xã Xuân Bảo, huyện Cẩm Mỹ (có diện tích tự nhiên là 21,44 km² đạt 71,47% so với tiêu chuẩn, quy mô dân số là 11.684 người đạt 73,03% so với tiêu chuẩn); toàn bộ xã Bảo Hòa, huyện Xuân Lộc (có diện tích tự nhiên là 17,81 km² đạt 59,37% so với tiêu chuẩn, quy mô dân số là 15.345 người đạt 95,91% so với tiêu chuẩn) và toàn bộ xã Xuân Định, huyện Xuân Lộc (có diện tích tự nhiên là 13,04 km² đạt 43,47% so với tiêu chuẩn, quy mô dân số là 9.841 người đạt 61,51% so với tiêu chuẩn).

a) Kết quả sau sắp xếp

- Xã Xuân Định có diện tích tự nhiên là 52,29 km² (đạt 174,3% so với tiêu chuẩn), quy mô dân số là 36.870 người (đạt 230,44% so với tiêu chuẩn).

- Các ĐVHC cùng cấp liên kề: xã Hàng Gòn, phường Xuân Tân, phường Xuân Hòa, xã Bàu Trâm (thành phố Long Khánh); xã Xuân Phú (huyện Xuân Lộc); xã Xuân Tây, xã Bảo Bình, xã Nhân Nghĩa (huyện Cẩm Mỹ).

- Nơi đặt trụ sở làm việc của ĐVHC: UBND xã Xuân Định.

b) Cơ sở và lý do của việc sắp xếp ĐVHC

Xã Xuân Bảo, Bảo Hòa, Xuân Định có diện tích tự nhiên dưới 100% tiêu chuẩn và quy mô dân số dưới 200% tiêu chuẩn theo quy định (đơn vị thực hiện sắp xếp).

35. Thành lập xã Xuân Phú trên cơ sở nhập toàn bộ xã Xuân Phú, huyện Xuân Lộc (có diện tích tự nhiên là 38,60 km² đạt 128,67% so với tiêu chuẩn, quy mô dân số là 19.616 người đạt 122,60% so với tiêu chuẩn) và toàn bộ xã Lang Minh, huyện Xuân Lộc (có diện tích tự nhiên là 17,03 km² đạt 56,77% so với tiêu chuẩn, quy mô dân số là 9.992 người đạt 62,45% so với tiêu chuẩn).

a) Kết quả sau sắp xếp

- Xã Xuân Phú có diện tích tự nhiên là 55,63 km² (đạt 185,43% so với tiêu chuẩn), quy mô dân số là 29.608 người (đạt 185,05% so với tiêu chuẩn).

- Các ĐVHC cùng cấp liên kề: xã Bà Trâm (thành phố Long Khánh); xã Xuân Phú (huyện Xuân Lộc); xã Xuân Tây, xã Xuân Đông (huyện Cẩm Mỹ); xã Xuân Thọ, xã Suối Cát, xã Xuân Hiệp, xã Xuân Tâm (huyện Xuân Lộc).

- Nơi đặt trụ sở làm việc của ĐVHC: UBND xã Xuân Phú.

b) Cơ sở và lý do của việc sắp xếp ĐVHC

Xã Lang Minh có diện tích tự nhiên dưới 100% tiêu chuẩn và quy mô dân số dưới 200% tiêu chuẩn theo quy định (đơn vị thực hiện sắp xếp).

36. Thành lập xã Xuân Lộc trên cơ sở nhập xã Xuân Thọ, huyện Xuân Lộc (có diện tích tự nhiên là 37,54 km² đạt 125,13% so với tiêu chuẩn, quy mô dân số là 24.228 người đạt 151,43% so với tiêu chuẩn); xã Xuân Trường, huyện Xuân Lộc (có diện tích tự nhiên là 47,23 km² đạt 157,43% so với tiêu chuẩn, quy mô dân số là 21.686 người đạt 135,54% so với tiêu chuẩn); toàn bộ thị trấn Gia Ray, huyện Xuân Lộc (có diện tích tự nhiên là 13,95 km² đạt 46,50% so với tiêu chuẩn, quy mô dân số là 23.093 người đạt 144,33% so với tiêu chuẩn); toàn bộ xã Suối Cát, huyện Xuân Lộc (có diện tích tự nhiên là 17,14 km² đạt 57,13% so với tiêu chuẩn, quy mô dân số là 15.185 người đạt 94,91% so với tiêu chuẩn) và toàn bộ xã Xuân Hiệp, huyện Xuân Lộc (có diện tích tự nhiên là 24,64 km² đạt 82,13% so với tiêu chuẩn, quy mô dân số là 20.112 người đạt 125,70% so với tiêu chuẩn).

a) Kết quả sau sắp xếp

- Xã Xuân Lộc có diện tích tự nhiên là 140,50 km² (đạt 468,33% so với tiêu chuẩn), quy mô dân số là 104.304 người (đạt 651,90% so với tiêu chuẩn).

- Các ĐVHC cùng cấp liên kề: xã Xuân Phú, xã Lang Minh, xã Xuân Tâm, xã Xuân Thành, xã Suối Cao, xã Xuân Bắc (huyện Xuân Lộc); xã Bảo Quang, phường Bảo Vinh (thành phố Long Khánh).

- Nơi đặt trụ sở làm việc của ĐVHC: Trung tâm hành chính huyện Xuân Lộc.

b) Cơ sở và lý do của việc sắp xếp ĐVHC

Xã Suối Cát có diện tích tự nhiên dưới 100% tiêu chuẩn và quy mô dân số dưới 200% tiêu chuẩn; thị trấn Gia Ray, xã Xuân Hiệp có diện tích tự nhiên dưới 200% tiêu chuẩn theo quy định (đơn vị thực hiện sắp xếp).

37. Thành lập xã Xuân Hòa trên cơ sở nhập toàn bộ xã Xuân Hòa, huyện Xuân Lộc (có diện tích tự nhiên là 87,07 km² đạt 290,23% so với tiêu chuẩn, quy mô dân số là 15.426 người đạt 96,41% so với tiêu chuẩn); toàn bộ xã Xuân Hưng, huyện Xuân Lộc (có diện tích tự nhiên là 104,27 km² đạt 347,57% so với tiêu chuẩn, quy mô dân số là 31.872 người đạt 199,20% so với tiêu chuẩn) và điều chỉnh toàn bộ ấp Bằng Lăng, xã Xuân Tâm (có diện tích tự nhiên là 5,50 km², quy mô dân số là 1.504 người) về xã Xuân Đông, huyện Cẩm Mỹ; xã Xuân Tâm, huyện Xuân Lộc sau điều chỉnh (có diện tích tự nhiên là 114,62 km² đạt 382,06% so với tiêu chuẩn, quy mô dân số là 31.193 người đạt 194,95% so với tiêu chuẩn).

a) Kết quả sau sắp xếp

- Xã Xuân Hòa có diện tích tự nhiên là 305,96 km² (đạt 1019,87% so với tiêu chuẩn), quy mô dân số là 78.491 người (đạt 490,57% so với tiêu chuẩn).

- Các ĐVHC cùng cấp liên kề: xã Xuân Thành, xã Xuân Trường, thị trấn Gia Ray, xã Xuân Hiệp, xã Lang Minh (huyện Xuân Lộc); xã Xuân Đông (huyện Cẩm Mỹ); tỉnh Bình Thuận.

- Nơi đặt trụ sở làm việc của ĐVHC: UBND xã Xuân Hưng.

b) Cơ sở và lý do của việc sắp xếp ĐVHC

Xã Xuân Hòa có quy mô dân số dưới 200% tiêu chuẩn theo quy định (đơn vị thực hiện sắp xếp).

38. Thành lập xã Xuân Thành trên cơ sở nhập toàn bộ xã Xuân Thành, huyện Xuân Lộc (có diện tích tự nhiên là 68,70 km² đạt 229,00% so với tiêu chuẩn, quy mô dân số là 11.467 người đạt 71,67% so với tiêu chuẩn) và toàn bộ xã Suối Cao, huyện Xuân Lộc (có diện tích tự nhiên là 54,01 km² đạt 180,03% so với tiêu chuẩn, quy mô dân số là 10.540 người đạt 65,88% so với tiêu chuẩn).

a) Kết quả sau sắp xếp

- Xã Xuân Thành có diện tích tự nhiên là 122,71 km² (đạt 409,03% so với tiêu chuẩn), quy mô dân số là 22.007 người (đạt 137,54% so với tiêu chuẩn).

- Các ĐVHC cùng cấp liên kề: xã Xuân Hòa, xã Xuân Hưng, xã Xuân Tâm, xã Xuân Trường, xã Xuân Thọ, xã Xuân Bắc (huyện Xuân Lộc); xã Gia Canh (huyện Định Quán); tỉnh Bình Thuận.

- Nơi đặt trụ sở làm việc của ĐVHC: UBND xã Xuân Thành.

b) Cơ sở và lý do của việc sắp xếp ĐVHC

Xã Xuân Thành có quy mô dân số dưới 200% tiêu chuẩn theo quy định (đơn vị thực hiện sắp xếp).

39. Thành lập xã Xuân Bắc trên cơ sở nhập toàn bộ xã Xuân Bắc, huyện Xuân Lộc (có diện tích tự nhiên là 63,17 km² đạt 210,57% so với tiêu chuẩn, quy mô dân số là 24.005 người đạt 150,03% so với tiêu chuẩn) và toàn bộ xã Suối Nho, huyện Định Quán (có diện tích tự nhiên là 33,27 km² đạt 110,90% so với tiêu chuẩn, quy mô dân số là 20.861 người đạt 130,38% so với tiêu chuẩn).

a) Kết quả sau sắp xếp

- Xã Xuân Bắc có diện tích tự nhiên là 96,44 km² (đạt 321,47% so với tiêu chuẩn), quy mô dân số là 44.866 người (đạt 280,41% so với tiêu chuẩn).

- Các ĐVHC cùng cấp liên kề: xã Suối Cao, xã Xuân Thọ (huyện Xuân Lộc); xã Bảo Quang, xã Bình Lộc (thành phố Long Khánh); xã Xuân Thiện (huyện Thống Nhất); xã Phú Túc, xã Túc Trung, xã Phú Ngọc (huyện Định Quán);.

- Nơi đặt trụ sở làm việc của ĐVHC: UBND xã Xuân Bắc.

b) Cơ sở và lý do của việc sắp xếp ĐVHC

Xã Xuân Bắc, xã Suối Nho đảm bảo về tiêu chuẩn diện tích tự nhiên và quy mô dân số (đơn vị khuyến khích sắp xếp).

40. Thành lập xã La Ngà trên cơ sở nhập toàn bộ xã Túc Trung, huyện Định Quán có diện tích tự nhiên là 51,42 km² (đạt 171,40% so với tiêu chuẩn), quy mô dân số là 13.453 người (đạt 84,08% so với tiêu chuẩn) và toàn bộ xã La Ngà, huyện Định Quán có diện tích tự nhiên là 82,03 km² (đạt 273,43% so với tiêu chuẩn), quy mô dân số là 19.858 người (đạt 124,11% so với tiêu chuẩn).

a) Kết quả sau sắp xếp

- Xã La Ngà có diện tích tự nhiên là 133,45 km² (đạt 444,83% so với tiêu chuẩn), quy mô dân số là 33.311 người (đạt 208,19% so với tiêu chuẩn).

- Các ĐVHC cùng cấp liên kề: xã Mã Đà (huyện Vĩnh Cửu); xã Thanh Sơn, xã Ngọc Định, xã Phú Ngọc, xã Suối Nho, xã Phú Túc, xã Phú Cường (huyện Định Quán).

- Nơi đặt trụ sở làm việc của ĐVHC: UBND xã La Ngà.

b) Cơ sở và lý do của việc sắp xếp ĐVHC

Xã Túc Trung có quy mô dân số dưới 200% tiêu chuẩn theo quy định (đơn vị thực hiện sắp xếp).

41. Thành lập xã Định Quán trên cơ sở nhập toàn bộ xã Phú Ngọc, huyện Định Quán có diện tích tự nhiên là 70,15 km² (đạt 233,83% so với tiêu chuẩn), quy mô dân số là 22.783 người (đạt 142,39% so với tiêu chuẩn); toàn bộ xã Gia Canh, huyện Định Quán có diện tích tự nhiên là 171,98 km² (đạt 573,27% so với tiêu chuẩn), quy mô dân số là 23.762 người (đạt 148,51% so với tiêu chuẩn) và toàn bộ thị trấn Định Quán, huyện Định Quán có diện tích tự nhiên là 10,04 km² (đạt 33,47% so với tiêu chuẩn), quy mô dân số là 27.942 người (đạt 174,64% so với tiêu chuẩn) và toàn bộ xã Ngọc Định, huyện Định Quán có diện tích tự nhiên là 43,65 km² (đạt 145,50% so với tiêu chuẩn), quy mô dân số là 11.036 người (đạt 68,98% so với tiêu chuẩn)

a) Kết quả sau sắp xếp

- Xã Định Quán có diện tích tự nhiên là 295,82 km² (đạt 986,07% so với tiêu chuẩn), quy mô dân số là 85.523 người (đạt 534,52% so với tiêu chuẩn).

- Các ĐVHC cùng cấp liên kề: xã Suối Cao, xã Xuân Bắc (huyện Xuân Lộc); xã Suối Nho, xã Túc Trung, xã La Ngà, xã Thanh Sơn, xã Phú Vinh, xã Phú Lợi, xã Phú Hòa (huyện Định Quán); xã Phú Điền (huyện Tân Phú); tỉnh Bình Thuận.

- Nơi đặt trụ sở làm việc của ĐVHC: Trung tâm hành chính huyện Định Quán.

b) Cơ sở và lý do của việc sắp xếp ĐVHC

Thị trấn Định Quán có diện tích tự nhiên dưới 100% tiêu chuẩn theo quy định (đơn vị thực hiện sắp xếp).

42. Thành lập xã Phú Vinh trên cơ sở nhập toàn bộ xã Phú Tân, huyện Định Quán (có diện tích tự nhiên là 44,93 km² đạt 149,77% so với tiêu chuẩn, quy mô dân số là 12.195 người đạt 76,22% so với tiêu chuẩn); toàn bộ xã Phú Vinh, huyện Định Quán có diện tích tự nhiên là 24,52 km² (đạt 81,73% so với tiêu chuẩn), quy mô dân số là 19.133 người (đạt 119,58% so với tiêu chuẩn).

a) Kết quả sau sắp xếp

- Xã Phú Vinh có diện tích tự nhiên là 69,45 km² (đạt 231,50% so với tiêu chuẩn), quy mô dân số là 31.328 người (đạt 195,80% so với tiêu chuẩn).

- Các ĐVHC cùng cấp liên kề: xã Phú Lợi, thị trấn Định Quán, xã Ngọc Định, xã Thanh Sơn (huyện Định Quán); xã Phú Thịnh, xã Phú Lộc, thị trấn Tân Phú (huyện Tân Phú).

- Nơi đặt trụ sở làm việc của ĐVHC: UBND xã Phú Vinh.

b) Cơ sở và lý do của việc sắp xếp ĐVHC

Xã Phú Tân có quy mô dân số dưới 200% tiêu chuẩn; xã Phú Vinh, xã Phú Lợi có diện tích tự nhiên dưới 100% tiêu chuẩn theo quy định (đơn vị thực hiện sắp xếp).

43. Thành lập xã Phú Hòa trên cơ sở nhập toàn bộ xã Phú Lợi, huyện Định Quán (có diện tích tự nhiên là 25,55 km² đạt 85,17% so với tiêu chuẩn, quy mô dân số là 18.252 người đạt 114,08% so với tiêu chuẩn); xã Phú Hòa, huyện Định Quán (có diện tích tự nhiên là 15,62 km² đạt 52,07% so với tiêu chuẩn, quy mô dân số là 7.995 người đạt 49,97% so với tiêu chuẩn) và toàn bộ xã Phú Điền, huyện Tân Phú (có diện tích tự nhiên là 20,36 km² đạt 67,87% so với tiêu chuẩn, quy mô dân số là 10.534 người đạt 65,84% so với tiêu chuẩn).

a) Kết quả sau sắp xếp

- Xã Phú Hòa có diện tích tự nhiên là 61,53 km² (đạt 205,10% so với tiêu chuẩn), quy mô dân số là 36.781 người (đạt 229,88% so với tiêu chuẩn).

- Các ĐVHC cùng cấp liên kề: xã Phú Lợi, thị trấn Định Quán, xã Ngọc Định, xã Thanh Sơn (huyện Định Quán); xã Phú Thịnh, xã Phú Lộc, thị trấn Tân Phú (huyện Tân Phú).

- Nơi đặt trụ sở làm việc của ĐVHC: UBND xã Phú Hòa.

b) Cơ sở và lý do của việc sắp xếp ĐVHC

Xã Phú Hòa, xã Phú Điền có diện tích tự nhiên dưới 100% tiêu chuẩn và quy mô dân số dưới 200% tiêu chuẩn.

44. Thành lập xã Tà Lài trên cơ sở nhập toàn bộ xã Phú Thịnh, huyện Tân Phú (có diện tích tự nhiên là 26,69 km² đạt 88,97% so với tiêu chuẩn, quy mô dân số là 11.922 người đạt 74,51% so với tiêu chuẩn); toàn bộ xã Phú Lập, huyện Tân Phú (có diện tích tự nhiên là 30,21 km² đạt 100,70% so với tiêu chuẩn, quy mô dân số là 12.510 người đạt 78,19% so với tiêu chuẩn) và toàn bộ xã Tà Lài, huyện Tân Phú (có diện tích tự nhiên là 27,10 km² đạt 90,33% so với tiêu chuẩn, quy mô dân số là 9.726 người đạt 60,79% so với tiêu chuẩn).

a) Kết quả sau sắp xếp

- Xã Tà Lài có diện tích tự nhiên là 84,00 km² (đạt 280,00% so với tiêu chuẩn), quy mô dân số là 34.158 người (đạt 213,49% so với tiêu chuẩn).

- Các ĐVHC cùng cấp liên kề: xã Đak Lua, xã Nam Cát Tiên, xã Phú An, xã Phú Xuân, xã Phú Lộc (huyện Tân Phú); xã Phú Tân, xã Thanh Sơn (huyện Định Quán).

- Nơi đặt trụ sở làm việc của ĐVHC: UBND xã Phú Lập.

b) Cơ sở và lý do của việc sắp xếp ĐVHC

Xã Phú Thịnh, xã Tà Lài có diện tích tự nhiên dưới 100% và quy mô dân số dưới 200% tiêu chuẩn; xã Phú Lập có quy mô dân số dưới 200% tiêu chuẩn theo quy định (đơn vị thực hiện sắp xếp).

45. Thành lập xã Nam Cát Tiên trên cơ sở nhập toàn bộ xã Phú An, huyện Tân Phú (có diện tích tự nhiên là 52,35 km² đạt 174,50% so với tiêu chuẩn, quy mô dân số là 5.513 người đạt 34,46% so với tiêu chuẩn) và toàn bộ xã Nam Cát Tiên, huyện Tân Phú (có diện tích tự nhiên là 29,92 km² đạt 99,73% so với tiêu chuẩn, quy mô dân số là 10.409 người đạt 65,06% so với tiêu chuẩn).

a) Kết quả sau sắp xếp

- Xã Nam Cát Tiên có diện tích tự nhiên là 82,27 km² (đạt 274,23% so với tiêu chuẩn), quy mô dân số là 15.922 người (đạt 99,51% so với tiêu chuẩn).

- Các ĐVHC cùng cấp liên kề: Phú Bình, xã Thanh Sơn, xã Phú Xuân, xã Phú Lập, xã Tà Lài, Đak Lua (huyện Tân Phú); tỉnh Lâm Đồng.

- Nơi đặt trụ sở làm việc của ĐVHC: UBND xã Nam Cát Tiên.

b) Cơ sở và lý do của việc sắp xếp ĐVHC

Xã Phú An có quy mô dân số dưới 200% tiêu chuẩn; xã Nam Cát Tiên có quy mô dân số dưới 200% tiêu chuẩn theo quy định (đơn vị thực hiện sắp xếp).

46. Thành lập xã Tân Phú trên cơ sở nhập toàn bộ xã Phú Lộc, huyện Tân Phú (có diện tích tự nhiên là 30,87 km² đạt 102,90% so với tiêu chuẩn, quy mô dân số là 9.894 người đạt 61,84% so với tiêu chuẩn); toàn bộ thị trấn Tân Phú, huyện Tân Phú (có diện tích tự nhiên là 8,10 km² đạt 27,00% so với tiêu chuẩn, quy mô dân số là 24.852 người đạt 155,33% so với tiêu chuẩn); toàn bộ xã Trà Cỏ, huyện Tân Phú (có diện tích tự nhiên là 17,12 km² đạt 57,07% so với tiêu chuẩn, quy mô dân số là 9.191 người đạt 57,44% so với tiêu chuẩn); toàn bộ xã Phú Thanh, huyện Tân Phú (có diện tích tự nhiên là 28,15 km² đạt 93,83% so với tiêu chuẩn, quy mô dân số là 17.299 người đạt 108,12% so với tiêu chuẩn) và toàn bộ xã Phú Xuân, huyện Tân Phú (có diện tích tự nhiên là 21,57 km² đạt 71,90% so với tiêu chuẩn, quy mô dân số là 15.529 người đạt 97,06% so với tiêu chuẩn).

a) Kết quả sau sắp xếp

- Xã Tân Phú có diện tích tự nhiên là 105,81 km² (đạt 352,70% so với tiêu chuẩn), quy mô dân số là 76.765 người (đạt 479,78% so với tiêu chuẩn).

- Các ĐVHC cùng cấp liên kê: xã Phú Hòa, xã Phú Lợi, xã Phú Tân (huyện Định Quán); xã Phú Thịnh, xã Phú Lập, xã Phú An, xã Thanh Sơn, xã Phú Lâm, xã Phú Thanh, Phú Điền (huyện Tân Phú); tỉnh Bình Thuận.

- Nơi đặt trụ sở làm việc của ĐVHC: Trung tâm hành chính huyện Tân Phú.

b) Cơ sở và lý do của việc sắp xếp ĐVHC

Xã Trà Cổ, xã Phú Thịnh, xã Phú Xuân có diện tích tự nhiên dưới 100% tiêu chuẩn và quy mô dân số dưới 200% tiêu chuẩn; thị trấn Tân Phú, xã Phú Thanh có diện tích tự nhiên dưới 100% tiêu chuẩn; xã Phú Lộc có quy mô dân số dưới 200% tiêu chuẩn theo quy định (đơn vị thực hiện sắp xếp).

47. Thành lập xã Phú Lâm trên cơ sở nhập toàn bộ xã Phú Lâm, huyện Tân Phú (có diện tích tự nhiên là 6,26 km² đạt 20,87% so với tiêu chuẩn, quy mô dân số là 17.464 người đạt 109,15% so với tiêu chuẩn); toàn bộ xã Thanh Sơn, huyện Tân Phú (có diện tích tự nhiên là 15,45 km² đạt 51,50% so với tiêu chuẩn, quy mô dân số là 8.118 người đạt 50,74% so với tiêu chuẩn); toàn bộ xã Phú Bình, huyện Tân Phú (có diện tích tự nhiên là 15,81 km² đạt 52,70% so với tiêu chuẩn, quy mô dân số là 14.783 người đạt 92,39% so với tiêu chuẩn) và toàn bộ xã Phú Sơn, huyện Tân Phú (có diện tích tự nhiên là 29,83 km² đạt 99,43% so với tiêu chuẩn, quy mô dân số là 21.990 người đạt 137,44% so với tiêu chuẩn).

a) Kết quả sau sắp xếp

- Xã Phú Lâm có diện tích tự nhiên là 67,35 km² (đạt 224,50% so với tiêu chuẩn), quy mô dân số là 62.355 người (đạt 389,72% so với tiêu chuẩn).

- Các ĐVHC cùng cấp liên kê: xã Phú Thanh, xã Phú Xuân, xã Phú An (huyện Tân Phú); tỉnh Lâm Đồng; tỉnh Bình Thuận.

- Nơi đặt trụ sở làm việc của ĐVHC: UBND xã Phú Bình.

b) Cơ sở và lý do của việc sắp xếp ĐVHC

Xã Thanh Sơn, xã Phú Bình có diện tích tự nhiên dưới 100% tiêu chuẩn và quy mô dân số dưới 200% tiêu chuẩn; xã Phú Sơn, xã Phú Lâm có diện tích tự nhiên dưới 100% tiêu chuẩn theo quy định (đơn vị thực hiện sắp xếp).

48. Thành lập xã Trị An trên cơ sở nhập toàn bộ xã Mã Đà, huyện Vĩnh Cửu có diện tích tự nhiên là 401,08 km² (đạt 1336,93% so với tiêu chuẩn), quy mô dân số là 8.883 người (đạt 55,52% so với tiêu chuẩn); toàn bộ xã Trị An, huyện Vĩnh Cửu có diện tích tự nhiên là 227,98 km² (đạt 759,93% so với tiêu chuẩn), quy mô dân số là 10.219 người (đạt 63,87% so với tiêu chuẩn) và toàn bộ thị trấn Vĩnh An, huyện Vĩnh Cửu có diện tích tự nhiên là 31,40 km² (đạt

104,67% so với tiêu chuẩn), quy mô dân số là 31.926 người (đạt 199,54% so với tiêu chuẩn).

a) Kết quả sau sắp xếp

- Xã Trị An có diện tích tự nhiên là 660,46 km² (đạt 2201,53% so với tiêu chuẩn), quy mô dân số là 51.028 người (đạt 318,93% so với tiêu chuẩn).

- Các ĐVHC cùng cấp liên kề: xã Tân An, xã Vĩnh Tân, xã Phú Lý (huyện Vĩnh Cửu); xã Cây Gáo, xã Thanh Bình (huyện Trảng Bom); xã Phú Cường, xã La Ngà, xã Thanh Sơn (huyện Định Quán) và tỉnh Bình Phước.

- Nơi đặt trụ sở làm việc của ĐVHC: Trung tâm hành chính huyện Vĩnh Cửu.

b) Cơ sở và lý do của việc sắp xếp ĐVHC

Xã Mã Đà, xã Trị An có quy mô dân số dưới 200% tiêu chuẩn theo quy định (đơn vị thực hiện sắp xếp).

49. Thành lập xã Tân An trên cơ sở nhập toàn bộ xã Vĩnh Tân, huyện Vĩnh Cửu có diện tích tự nhiên là 27,58 km² (đạt 91,93% so với tiêu chuẩn), quy mô dân số là 27.983 người (đạt 174,89% so với tiêu chuẩn) và toàn bộ xã Tân An, huyện Vĩnh Cửu có diện tích tự nhiên là 52,66 km² (đạt 175,53% so với tiêu chuẩn), quy mô dân số là 11.308 người (đạt 70,68% so với tiêu chuẩn).

a) Kết quả sau sắp xếp

- Xã Tân An có diện tích tự nhiên là 80,24 km² (đạt 267,47% so với tiêu chuẩn), quy mô dân số là 39.291 người (đạt 245,57% so với tiêu chuẩn).

- Các ĐVHC cùng cấp liên kề: xã Hố Nai 3, xã Bắc Sơn, Sông Trầu, xã Cây Gáo (huyện Trảng Bom); xã Thiện Tân, xã Trị An, thị trấn Vĩnh An (huyện Vĩnh Cửu) và tỉnh Bình Dương.

- Nơi đặt trụ sở làm việc của ĐVHC: UBND xã Tân An

b) Cơ sở và lý do của việc sắp xếp ĐVHC

Xã Vĩnh Tân có diện tích tự nhiên dưới 100% tiêu chuẩn; xã Tân An có quy mô dân số dưới 200% tiêu chuẩn theo quy định (đơn vị thực hiện sắp xếp).

50. Thành lập phường Tân Triều trên cơ sở nhập toàn bộ phường Tân Phong, thành phố Biên Hòa có diện tích 16,72 km² (đạt 304,00% so với tiêu chuẩn), quy mô dân số là 52.011 người (đạt 247,67% so với tiêu chuẩn); toàn bộ xã Tân Bình, huyện Vĩnh Cửu có diện tích tự nhiên là 17,81 km² (đạt 59,37% so với tiêu chuẩn), quy mô dân số là 21.143 người (đạt 132,14% so với tiêu chuẩn); toàn bộ xã Bình Lợi, huyện Vĩnh Cửu có diện tích tự nhiên là 15,26 km² (đạt 50,87% so với tiêu chuẩn), quy mô dân số là 8.594 người (đạt

53,71% so với tiêu chuẩn) và toàn bộ xã Thanh Phú, huyện Vĩnh Cửu có diện tích tự nhiên là 13,54 km² (đạt 45,13% so với tiêu chuẩn), quy mô dân số là 19.860 người (đạt 124,13% so với tiêu chuẩn) .

a) Kết quả sau sắp xếp

- Phường Tân Triều có diện tích tự nhiên là 63,33 km² (đạt 1151,45 % so với tiêu chuẩn), quy mô dân số là 101.608 người (đạt 483,85% so với tiêu chuẩn).

- Các ĐVHC cùng cấp liên kề: phường Bửu Long, phường Quang Vinh, phường Trung Dũng, phường Tân Mai, phường Tân Hiệp, phường Trảng Dài (thành phố Biên Hòa); xã Thiện Tân (huyện Vĩnh Cửu) và tỉnh Bình Dương.

- Nơi đặt trụ sở làm việc của ĐVHC: UBND xã Thanh Phú

b) Cơ sở và lý do của việc sắp xếp ĐVHC

Xã Tân Bình, xã Thanh Phú có diện tích tự nhiên dưới 100% tiêu chuẩn; xã Bình Lợi có diện tích tự nhiên dưới 100% tiêu chuẩn và quy mô dân số dưới 200% tiêu chuẩn theo quy định (đơn vị thực hiện sắp xếp).

51. Thành lập xã Đak Lua có diện tích tự nhiên 415,13 km², đạt 1.383,77%; quy mô dân số 8.234 người, đạt 51,46% tiêu chuẩn quy định (dự kiến sáp nhập xã Đăng Hà, huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước).

Đối với trường hợp 02 xã có vị trí biệt lập đề xuất giữ nguyên (không sắp xếp), gồm: xã Phú Lý, huyện Vĩnh Cửu có diện tích tự nhiên 279,00 km², đạt 930,00%; quy mô dân số 15.992 người, đạt 99,95% và ***xã Thanh Sơn***, huyện Định Quán có diện tích tự nhiên 315,40 km², đạt 1051,33%; quy mô dân số 33.342 người, đạt 208,39%; đây là những xã này có diện tích rộng lớn chủ yếu là đất rừng, nằm biệt lập với các đơn vị hành chính liên kề có vị trí tiếp giáp với đơn vị hành chính thuộc tỉnh khác; hệ thống giao thông có khoảng cách xa với trung tâm hành chính khác liên kề.

Đồng thời, giữ nguyên 02 phường (không sắp xếp): Phường Phước Tân, thành phố Biên Hòa có diện tích tự nhiên 42,823 km², đạt 778,73%; quy mô dân số 64.181 người, đạt 305,62% và ***phường Tam Phước***, thành phố Biên Hòa có diện tích tự nhiên 45,09 km², đạt 819,82%; quy mô dân số 48.313 người, đạt 230,06% tiêu chuẩn theo quy định.

II. KẾT QUẢ SAU KHI THỰC HIỆN SẮP ĐVHC CẤP XÃ CỦA TỈNH ĐỒNG NAI

Trước khi sắp xếp, tỉnh Đồng Nai có 159 ĐVHC cấp xã (gồm 33 phường, 09 thị trấn và 117 xã). Sau khi sắp xếp, tỉnh Đồng Nai còn 55 ĐVHC cấp xã

(gồm 15 phường, 40 xã); giảm 104 ĐVHC cấp xã (gồm 18 phường, 09 thị trấn, 77 xã).

III. PHƯƠNG ÁN SẮP XẾP TỔ CHỨC BỘ MÁY, BỐ TRÍ ĐỘI NGŨ CÁN BỘ, CÔNG CHỨC, VIÊN CHỨC, NGƯỜI LAO ĐỘNG VÀ GIẢI QUYẾT CHẾ ĐỘ, CHÍNH SÁCH KHI THỰC HIỆN SẮP XẾP ĐVHC CẤP XÃ

1. Phương án và lộ trình sắp xếp, kiện toàn tổ chức bộ máy cơ quan, tổ chức sau sắp xếp ĐVHC

Đơn vị hành chính cấp xã gồm: Đảng, Mặt trận – đoàn thể và chính quyền (Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân), cụ thể:

1.1. Khối đảng: 20 biên chế

- Bí thư Đảng ủy - Chủ tịch HĐND;
- Phó Bí thư Thường trực Đảng ủy
- Văn phòng Đảng ủy: 05 biên chế (Chánh Văn phòng, 01 Phó Chánh Văn phòng, 03 chuyên viên)
- Ban Xây dựng Đảng: 08 biên chế (Trưởng ban, 02 Phó Trưởng ban, 05 chuyên viên)
- Ủy ban Kiểm tra Đảng ủy: 05 biên chế (Chủ nhiệm, 01 Phó Chủ nhiệm, 03 chuyên viên).

1.2. Khối đoàn thể: từ 10 đến 12 biên chế

- Chủ tịch Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam xã
- Phó Chủ tịch Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam xã: 04 biên chế (01 Phó Chủ tịch phụ trách thanh niên; 01 Phó Chủ tịch phụ trách Nông dân, 01 Phó Chủ tịch phụ trách Phụ nữ, 01 Phó Chủ tịch phụ trách Cựu chiến binh và các lĩnh vực khác)
- Văn phòng cơ quan UBMTTQVN xã: từ 05 đến 07 biên chế (Chánh Văn phòng, Phó Chánh Văn phòng, 05 chuyên viên)

1.3. Khối chính quyền: 32 biên chế

1.3.1. Hội đồng nhân dân: 03 biên chế

- Phó Chủ tịch HĐND
- Các ban thuộc HĐND: 02 ban (Ban Pháp chế, Ban Kinh tế - Xã hội); trong đó Trưởng ban bố trí kiêm nhiệm, 02 Phó Trưởng ban bố trí chuyên trách và chuyên viên giúp việc: 02 biên chế

1.3.2. Ủy ban nhân dân: 03 biên chế

- Chủ tịch Ủy ban nhân dân

- Phó Chủ tịch UBND: 02 biên chế (01 Phó Chủ tịch UBND kiêm Chánh Văn phòng HĐND và UBND; 01 Phó Chủ tịch kiêm Giám đốc Trung tâm phục vụ hành chính công). Đối với ĐVHC cấp xã giữ nguyên (không sắp xếp) và không tổ chức các phòng chuyên môn thuộc UBND có thể bố trí tăng thêm 01 Phó Chủ tịch UBND.

1.3.3. Các phòng chuyên môn thuộc UBND: 04 phòng (26 biên chế bố trí cho 04 phòng chuyên môn); bố trí 01 cấp trưởng, 01 cấp phó.

a) Văn phòng HĐND và UBND

- Tham mưu giúp HĐND, UBND cấp xã về: Chương trình, kế hoạch công tác của HĐND, Thường trực HĐND, UBND và các cơ quan chuyên môn thuộc UBND; tham mưu hoạt động của Thường trực HĐND; công tác chỉ đạo điều hành của Chủ tịch UBND; cung cấp thông tin, đảm bảo cơ sở vật chất, kỹ thuật phục vụ hoạt động của HĐND, UBND và các cơ quan nhà nước ở cấp xã; thực hiện công tác quản trị nội bộ của Văn phòng.

- Tham mưu giúp UBND cấp xã thực hiện chức năng quản lý nhà nước về: Công tác xây dựng và tổ chức thi hành pháp luật, theo dõi thi hành pháp luật, kiểm tra, xử lý văn bản quy phạm pháp luật, phổ biến, giáo dục pháp luật; hòa giải, trợ giúp pháp lý, nuôi con nuôi, hộ tịch, chứng thực, quản lý công tác thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính và công tác tư pháp khác theo quy định của pháp luật.

b) Phòng Kinh tế đối với xã hoặc Phòng Kinh tế, hạ tầng đối với phường

- Lĩnh vực Tài chính – Kế hoạch: Tham mưu giúp UBND cấp xã thực hiện chức năng quản lý nhà nước về: Tài chính, kế hoạch và đầu tư; hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ, kinh tế hợp tác; quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách.

- Lĩnh vực xây dựng và công thương: Tham mưu giúp UBND cấp xã thực hiện chức năng quản lý nhà nước về: Quy hoạch xây dựng, kiến trúc; hoạt động đầu tư xây dựng; phát triển đô thị; hạ tầng kỹ thuật đô thị, khu công nghiệp, khu kinh tế, khu công nghệ cao (bao gồm: Cấp nước, thoát nước đô thị và khu công nghiệp, khu kinh tế, khu công nghệ cao, cơ sở sản xuất vật liệu xây dựng; chiếu sáng đô thị, cây xanh đô thị; quản lý nghĩa trang, trừ nghĩa trang liệt sĩ; quản lý xây dựng ngầm đô thị; quản lý sử dụng chung cơ sở hạ tầng kỹ thuật đô thị); nhà ở; công sở; vật liệu xây dựng; giao thông; tiểu thủ công nghiệp; công nghiệp; thương mại.

- Lĩnh vực Nông nghiệp và Môi trường: Tham mưu giúp UBND cấp xã thực hiện chức năng quản lý nhà nước về: Đất đai; tài nguyên nước; tài nguyên khoáng sản; môi trường; nông nghiệp; lâm nghiệp; thủy lợi; thủy sản; phát triển

nông thôn; phòng, chống thiên tai; giảm nghèo; chất lượng, an toàn thực phẩm đối với nông sản, lâm sản, thủy sản; phát triển kinh tế hộ gia đình, kinh tế trang trại nông thôn, kinh tế hợp tác xã nông, lâm, ngư nghiệp gắn với ngành nghề, làng nghề nông thôn.

c) Phòng Văn hóa – Xã hội

- Lĩnh vực Nội vụ: Tham mưu giúp UBND cấp xã thực hiện chức năng quản lý nhà nước về: Tổ chức hành chính, sự nghiệp nhà nước; chính quyền địa phương, địa giới hành chính; cán bộ, công chức, viên chức và công vụ; hội, tổ chức phi chính phủ; thi đua, khen thưởng; văn thư, lưu trữ nhà nước; thanh niên; lao động, tiền lương; việc làm; bảo hiểm xã hội; an toàn, vệ sinh lao động; người có công; bình đẳng giới; công tác tín ngưỡng, tôn giáo.

- Lĩnh vực Giáo dục và Đào tạo: Tham mưu giúp UBND cấp xã thực hiện chức năng quản lý nhà nước về: Giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông (giáo dục tiểu học và giáo dục trung học cơ sở); giáo dục nghề nghiệp, giáo dục thường xuyên.

- Lĩnh vực Văn hóa, Khoa học và Thông tin: Tham mưu giúp UBND cấp xã thực hiện chức năng quản lý nhà nước về: Văn hóa; gia đình; thể dục, thể thao; quảng cáo; bưu chính; viễn thông; công nghệ thông tin (không bao gồm an toàn thông tin, an ninh mạng); phát thanh truyền hình; báo chí; xuất bản; thông tin nội bộ; hạ tầng thông tin; khoa học và công nghệ; kinh tế số và chuyển đổi số.

- Lĩnh vực Y tế: Tham mưu giúp UBND cấp xã thực hiện chức năng quản lý nhà nước về: Y tế dự phòng; khám bệnh, chữa bệnh, phục hồi chức năng; y dược cổ truyền; sức khỏe sinh sản; trang thiết bị y tế; dược; mỹ phẩm; an toàn thực phẩm; bảo hiểm y tế; dân số; bảo trợ xã hội; bảo vệ và chăm sóc trẻ em; phòng, chống tệ nạn xã hội (không bao gồm cai nghiện ma túy và quản lý sau cai nghiện ma túy).

d) Trung tâm phục vụ hành chính công: Tham mưu giúp UBND cấp xã về cải cách hành chính, xây dựng chính quyền điện tử; tổ chức triển khai thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính và cung ứng các dịch vụ công trực tiếp đến người dân, doanh nghiệp trên địa bàn.

Ủy ban nhân dân tỉnh căn cứ vào điều kiện phát triển kinh tế - xã hội, diện tích tự nhiên, quy mô dân số quyết định điều chỉnh cơ cấu tổ chức, giao biên chế cho cơ quan đảng, Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể, chính quyền cho phù hợp với tình hình thực tế.

Đối với ĐVHC cấp xã giữ nguyên (không sắp xếp), UBND tỉnh căn cứ vào điều kiện thực tế để xem xét quyết định số lượng cơ quan chuyên môn thuộc

UBND cho phù hợp hoặc không tổ chức các phòng chuyên môn theo hướng dẫn chung (trừ các Ban của HĐND hiện có) mà phân công công chức chuyên môn trực tiếp đảm nhiệm các vị trí việc làm thực hiện chức năng, nhiệm vụ của chính quyền địa phương cấp xã mới. Trường hợp không tổ chức các phòng chuyên môn thuộc UBND cấp xã, UBND cấp tỉnh quyết định tăng biên chế so với số lượng biên chế cán bộ, công chức cấp xã hiện nay để thực hiện các nhiệm vụ mới chuyển giao từ cấp huyện. Dự kiến số lượng biên chế không quá 40 cán bộ, công chức, trong đó tập trung cho công chức trực tiếp đảm nhiệm các lĩnh vực công tác xây dựng Đảng, công tác Mặt trận Tô quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội, công tác chính quyền.

- Tổ chức và hoạt động của Ban Chỉ huy quân sự ở ĐVHC cấp xã mới sau sắp xếp thực hiện theo hướng dẫn của Bộ Quốc phòng.

1.4. Ấp, khu phố

Giữ nguyên số lượng ấp, khu phố hiện có trên địa bàn tỉnh cho đến khu Trung ương có quy định mới. Mỗi ấp, khu phố có 03 chức danh: Bí thư ấp, khu phố; Trưởng ấp, khu phố; Trưởng ban Công tác Mặt trận ấp, khu phố.

1.5. Đối với người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, và ấp, khu phố hiện nay

- Kết thúc việc sử dụng người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã hiện nay kể từ ngày **01/8/2025**. Giao chính quyền địa phương xem xét, có thể sắp xếp, bố trí người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ tham gia công tác tại ấp, khu phố và thực hiện chế độ, chính sách đối với các trường hợp không bố trí công tác theo quy định.

- Tiếp tục xác định ấp, khu phố là tổ chức tự quản của cộng đồng dân cư, không phải là cấp hành chính. Trước mắt giữ nguyên các ấp, khu phố hiện có; sau khi có hướng dẫn theo chỉ đạo của cấp có thẩm quyền về việc sắp xếp, tổ chức lại ấp, khu phố theo hướng tinh gọn, phục vụ trực tiếp đời sống của cộng đồng dân cư trên địa bàn.

1.6. Đối với đơn vị sự nghiệp công lập

- *Đối với lĩnh vực giáo dục*: Giữ nguyên các trường trung học cơ sở, tiểu học, mầm non công lập và chuyển giao cho chính quyền địa phương cấp xã quản lý. Đối với trung tâm giáo dục nghề nghiệp, trung tâm giáo dục thường xuyên thuộc UBND cấp huyện hiện nay sẽ chuyển về Sở Giáo dục và Đào tạo quản lý và tổ chức lại để thực hiện cung ứng dịch vụ theo khu vực liên xã, phường.

- *Đối với lĩnh vực y tế*: Duy trì các Trạm Y tế xã, phường hiện có để đáp ứng yêu cầu chăm sóc sức khỏe nhân dân trên địa bàn. Căn cứ vào diện tích, quy mô dân số của ĐVHC cấp xã mới, UBND cấp tỉnh có thể tổ chức lại thành 01

đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc UBND cấp xã để thực hiện nhiệm vụ về phòng bệnh và chăm sóc sức khỏe ban đầu cho người dân trên địa bàn. Đối với các trung tâm y tế, bệnh viện đa khoa thuộc UBND cấp huyện hiện nay sẽ chuyển về Sở Y tế quản lý để sắp xếp, tổ chức cung ứng dịch vụ theo khu vực liên xã, phường.

- Sắp xếp, tổ chức 01 đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc UBND cấp xã để cung ứng dịch vụ sự nghiệp công cơ bản, thiết yếu cho người dân trên địa bàn (cung ứng dịch vụ sự nghiệp công thuộc lĩnh vực văn hóa, thể thao, du lịch, thông tin, truyền thông, nông nghiệp, môi trường,...).

- Sắp xếp, tổ chức lại Ban Quản lý dự án và Trung tâm Phát triển quỹ đất cấp huyện thành chi nhánh khu vực trực thuộc Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng tỉnh và Trung tâm Phát triển quỹ đất tỉnh; đồng thời, chấm dứt hoạt động của Trung tâm Dịch vụ công ích cấp huyện hiện có, chuyển một số chức năng, nhiệm vụ về xã, chức năng quản lý cụm công nghiệp về Ban Quản lý các khu công nghiệp tỉnh.

2. Phương án và lộ trình bố trí, sắp xếp cán bộ, công chức, viên chức người lao động sau sắp xếp ĐVHC

- Căn cứ vào điều kiện thực tiễn và tiêu chuẩn, năng lực cán bộ, công chức, viên chức của cấp huyện và cán bộ, công chức của cấp xã hiện nay, Ban Thường vụ, UBND cấp tỉnh xem xét, quyết định việc sắp xếp, bố trí cán bộ, công chức, viên chức ở cấp xã mới theo phân cấp quản lý.

- Cán bộ, công chức, viên chức cấp huyện và cấp xã khi được bố trí vào các chức vụ, chức danh lãnh đạo, quản lý tại ĐVHC cấp xã mới tiếp tục giữ phụ cấp chức vụ lãnh đạo hiện hưởng trong thời gian 06 tháng kể từ ngày có quyết định; sau đó thực hiện theo quy định mới của Chính phủ. Trường hợp công chức, viên chức chuyên môn, nghiệp vụ được bổ nhiệm giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý tại ĐVHC cấp xã mới thì tạm thời chưa áp dụng mức phụ cấp chức vụ lãnh đạo và sẽ thực hiện khi có quy định của Chính phủ về hệ số phụ cấp chức vụ lãnh đạo, quản lý đó.

Tỉnh Đồng Nai hiện có 3.438 cán bộ, công chức cấp xã¹; trong đó cán bộ là 1.679 và công chức là 1.759. Đối với cán bộ, công chức cấp huyện là 2.007 người; trong đó khối đảng, Mặt trận, đoàn thể là 609 người và khối chính quyền là 1.398 người². Như vậy, tổng số cán bộ, công chức cấp xã, cấp huyện là 5.445 người.

¹ trong đó: dưới 02 năm công tác là 105 người, từ đủ 02 năm đến đủ 05 năm công tác là 141 người, từ trên 05 năm đến đủ 10 năm công tác là 298 người và từ trên 10 năm công tác trở lên là 2.894 người

² trong đó: dưới 02 năm công tác là 23 người, từ đủ 02 năm đến đủ 05 năm công tác là 48 người, từ trên 05 năm đến đủ 10 năm công tác là 98 người và từ trên 10 năm công tác trở lên là 1.229 người

Theo phương án còn lại 52 đơn vị hành chính cấp xã (gồm 14 phường, 38 xã); mỗi xã, phường được bố trí 64 biên chế thì tỉnh Đồng Nai được bố trí 3.328 cán bộ, công chức cấp xã so với số lượng cán bộ công chức cấp xã, cấp huyện hiện có là 5.445 người; xử lý dôi dư là 2.117 người (trong đó: dưới 02 năm công tác là 128 người, từ đủ 02 năm đến đủ 05 năm công tác là 189 người).

Kết thúc hoạt động, không sử dụng người hoạt động không chuyên trách cấp xã; xem xét bố trí 2.191 người hoạt động không chuyên trách cấp xã; đồng thời xem xét nguyện vọng, tiêu chuẩn, điều kiện để bố trí công tác vào 03 chức danh ở ấp, khu phố. Đồng thời, rà soát, đánh giá chất lượng nguồn nhân lực ở ấp, khu phố để sắp xếp lại cho phù hợp.

3. Phương án và lộ trình giải quyết chế độ, chính sách sau sắp xếp đơn vị hành chính

- Cán bộ, công chức, viên chức, người lao động và lực lượng vũ trang thực hiện sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị thuộc phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng quy định tại Nghị định số 178/2024/NĐ-CP ngày 31/12/2024 của Chính phủ và Nghị định số 67/2025/NĐ-CP ngày 15/3/2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 178/2024/NĐ-CP ngày 31/12/2024 của Chính phủ. Chậm nhất sau 05 năm kể từ ngày Ủy ban Thường vụ Quốc hội ban hành Nghị quyết về sắp xếp đơn vị hành chính cấp xã có hiệu lực thi hành, số lượng cán bộ, công chức cấp xã đảm bảo số lượng theo quy định của Chính phủ.

- Người hoạt động không chuyên trách cấp xã, ấp, khu phố không tiếp tục bố trí và giải quyết chế độ chính sách theo quy định của Trung ương (Nghị định số 29/2023/NĐ-CP ngày 03/6/2023 của Chính phủ), quy định của tỉnh (Nghị quyết số 12/2024/NQ-HĐND ngày 17/7/2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh).

IV. PHƯƠNG ÁN VÀ LỘ TRÌNH SẮP XẾP, XỬ LÝ TRỤ SỞ, TÀI SẢN CÔNG SAU SẮP XẾP ĐVHC CẤP XÃ

1. Căn cứ phương án tổng thể sắp xếp đơn vị hành chính cấp xã, dự kiến phương án xử lý trụ sở, tài sản công của cơ quan, tổ chức, đơn vị ở địa phương thuộc phạm vi quản lý (*phụ lục kèm theo đề án*).

2. Trong thời hạn 03 năm kể từ ngày nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc sắp xếp đối với từng đơn vị hành chính có hiệu lực thi hành hoàn thành việc sắp xếp lại, xử lý trụ sở, tài sản công của cơ quan, đơn vị tại đơn vị hành chính sau sắp xếp.

3. Việc bố trí, sử dụng trụ sở, tài sản công sau sắp xếp đơn vị hành chính thực hiện theo quy định của Chính phủ về sắp xếp lại, xử lý tài sản công.

4. Chủ động rà soát cơ sở vật chất trụ sở của các xã, phường sau sắp xếp và cân đối, bố trí nguồn ngân sách để đầu tư sửa chữa, cải tạo, nâng cấp các trụ sở làm việc được tiếp tục sử dụng phục vụ hoạt động của đơn vị hành chính hình thành sau sắp xếp phù hợp với quy hoạch và tình hình thực tế của địa phương.

V. TRÁCH NHIỆM CỦA CƠ QUAN, TỔ CHỨC, ĐƠN VỊ TRONG VIỆC SẮP XẾP ĐVHC CẤP XÃ

1. Thường trực Hội đồng tỉnh: Hỗ trợ hướng dẫn việc bố trí số lượng đại biểu Hội đồng nhân dân, tổ chức kỳ họp Hội đồng nhân dân đối với đơn vị hành chính cấp xã có liên quan theo quy định.

2. Đề nghị Ban Tổ chức Tỉnh ủy hỗ trợ hướng dẫn các nội dung sau:

a) Hướng dẫn việc sắp xếp, kiện toàn tổ chức bộ máy của tổ chức Đảng, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội thuộc đơn vị hành chính cấp xã liên quan;

b) Hướng dẫn việc sắp xếp, bố trí cán bộ; phương án giải quyết cán bộ dôi dư thuộc khối Đảng, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội cấp xã tại các đơn vị hành chính thực hiện sắp xếp.

c) Hướng dẫn thực hiện các thủ tục chuyển giao các tổ chức cơ sở đảng và chuyển sinh hoạt đảng tập thể cho đảng viên theo hướng dẫn của Trung ương.

3. Đề nghị Ban Tuyên giáo và Dân vận Tỉnh ủy

Chỉ đạo, định hướng các cơ quan truyền thông tăng cường công tác thông tin, tuyên truyền, phổ biến về chủ trương sắp xếp đơn vị hành chính cấp xã.

4. Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội tỉnh

a) Hướng dẫn sắp xếp tổ chức bộ máy đối với khối Mặt trận, đoàn thể cấp xã và các tổ chức Hội, đoàn thể do Đảng, Nhà nước giao nhiệm vụ.

b) Lãnh đạo, chỉ đạo, hướng dẫn thủ tục, quy trình sắp xếp, chuyển giao và bầu các chức danh lãnh đạo Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam các tổ chức chính trị - xã hội theo điều lệ của mỗi tổ chức thuộc các đơn vị hành chính cấp xã sau sắp xếp.

c) Xây dựng chương trình, kế hoạch tuyên truyền, vận động đoàn viên, hội viên và Nhân dân để tạo sự đồng thuận, thống nhất về nhận thức và hành động khi thực hiện sắp xếp các đơn vị hành chính cấp xã.

d) Hướng dẫn, giám sát việc tổ chức lấy ý kiến cử tri đối với Đề án sắp xếp ĐVHC cấp xã.

5. Sở Nội vụ:

a) Là cơ quan đầu mối giúp Ủy ban nhân dân tỉnh tiếp nhận, tổng hợp, xử lý các vấn đề liên quan đến sắp xếp đơn vị hành chính; chủ trì, phối hợp với các sở, ngành liên quan kịp thời hướng dẫn, giải đáp nhằm tháo gỡ những vướng mắc, khó khăn của các địa phương trong quá trình thực hiện sắp xếp đơn vị hành chính và chủ động xin ý kiến Bộ Nội vụ những vấn đề phát sinh trong quá trình thực hiện nhiệm vụ.

b) Theo dõi, đôn đốc, hướng dẫn các cơ quan, đơn vị, địa phương trong việc triển khai các nhiệm vụ được giao tại Kế hoạch số 116/KH-UBND ngày 27/3/2025 của UBND tỉnh đảm bảo thời gian, tiến độ đề ra.

c) Chủ trì, phối hợp UBND cấp huyện xây dựng Đề án tổng thể sắp xếp đơn vị hành chính cấp xã; hoàn thiện hồ sơ, tham mưu UBND tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh về chủ trương sắp xếp đơn vị hành chính cấp xã trên địa bàn tỉnh.

d) Hoàn chỉnh hồ sơ, Đề án trình Bộ Nội vụ, Chính phủ theo quy định.

đ) Tham mưu UBND tỉnh tổ chức triển khai Nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

e) Phối hợp với Ban Tổ chức Tỉnh ủy đề xuất cơ cấu sắp xếp cán bộ, công chức cấp huyện, cấp xã sau khi đơn vị hành chính mới thành lập; đồng thời thẩm định hồ sơ giải quyết chế độ, chính sách theo quy định hiện hành.

g) Tham mưu UBND tỉnh hướng dẫn tiêu chuẩn, chức danh, ngạch và chế độ chính sách đối với cán bộ, công chức cấp xã sau sắp xếp và lộ trình giải quyết đời dư theo quy định.

h) Phối hợp với Sở Tài chính đề xuất xử lý tài sản đời dư sau sắp xếp; Sở Xây dựng phân loại, quy hoạch đô thị và các đơn vị khác có liên quan quản lý, sử dụng viên chức ở lĩnh vực giáo dục, y tế và các lĩnh vực sự nghiệp công lập khác.

i) Chủ trì hướng dẫn, rà soát, chỉnh lý, bổ sung hồ sơ, bản đồ địa giới đơn vị hành chính các cấp, phân loại đơn vị hành chính; lập hồ sơ đề nghị công nhận đơn vị hành chính cấp xã là đơn vị Anh hùng lực lượng vũ trang Nhân dân, Anh hùng lao động tại các đơn vị hành chính hình thành sau sắp xếp.

k) Hướng dẫn việc rà soát, điều chỉnh các chính sách thuộc lĩnh vực lao động - xã hội và chính sách đối với người có công tại đơn vị hành chính thực hiện sắp xếp.

6. Sở Tư pháp

a) Phối hợp tổ chức triển khai Luật Tổ chức chính quyền địa phương sửa

đổi, bổ sung (trong đó không tổ chức cấp huyện).

b) Rà soát đề xuất sửa đổi, bổ sung văn bản quy phạm pháp luật khi tổ chức thực hiện mô hình chính quyền 02 cấp.

c) Tham mưu thẩm định hồ sơ Đề án sắp xếp ĐVHC cấp xã trước khi trình Hội đồng nhân dân tỉnh.

7. Sở Xây dựng

a) Hướng dẫn rà soát quy hoạch đô thị, đánh giá phân loại đô thị các ĐVHC sau sắp xếp.

b) Hướng dẫn rà soát, đánh số và gắn biển số nhà, công trình xây dựng khu vực đô thị, khu vực nông thôn; phối hợp với các cơ quan có liên quan đánh giá, tích hợp liên thông dữ liệu quốc gia về dân cư, đất đai, ... và các lĩnh vực khác thuộc chức năng, nhiệm vụ của Sở Xây dựng.

8. Sở Nông nghiệp và Môi trường

a) Tham mưu UBND tỉnh hướng dẫn việc chỉnh lý hồ sơ địa chính, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất; cơ sở dữ liệu về đất đai; quản lý, cung cấp diện tích tự nhiên các ĐVHC trước và sau sắp xếp.

b) Phối hợp lập bộ hồ sơ bản đồ địa giới hành chính, cắm mốc sau khi có Nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

c) Rà soát, đề xuất các Chương trình mục tiêu Quốc gia có liên quan đến nông thôn mới, giảm nghèo, ... đối với ĐVHC sau sắp xếp phù hợp với tình hình thực tế. Đồng thời, thực hiện lĩnh vực khác có liên quan đến nhiệm vụ quản lý của Sở Nông nghiệp và Môi trường.

9. Sở Tài chính

a) Tham mưu UBND tỉnh về thực hiện nguồn vốn đầu tư công và điều chỉnh kế hoạch vốn đầu tư công từng giai đoạn; Rà soát đề xuất các dự án đang triển khai trên địa bàn cấp huyện sau khi tổ chức thực hiện Nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

b) Tham mưu, đề xuất, hướng dẫn việc lập dự toán, định mức chi; quản lý, sử dụng, quyết toán kinh phí, việc miễn phí, lệ phí khi thực hiện chuyển đổi giấy tờ có liên quan đến cá nhân, tổ chức, doanh nghiệp; xử lý trụ sở làm việc tại các cơ quan, đơn vị, tổ chức ở ĐVHC sau sắp xếp.

c) Đề xuất, hướng dẫn việc hỗ trợ kinh phí cho các địa phương sau sắp xếp theo quy định của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

10. Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch

a) Chủ trì, phối hợp với các sở, ngành, địa phương tập trung thông tin,

tuyên truyền nhằm tạo sự đồng thuận trong xã hội, các cấp, các ngành, cán bộ, công chức, viên chức, người lao động và Nhân dân về chủ trương sắp xếp tinh gọn đơn vị hành chính cấp xã.

b) Phối hợp chỉ đạo các cơ quan báo chí chủ động phối hợp với các địa phương thường xuyên thông tin về kết quả đạt được; những kinh nghiệm hay, cách làm tốt; những việc chưa làm được, nguyên nhân; giải pháp khắc phục và những bài học kinh nghiệm quý trong việc triển khai thực hiện sắp xếp đơn vị hành chính cấp xã.

c) Tuyên truyền và phối hợp tổ chức lễ công bố Nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

d) Chủ trì, hướng dẫn xác định đơn vị hành chính có đặc điểm về truyền thống lịch sử, văn hóa, phong tục, tập quán riêng biệt.

e) Hướng dẫn việc rà soát, quản lý các di tích được công nhận, xếp hạng là di sản văn hóa hoặc di tích lịch sử quốc gia đặc biệt sau sắp xếp đơn vị hành chính.

11. Sở Y tế

Hướng dẫn việc sắp xếp các Trung tâm y tế cấp huyện, Trạm Y tế cấp xã theo quy định.

13. Sở Giáo dục và Đào tạo

Chỉ đạo rà soát, đề xuất việc sắp xếp hợp lý các cơ sở giáo dục công lập thuộc thẩm quyền quản lý trên địa bàn các xã, phường sau khi thực hiện sắp xếp đơn vị hành chính cấp xã trên địa bàn tỉnh và một số nhiệm vụ khác thuộc lĩnh vực quản lý của Sở Giáo dục và Đào tạo.

14. Công an tỉnh

a) Cung cấp danh sách các đơn vị hành chính có vị trí trọng yếu về an ninh, trật tự; tham mưu, thực hiện rà soát, xác định đơn vị hành chính hình thành sau sắp xếp có vị trí trọng yếu về an ninh, trật tự trình cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định.

b) Hướng dẫn, thực hiện thu hồi con dấu cũ, khắc con dấu mới của cơ quan, tổ chức, đơn vị tại đơn vị hành chính thực hiện sắp xếp; hướng dẫn việc chuyển đổi địa chỉ cư trú của công dân do thay đổi địa giới và tên gọi đơn vị hành chính thực hiện sắp xếp.

c) Đảm bảo an ninh trật tự trước, trong và sau khi sắp xếp ĐVHC.

d) Phối hợp sắp xếp Công an cấp xã đối với đơn vị hành chính thực hiện sắp xếp.

15. Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh

Sắp xếp Ban Chỉ huy Quân sự cấp huyện sau khi kết thúc ĐVHC cấp huyện và xây dựng mô hình Ban Chỉ huy Quân sự cấp xã theo quy định của Bộ Quốc phòng.

16. Ban Quản lý đầu tư xây dựng tỉnh

Tiếp nhận và tham mưu Đề án sắp xếp Ban Quản lý dự án cấp huyện thành các chi nhánh quản lý khu vực.

17. Trung tâm Phát triển quỹ đất tỉnh

Tiếp nhận và tham mưu Đề án sắp xếp Trung tâm Phát triển quỹ đất cấp huyện thành các chi nhánh quản lý khu vực.

18. Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh

a) Phối hợp Sở Nội vụ xin ý kiến Đảng ủy UBND tỉnh, Thường trực Tỉnh ủy, Ban Thường vụ Tỉnh ủy các nội dung có liên quan đến địa giới hành chính.

b) Phối hợp tham mưu chuẩn bị về cơ sở vật chất tổ chức các cuộc họp, Hội nghị về công tác sắp xếp ĐVHC.

19. Báo Đồng Nai, Đài Phát thanh và Truyền hình Đồng Nai tổ chức tuyên truyền nhằm tạo sự đồng thuận trong xã hội, các cấp, các ngành, cán bộ, công chức, viên chức, người lao động và Nhân dân về chủ trương sắp xếp tinh gọn đơn vị hành chính cấp xã.

20. Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố

a) Tổ chức thông tin, tuyên truyền toàn thể cán bộ, công chức, viên chức và Nhân dân chủ trương của Đảng, Nhà nước về sắp xếp ĐVHC cấp xã, phương án và Đề án sắp xếp đơn vị hành chính tại địa phương.

b) Tham mưu Ban Thường vụ cấp ủy và Ban Chỉ đạo sắp xếp ĐVHC cấp huyện phương án bố trí, sắp xếp cán bộ, công chức cấp huyện, cấp xã được tiếp tục công tác tại ĐVHC sau sắp xếp; thống kê đề nghị giải quyết chính sách theo nguyện vọng.

c) Đề xuất bố trí trụ sở làm việc; tài sản dôi dư theo hướng dẫn của cấp trên.

VI. KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ, ĐỀ XUẤT

- Sắp xếp các đơn vị hành chính cấp xã của tỉnh Đồng Nai năm 2025 phù hợp với yêu cầu sắp xếp tổ chức bộ máy, tăng quy mô đơn vị hành chính; góp phần tinh gọn bộ máy, tinh giản biên chế, nâng cao hiệu quả, hiệu lực hoạt động của tổ chức chính trị, quản lý chính quyền cơ sở; cơ cấu và nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức; phát huy tiềm năng, nội lực, hiệu quả đầu

tư kinh tế - xã hội; phù hợp với nhiệm vụ, định hướng, chương trình phát triển của tỉnh Đồng Nai. Bên cạnh đó, việc sắp xếp các ĐVHC cấp xã tạo điều kiện tập trung được các nguồn lực về đất đai, dân số, mở rộng không gian để quy hoạch, tập trung đầu tư mở rộng sản xuất theo hướng hiện đại, phát huy có hiệu quả các tiềm năng, thế mạnh về tài nguyên, khoáng sản để phát triển; tránh đầu tư xây dựng dàn trải trong khi nhu cầu sử dụng còn hạn chế.

- Việc sắp xếp các ĐVHC cấp xã trên địa bàn tỉnh Đồng Nai nhằm cụ thể hóa chủ trương tiếp tục đổi mới theo tinh thần Nghị quyết số 18-NQ/TW ngày 25/10/2017, Hội nghị lần thứ sáu Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII “Một số vấn đề tiếp tục đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả”; Nghị quyết số 37-NQ/TW ngày 24/12/2018 của Bộ Chính trị về việc sắp xếp các đơn vị hành chính cấp huyện và cấp xã nhằm giảm số lượng đơn vị hành chính, sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả; Nghị quyết số 60-NQ/TW ngày 12/4/2025 của Hội nghị lần thứ 11 Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa XIII); Nghị quyết số 76/2025/UBTVQH15 ngày 14/4/2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc sắp xếp đơn vị hành chính năm 2025.

- Việc sắp xếp tinh giản bộ máy, biên chế là vấn đề khó khăn, phức tạp và nhạy cảm liên quan trực tiếp đến hoạt động của các tổ chức và quyền lợi của cán bộ, công chức,... Vì vậy, để thực hiện hiệu quả Đề án, đòi hỏi các ngành, các cấp phải có quyết tâm chính trị cao, quyết liệt trong chỉ đạo, tổ chức thực hiện, coi đó là nhiệm vụ thường xuyên, liên tục; phải xây dựng kế hoạch, lộ trình thực hiện.

- Việc sắp xếp, sáp nhập cùng lúc nhiều ĐVHC cấp xã có thể gây ra xáo trộn, tác động phần nào đến mọi mặt đời sống kinh tế xã hội của tỉnh, ít nhiều gây tâm tư và tâm lý lo lắng trong một bộ phận Nhân dân; do đó, phải tăng cường công tác tuyên truyền, chỉ đạo các sở, ban, ngành tích cực phối hợp, hướng dẫn, tháo gỡ khó khăn, vướng mắc của cá nhân, tổ chức, doanh nghiệp được kịp thời để tổ chức bộ máy đơn vị hành chính mới thành lập đi vào hoạt động thông suốt, hiệu quả đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội trong giai đoạn mới.

- Sắp xếp, tổ chức lại ĐVHC cấp xã dẫn đến số lượng cán bộ, công chức, viên chức, người lao động dôi dư rất lớn, gây khó khăn cho công tác bố trí cán bộ, đòi hỏi nguồn lực ngân sách rất lớn để giải quyết chính sách, chế độ cho những người dôi dư và trường hợp không tiếp tục bố trí (người hoạt động không chuyên trách cấp xã) .

Trên đây là Đề án sắp xếp ĐVHC cấp xã trên địa bàn tỉnh Đồng Nai năm 2025, Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai kính trình Chính phủ xem xét, trình Ủy ban Thường vụ Quốc hội xem xét, quyết định./.

Nơi nhận:

- Chính phủ;
- Bộ Nội vụ;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Sở Nội vụ;
- Chánh, các PCVP UBND tỉnh;
- Lưu: VT, KGVX.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Số: /ĐA-UBND

Đồng Nai, ngày tháng 4 năm 2025

DỰ THẢO

ĐỀ ÁN

Sắp xếp, sáp nhập đơn vị hành chính tỉnh Bình Phước và tỉnh Đồng Nai

Căn cứ Kết luận số 127-KL/TW ngày 28/02/2025 của Bộ Chính trị, Ban Bí thư về triển khai nghiên cứu, đề xuất tiếp tục sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị; Kết luận số 130-KL/TW ngày 14/3/2025 về số lượng đơn vị hành chính (ĐVHC) cấp tỉnh sau sắp xếp, tên gọi và trung tâm hành chính - chính trị của ĐVHC cấp tỉnh sau sắp xếp; Kết luận số 137-KL/TW ngày 28/3/2025 về Đề án sắp xếp, tổ chức lại ĐVHC các cấp và xây dựng mô hình chính quyền địa phương 02 cấp; Nghị quyết số 60-NQ/TW ngày 12/4/2025 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII.

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương; Nghị quyết số 76/2025/UBTVQH15 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về sắp xếp ĐVHC năm 2025; Nghị quyết số 74/NQ-CP ngày 07/4/2025 của Chính phủ ban hành Kế hoạch thực hiện sắp xếp ĐVHC và xây dựng mô hình tổ chức chính quyền địa phương 02 cấp, sau khi phối hợp với tỉnh Bình Phước, Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai trình Chính phủ Đề án sắp xếp, sáp nhập đơn vị hành chính tỉnh Bình Phước và tỉnh Đồng Nai như sau:

Phần I

**CĂN CỨ CHÍNH TRỊ, PHÁP LÝ VÀ SỰ CẦN THIẾT
SẮP XẾP, SÁP NHẬP TỈNH BÌNH PHƯỚC VÀ TỈNH ĐỒNG NAI**

I. CĂN CỨ CHÍNH TRỊ, PHÁP LÝ

- Hiến pháp năm 2013 (sửa đổi, bổ sung năm 2025).
- Nghị quyết số 60-NQ/TW ngày 12/4/2025 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII.
- Nghị quyết số 18-NQ/TW ngày 25/10/2017 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII về một số vấn đề về tiếp tục đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả.
- Kết luận số 127-KL/TW ngày 28/02/2025 của Bộ Chính trị, Ban Bí thư về triển khai nghiên cứu, đề xuất tiếp tục sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị.

5. Kết luận số 130-KL/TW ngày 14/3/2025 của Bộ Chính trị, Ban Bí thư về sắp xếp, tổ chức lại ĐVHC các cấp và xây dựng mô hình chính quyền địa phương 2 cấp.

6. Kết luận số 137-KL/TW ngày 28/3/2025 về Đề án sắp xếp, tổ chức lại ĐVHC các cấp và xây dựng mô hình chính quyền địa phương 02 cấp.

7. Luật Tổ chức chính quyền địa phương (sửa đổi, bổ sung).

8. Nghị quyết số 76/2025/UBTVQH15 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về sắp xếp ĐVHC năm 2025.

9. Nghị quyết số 74/NQ-CP ngày 07/4/2025 của Chính phủ ban hành Kế hoạch thực hiện sắp xếp ĐVHC và xây dựng mô hình tổ chức chính quyền địa phương 02 cấp.

II. SỰ CẦN THIẾT SẮP XẾP ĐVHC CẤP TỈNH

Trong bối cảnh phát triển nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, xây dựng nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam và hội nhập quốc tế sâu rộng cần thiết phải mở rộng và đảm bảo tính thống nhất về không gian địa lý, sự liên thông các nguồn lực, bố trí và sử dụng hợp lý, tiết kiệm, hiệu quả các nguồn lực phát triển của đất nước. Việc xây dựng nền quản trị nhà nước hiện đại, hiệu lực, hiệu quả với sự tham gia của nhiều chủ thể dựa trên nền tảng công nghệ thông tin, chuyển đổi số đã và đang làm thay đổi vai trò, cách thức quản lý của các cấp chính quyền địa phương. Hệ thống hạ tầng giao thông, hạ tầng công nghệ thông tin ngày càng phát triển, tạo khả năng kết nối hiệu quả giữa chính quyền và người dân, cộng đồng doanh nghiệp, khoảng cách không gian giữa chính quyền và người dân, doanh nghiệp không còn nhiều ý nghĩa về địa lý và ranh giới địa giới giữa các ĐVHC.

Do đó, thực hiện đúng chủ trương theo Nghị quyết số 60-NQ/TW ngày 12/4/2025 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII về sắp xếp đơn vị hành chính giữa tỉnh Bình Phước và tỉnh Đồng Nai với những nét tương đồng về phong tục, tập quán, văn hóa do cùng có chung nguồn gốc lịch sử sẽ đảm bảo tổ chức hợp lý, hướng đến ổn định lâu dài của ĐVHC cấp tỉnh có vai trò quan trọng trong việc nâng cao hiệu năng, hiệu lực, hiệu quả hoạt động của bộ máy chính quyền, phát huy được kết quả, thành tựu đã đạt được về phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội của của 02 tỉnh trong nhiều năm qua, đặc biệt là các chỉ tiêu giai đoạn 2020 - 2025, ưu điểm, lợi thế của 02 tỉnh trong Vùng Đông Nam Bộ, là các tỉnh có tốc độ tăng trưởng khá tốt, với quy mô kinh tế dự kiến nằm trong nhóm 10 các tỉnh, thành của cả nước, nơi hội tụ nhiều hoạt động kinh tế sôi động, những dự án đầu tư và sản xuất quy mô lớn.

Việc sắp xếp đơn vị hành chính tỉnh Bình Phước và tỉnh Đồng Nai sẽ mở rộng không gian phát triển của các địa phương, đáp ứng mục tiêu, yêu cầu của chiến lược phát triển kinh tế - xã hội của đất nước trong giai đoạn mới; làm cơ sở

đẩy mạnh phân cấp, phân quyền, tăng cường tính tự chủ, tự chịu trách nhiệm của chính quyền địa phương.

Phần II

LỊCH SỬ HÌNH THÀNH VÀ HIỆN TRẠNG ĐVHC CẤP TỈNH

I. KHÁI QUÁT LỊCH SỬ HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN CỦA TỈNH ĐỒNG NAI VÀ TỈNH BÌNH PHƯỚC

Tỉnh Đồng Nai và tỉnh Bình Phước cùng có chung nguồn gốc lịch sử, là vùng đất đã được chứng kiến rất nhiều sự thay đổi về địa giới hành chính cũng như tên gọi của mình.

Từ trước khi có dấu chân người Việt thì tại đây đã trải qua nhiều biến cố lịch sử gắn liền với các vương quốc Phù Nam và Chân Lạp. Tới khoảng thế kỷ XVII, do chính sách mở rộng lãnh thổ về phía Nam của chúa Nguyễn, đã bắt đầu có những đợt di dân người Việt tới đây.

Năm 1698 được coi là dấu mốc quan trọng khi Thống suất Nguyễn Hữu Cảnh (còn có tên Nguyễn Hữu Kính) được chúa Nguyễn Phúc Chu cử vào kinh lược xứ Đàng Trong đã thành lập dinh Trấn Biên, tiền thân của tỉnh Biên Hoà sau này. Năm Gia Long thứ 7 (1808), dinh Trấn Biên được đổi thành trấn Biên Hòa, huyện Phước Long thuộc dinh Trấn Biên được nâng lên thành phủ Phước Long, các tổng được nâng lên thành huyện. Trấn Biên Hòa (gồm 1 phủ Phước Long) là một trong 5 trấn dưới thời Gia Long, thuộc Gia Định thành.

Trấn Biên Hoà (1808 – 1832) hay tỉnh Biên Hòa (1832 – 1861) có địa giới hành chính rộng lớn, bao gồm vùng đất các tỉnh Đồng Nai, Bà Rịa – Vũng Tàu, Bình Phước, Bình Dương và một phần của Thành phố Hồ Chí Minh ngày nay, với tổng diện tích lên đến trên 17.000 km².

Biên Hoà thời nhà Nguyễn

Ban đầu tỉnh Biên Hòa có 2 phủ Phước Long và Phước Tuy. Đến năm 1840 đặt thêm 4 phủ: Tân Định, Tân Bình, Tân Lợi, Tân Thuận và nhiều huyện. Theo Hiệp ước Nhâm Tuất năm 1862, Biên Hòa bị cắt nhượng cho Pháp cùng với Gia Định và Định Tường.

Biên Hoà thời Pháp thuộc

Năm 1876, tỉnh Biên Hòa bị Pháp giải thể và biến thành 3 tiểu khu: Biên Hòa, Thủ Dầu Một và Bà Rịa. Theo Nghị định ngày 20 tháng 12 năm 1899 của Toàn quyền Đông Dương, đổi tên tất cả các tiểu khu thành tỉnh. Thời kỳ này, địa giới tỉnh Biên Hòa bao gồm tỉnh Đồng Nai, một phần các tỉnh Bình Phước và Bình Dương hiện tại. Năm 1939, tỉnh Biên Hòa có 5 quận: Châu Thành, Long Thành, Xuân Lộc, Tân Uyên, Núi Bà Rá.

Đồng Nai - Biên Hoà thời Việt Nam Cộng hòa

Ngày 22 tháng 10 năm 1956, Ngô Đình Diệm ra Sắc lệnh 143-NV chia tỉnh Biên Hòa thành 3 tỉnh: Biên Hòa, Long Khánh, Phước Long (có thêm phần đất của tỉnh Thủ Dầu Một). Từ đó, tiền thân của tỉnh Bình Phước và Đồng Nai được tách ra.

• **Đối với tỉnh Đồng Nai.**

Ngày 23/1/1959, tách một phần đất quận Tân Uyên, cùng phần đất của các tỉnh khác lập tỉnh Phước Thành. Khi đó tỉnh Biên Hòa phía bắc giáp tỉnh Phước Thành, phía Đông giáp tỉnh Long Khánh, phía Đông Nam giáp tỉnh Phước Tuy, phía Tây và Tây nam giáp hai tỉnh Bình Dương và Gia Định.

Năm 1972, tỉnh Biên Hòa có 6 quận là: Quận Đức Tu, Công Thanh, Tân Uyên, Dĩ An, Long Thành và Nhơn Trạch.

Tháng 2 năm 1976, tỉnh Biên Hòa được sáp nhập với Bà Rịa và Long Khánh thành tỉnh Đồng Nai mới, tỉnh lỵ đặt tại thành phố Biên Hòa, thị xã Vũng Tàu và 9 huyện: Châu Thành, Duyên Hải, Long Đất, Long Thành, Tân Phú, Thống Nhất, Vĩnh Cửu, Xuân Lộc, Xuyên Mộc.

Từ năm 1976 đến nay, tên gọi tỉnh Đồng Nai được giữ nguyên, song có thay đổi nhiều lần địa giới, đơn vị hành chính cấp xã, cấp huyện; đến nay, tỉnh Đồng Nai có 2 thành phố và 9 huyện.

• **Đối với tỉnh Bình Phước**

Sau khi được tách ra từ tỉnh Biên Hòa, tiền thân tỉnh Bình Phước gồm hai tỉnh Bình Long và Phước Long.

Ngày 30-01-1971, Trung ương cục miền Nam quyết định thành lập phân khu Bình Phước. Cuối năm 1972, phân khu Bình Phước giải thể, tỉnh Bình Phước chính thức được thành lập.

Sau kháng chiến chống Mỹ thắng lợi, để đáp ứng nhu cầu phát triển kinh tế - văn hóa - xã hội, ngày 02-7-1976 tại kỳ họp thứ nhất quốc hội khóa VI, Quốc hội nước cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam ra quyết định thành lập tỉnh Sông Bé bao gồm: Thủ Dầu Một, Bình Phước và 03 xã thuộc huyện Thủ Đức (TP. Hồ Chí Minh), chia thành 07 huyện, thị và 01 thị xã. Tháng 02/1978 huyện Bình Long được chia thành 02 huyện: Bình Long và Lộc Ninh. Năm 1988, huyện Phước Long chia thành 02 huyện: Phước Long và Bù Đăng.

Ngày 01-01-1997, tỉnh Bình Phước được tái lập gồm 05 huyện phía Bắc tỉnh Sông Bé là: Đồng Phú, Bình Long, Lộc Ninh, Phước Long và Bù Đăng. Tỉnh lỵ đặt ở thị trấn Đồng Xoài (huyện Đồng Phú).

Ngày 01-09-1999 Chính phủ ban hành Nghị định 90/1999/NĐ-CP thành lập thị xã Đồng Xoài. Ngày 20-02-2003 Chính phủ Ban hành Nghị định số 17/2003 NĐ-CP thành lập huyện Chơn Thành và Bù Đốp được tách ra từ huyện Bình Long

và Lộc Ninh. Ngày 01/05/2003 hai huyện Chơn Thành và Bù Đốp chính thức đi vào hoạt động. Tỉnh Bình Phước có 08 huyện, thị, 94 xã phường và thị trấn.

Từ năm 1999 đến nay, địa giới cấp tỉnh được ổn định, song có thay đổi nhiều lần về địa giới hành chính cấp xã, cấp huyện; hiện nay tỉnh Bình Phước có 10 đơn vị hành chính, bao gồm 3 thị xã và 07 huyện: Thị xã Đồng Xoài, Thị xã Phước Long, Thị xã Bình Long và các huyện Đồng Phú, Chơn Thành, Hớn Quản, Lộc Ninh, Bù Đốp, Bù Gia Mập, Bù Đăng.

II. HIỆN TRẠNG ĐVHC CẤP TỈNH THỰC HIỆN SẮP XẾP

A. TỈNH ĐỒNG NAI

1. Vị trí địa lý:

Tỉnh Đồng Nai nằm trong vùng kinh tế trọng điểm Nam bộ, có diện tích tự nhiên là 5.863,62 km². Đồng Nai có tọa độ từ 10°30'03B đến 11°34'57B và từ 106°45'30Đ đến 107°35'00"Đ, có vị trí địa lý: Phía Đông giáp tỉnh Bình Thuận và tỉnh Lâm Đồng; Phía Tây giáp Thành phố Hồ Chí Minh và tỉnh Bình Dương; phía Nam giáp tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu; phía Bắc giáp tỉnh Bình Phước.

Trung tâm hành chính của tỉnh là thành phố Biên Hòa, cách trung tâm Thành phố Hồ Chí Minh khoảng 30 km, cách trung tâm Thủ đô Hà Nội khoảng 1.684 km theo đường Quốc lộ 1. Đây là thành phố trực thuộc tỉnh có dân số đông nhất cả nước, với quy mô dân số tương đương với 2 thành phố trực thuộc trung ương là Đà Nẵng và Cần Thơ.

Tỉnh Đồng Nai có địa hình vùng đồng bằng và trung du với những núi sót rải rác, có xu hướng thấp dần theo hướng Bắc Nam, với địa hình tương đối bằng phẳng. Địa hình có thể chia làm các dạng là địa hình đồng bằng, địa hình trũng trên trầm tích đầm lầy biển, địa đồi lượn sóng, dạng địa hình núi thấp, đất phù sa, đất gley và đất cát có địa hình bằng phẳng, nhiều nơi trũng ngập nước quanh năm. Khí hậu Đồng Nai là khí hậu nhiệt đới gió mùa, có hai mùa tương phản nhau là mùa khô và mùa mưa. Đồng Nai hiện là tỉnh giữ được tỷ lệ rừng tự nhiên và rừng trồng cao nhất vùng Đông Nam Bộ với tổng diện tích rừng đạt 177.940 ha, tỷ lệ che phủ rừng đạt 28,3%

2. Diện tích, quy mô dân số, số ĐVHC trực thuộc

Tỉnh Đồng Nai có diện tích tự nhiên 5.863,62 km²; quy mô dân số 3.084.024 người; số ĐVHC trực thuộc gồm 11 ĐVHC cấp huyện (02 thành phố, 09 huyện); 159 ĐVHC cấp xã (33 phường, 9 thị trấn, 117 xã).

3. Chức năng, vai trò

Đồng Nai là vùng đất có vị trí địa lý chiến lược, nằm ở cửa ngõ phía Đông Nam của đất nước. Từ xa xưa, Đồng Nai đã là nơi giao thoa văn hóa của nhiều dân tộc khác nhau, trong đó có người Việt. Từ đầu thế kỷ 17, Nguyễn Hữu Cảnh đã dẫn đầu đoàn quân của chúa Nguyễn vào khai phá vùng đất Đồng Nai. Sự kiện này

đánh dấu sự mở rộng lãnh thổ của Đại Việt về phía Nam. Đồng Nai trở thành một trong những vùng đất quan trọng trong quá trình mở cõi của dân tộc Việt Nam.

Lịch sử của Đồng Nai gắn liền với lịch sử của vùng đất Nam Bộ. Do đó, vùng đất Biên Hòa - Đồng Nai cũng lưu dấu một thời kì cách mạng hào hùng, nơi diễn ra nhiều sự kiện lịch sử quan trọng, góp phần vào sự nghiệp đấu tranh bảo vệ và xây dựng đất nước. Từ thế kỷ 17 đến thế kỷ 19, Đồng Nai là nơi diễn ra nhiều trận đánh quan trọng trong cuộc chiến tranh giữa Đại Việt và Chăm Pa, góp phần giải phóng vùng đất Đồng Nai khỏi ách thống trị của Chăm Pa. Trong hai cuộc kháng chiến chống Pháp và chống Mỹ, Đồng Nai là một trong những tỉnh trọng điểm của miền Nam. Sau khi chi bộ Đảng đầu tiên của tỉnh Biên Hòa ra đời lấy tên gọi là chi bộ Bình Phước - Tân Triều do đồng chí Hoàng Minh Châu làm Bí thư, đã khởi đầu một giai đoạn các phong trào cách mạng đặt dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam. Trong kháng chiến chống Thực dân Pháp (1946-1954) và Đế quốc Mỹ (1954-1975), dưới sự lãnh đạo của Trung ương Đảng, Hồ Chủ tịch, Xứ ủy Nam Bộ, Trung ương Cục, Khu ủy miền Đông, Đảng bộ và quân dân tỉnh Đồng Nai đã xây dựng truyền thống đoàn kết, kiên cường, lập nên nhiều chiến công chói lọi, kết thúc với Chiến dịch Hồ Chí Minh lịch sử 1975, giải phóng hoàn toàn tỉnh nhà, cùng cả nước bước vào kỷ nguyên độc lập tự do, thống nhất, đi lên chủ nghĩa xã hội.

Ngoài ra, Đồng Nai có nhiều di tích lịch sử, văn hóa quan trọng, phản ánh quá trình hình thành và phát triển của vùng đất này với những di tích lịch sử, văn hóa tiêu biểu của Đồng Nai như: Khu di tích lịch sử văn hóa cấp quốc gia Biên Hòa - Gia Định; Khu di tích lịch sử văn hóa cấp quốc gia Cù Lao Phố; Khu di tích lịch sử văn hóa cấp quốc gia Núi Chứa Chan; Khu di tích lịch sử văn hóa cấp quốc gia Vườn quốc gia Cát Tiên;... những di tích này là những minh chứng sinh động về giá trị lịch sử, văn hóa của Đồng Nai.

Sau khi thống nhất đất nước 1975, Đồng Nai bắt tay vào công cuộc khôi phục và phát triển kinh tế - xã hội đã đạt được những thành tựu quan trọng trong lĩnh vực công nghiệp, nông nghiệp, dịch vụ và trở thành một trong những tỉnh dẫn đầu cả nước về phát triển kinh tế với nguồn thu GDP đứng top đầu cả nước. Do đó, Với những thuận lợi về vị trí địa lý, điều kiện tự nhiên và nguồn lao động nói trên, Đồng Nai có tiềm năng, lợi thế rất lớn để phát triển kinh tế của vùng.

4. Tình hình phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng, an ninh

Thực hiện Nghị quyết Đại hội XIII của Đảng; Nghị quyết Đại hội lần thứ XI Đảng bộ tỉnh, nhiệm kỳ 2020-2025 và Nghị quyết HĐND tỉnh về kế hoạch phát triển kinh tế xã hội 2021-2025 trong bối cảnh đất nước và địa bàn tỉnh có những thuận lợi: Kinh tế duy trì được tốc độ phát triển; văn hóa, xã hội, con người có nhiều mặt tiến bộ; quốc phòng, an ninh được giữ vững; quan hệ đối ngoại được nâng tầm, đạt kết quả nổi bật, cụ thể:

- Về các lĩnh vực kinh tế:

Kinh tế tiếp tục duy trì đà tăng trưởng, tốc độ tăng trưởng tổng sản phẩm trên địa bàn tính (GRDP) bình quân giai đoạn 2021-2024 đạt 5,74%. Quy mô GRDP theo giá hiện hành năm 2024 đạt trên 501 nghìn tỷ đồng, gấp hơn 1,4 lần so với năm 2021, nằm trong nhóm các địa phương có quy mô kinh tế lớn nhất cả nước. GRDP bình quân đầu người đến năm 2024 đạt 148,94 triệu đồng/người, gấp hơn 1,3 lần năm 2021. Cơ cấu các ngành kinh tế tiếp tục chuyển dịch theo hướng tăng tỷ trọng công nghiệp, xây dựng, dịch vụ và giảm tỷ trọng nông, lâm nghiệp và thủy sản, tỷ trọng GRDP ngành công nghiệp - xây dựng tăng từ 58,41% năm 2021 lên 58,55 năm 2024; dịch vụ tăng từ 22,58% lên 24,82% năm 2024; nông nghiệp giảm từ 10,81% năm 2021 xuống còn 9,38% năm 2024.

Sản xuất công nghiệp phát triển và tiếp tục giữ vai trò chủ đạo, là động lực cho tăng trưởng kinh tế, chỉ số sản xuất công nghiệp năm 2024 tăng 8,15%. Lĩnh vực thương mại¹, dịch vụ, du lịch và dịch vụ giao thông vận tải logistics tiếp tục phát triển, mở rộng về quy mô, đa dạng về hình thức, nâng cao về chất lượng. Sản xuất nông nghiệp duy trì được sự phát triển ổn định². Đồng Nai là tỉnh đứng đầu cả nước về số xã đạt chuẩn nông thôn mới kiểu mẫu, đứng thứ 2 về số xã đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao³. Mạng lưới hệ thống các tổ chức tín dụng tiếp tục được mở rộng và phát triển với chất lượng tín dụng được kiểm soát tốt.

Công tác điều hành ngân sách được quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện chặt chẽ, đạt kết quả tốt⁴. Chủ động cân đối ngân sách, phân bổ hợp lý, đảm bảo thực hiện tốt yêu cầu nhiệm vụ chính trị của tỉnh. Kỷ luật, kỷ cương trong đầu tư công được tăng cường, gắn trách nhiệm của người đứng đầu với kết quả thực hiện kế hoạch đầu tư công⁵. Môi trường đầu tư, kinh doanh được cải thiện, cạnh tranh minh bạch, bình đẳng, tạo điều kiện thúc đẩy các thành phần kinh tế, các loại hình doanh nghiệp phát triển, nhất là kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài⁶. Công tác lập quy hoạch tỉnh, quy hoạch đô thị, quy hoạch kiến trúc đạt được kết quả tích cực; các hoạt động điều phối vùng.

¹ Tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng năm 2024 đạt 298,5 nghìn tỷ đồng, tăng 13,04 so với năm 2023; giai đoạn 2021-2024 đạt 986 nghìn tỷ đồng. Hoạt động ngoại thương đạt mức tăng trưởng khá, giai đoạn 2021-2024 tổng kim ngạch xuất khẩu đạt khoảng 92 tỷ USD, kim ngạch nhập khẩu đạt 70,6 tỷ USD, xuất siêu đạt trên 21 tỷ USD. Tăng trưởng ngành dịch vụ trong GRDP đạt khoảng 24,78%.

² Tăng trưởng GRDP của khu vực nông, lâm, thủy sản tăng bình quân trên 3,5%/năm; cơ cấu nội bộ ngành nông nghiệp chuyển dịch theo hướng tăng tỷ trọng các ngành hàng, sản phẩm có giá trị kinh tế cao

³ Lũy kế đến ngày 31/12/2024, toàn tỉnh có Đồng Nai có 106/116 xã đạt chuẩn NTM nâng cao, 33/116 xã đạt chuẩn NTM kiểu mẫu, 67 khu dân cư kiểu mẫu, 03 huyện hoàn thành nông thôn mới nâng cao.

⁴ Năm 2024, tổng thu ngân sách nhà nước trên 62.052 tỷ đồng, đạt 112% dự toán Bộ Tài chính giao, 110% dự toán Hội đồng Nhân dân tỉnh giao, tăng 7% so với cùng kỳ; tổng chi cân đối ngân sách địa phương trên 27.001,4 tỷ đồng, đạt 94% so với dự toán đầu năm, 81% so với điều chỉnh lần 1 và 81% so với điều chỉnh lần 2, tăng 11% so với cùng kỳ. Giai đoạn 2021-2024, tổng thu ngân sách trên địa bàn tỉnh đạt khoảng 252.109 tỷ đồng; tổng chi ngân sách địa phương đạt khoảng 119.493 tỷ đồng.

⁵ Năm 2024, kết quả tỷ lệ giải ngân nguồn vốn đầu tư công đạt 75,76%. Giai đoạn 2021-2024, tổng vốn đầu tư phát triển đạt trên 427 ngàn tỷ đồng, chiếm 24,4% GRDP

⁶ Lũy kế đến nay, toàn tỉnh có trên 58.500 doanh nghiệp với tổng vốn đăng ký trên 568 nghìn tỷ đồng; 1.124 dự án trong nước với tổng số vốn gần 474 nghìn tỷ đồng; 1.714 dự án FDI với số vốn đăng ký 36,09 tỷ USD.

- Các lĩnh vực văn hóa, giáo dục - đào tạo, y tế chăm sóc sức khỏe nhân dân và đảm bảo an sinh xã hội đạt được những kết quả quan trọng:

Hệ thống thiết chế văn hóa, thể thao tăng về số lượng và từng bước cải thiện về chất lượng; các lĩnh vực, loại hình, sản phẩm văn hóa phát triển ngày càng đa dạng. Nhiều giá trị văn hóa truyền thống và di sản văn hóa được kế thừa, bảo tồn và phát huy.

Giáo dục và đào tạo có chuyển biến tích cực, chất lượng được nâng lên, từng bước đáp ứng yêu cầu đào tạo nhân lực, nâng cao dân trí, bồi dưỡng nhân tài. Các cơ sở giáo dục đã thực hiện hiệu quả việc đổi mới phương pháp và hình thức dạy học; thực hiện dạy và học ngoại ngữ theo hướng tiếp cận chuẩn quốc tế; duy trì thực hiện chương trình song ngữ. Công tác chăm sóc sức khỏe Nhân dân đạt kết quả khá, thực hiện nhiều chính sách đề thu hút, hỗ trợ và đào tạo nguồn nhân lực ngành y tế⁷; tăng cường đầu tư trang thiết bị hiện đại vào điều trị, chăm sóc sức khỏe Nhân dân.

An sinh xã hội được bảo đảm; hoạt động chăm lo các đối tượng là người có công, bảo trợ xã hội được quan tâm; thực hiện đầy đủ, kịp thời các chế độ hỗ trợ cho người dân, công nhân và người lao động theo quy định.

- Hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo: Hoạt động khoa học, công nghệ có chuyển biến tích cực và đang trở thành động lực thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội theo chiều sâu. Chuyển đổi số được triển khai đồng bộ với gắn kết chuyển đổi số với công tác cải cách hành chính, khai thác hiệu quả dữ liệu dân cư; đã hình thành một số cơ sở dữ liệu đảm bảo đúng, đủ, sạch, sống. Cơ sở hạ tầng viễn thông được xây dựng, đầu tư khá đồng bộ, hiện đại. Quản lý và sử dụng hiệu quả tài nguyên, bảo vệ môi trường, ứng phó với biến đổi khí hậu, phòng chống và giảm nhẹ thiên tai được quan tâm thực hiện và phát huy hiệu quả tích cực

- Tăng cường công tác quốc phòng, an ninh, đảm bảo trật tự an toàn xã hội: Xây dựng nền quốc phòng toàn dân vững mạnh toàn diện; xây dựng khu vực phòng thủ tỉnh ngày càng vững chắc. Xây dựng lực lượng vũ trang tỉnh “tinh, gọn, mạnh”, vững mạnh về chính trị, chất lượng tổng hợp, sức chiến đấu ngày càng cao, phát huy tốt vai trò nòng cốt trong sự nghiệp bảo vệ Tổ quốc. Hệ thống công trình quốc phòng từng bước hoàn thiện; kết hợp phát triển kinh tế - xã hội với tăng cường quốc phòng, an ninh trong các dự án, đề án mang tính lưỡng dụng được chú trọng; thể trận “quốc phòng toàn dân”, thể trận “an ninh nhân dân” được gắn kết chặt chẽ, phát huy sức mạnh tổng hợp trong thực hiện nhiệm vụ quân sự, quốc phòng trong tình hình mới.

- Công tác thông tin đối ngoại của tỉnh phát triển với nhiều hoạt động nổi bật. Công tác đối ngoại nhân dân ngày càng phát huy hiệu quả, đáp ứng yêu cầu

⁷ Đến năm 2024, có 9,5 bác sỹ trên 1 vạn dân; tỷ lệ suy dinh dưỡng trẻ em dưới 05 tuổi theo cân nặng giảm $\leq 6\%$, tỷ lệ suy dinh dưỡng trẻ em dưới 5 tuổi theo chiều cao $\leq 16\%$; tỷ lệ trẻ em suy dinh dưỡng giảm nhanh so với năm 2020 và thấp hơn mức trung bình cả nước. Thực hiện tốt chính sách về dân số. Cơ cấu dân số chuyển biến tích cực, dân số trong độ tuổi lao động tăng, tuổi thọ trung bình đạt 76,5 tuổi

thực tế tại địa phương. Đặc biệt với việc tập trung đẩy mạnh thực hiện nhiệm vụ cải thiện môi trường đầu tư, tháo gỡ khó khăn cho doanh nghiệp, trong đó có các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài đã tạo mối quan hệ hợp tác hữu nghị, hợp tác kinh tế giữa tỉnh Đồng Nai với các địa phương nước ngoài, nhất là các đối tác thuộc các nước bạn Lào, Campuchia, Hàn Quốc, Nhật Bản... ngày càng được thắt chặt và đạt hiệu quả thiết thực.

5. Các chính sách đặc thù hiện hưởng

Hiện nay, HĐND tỉnh Đồng Nai đã thông qua nhiều chế độ chính sách hỗ trợ cho cán bộ, công chức, viên chức, người lao động, các cá nhân, tổ chức trên địa bàn tỉnh như: *Chế độ đãi ngộ đối với cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên và học sinh trường THPT chuyên Lương Thế Vinh; Hỗ trợ đối với người thực thi nhiệm vụ kiểm lâm thuộc Khu Bảo tồn Thiên nhiên - Văn hóa Đồng Nai; Trợ cấp đối với Trưởng các đoàn thể ở ấp (khu phố) và kinh phí hoạt động cho Tổ nhân dân trên địa bàn tỉnh Đồng Nai; Chế độ thai sản và chính sách thôi việc đối với người hoạt động không chuyên trách ở xã, phường, thị trấn trên địa bàn tỉnh; Chế độ hỗ trợ nguồn nhân lực y tế tỉnh Đồng Nai giai đoạn 2023-2025; Chế độ hỗ trợ đối với viên chức tại Trung tâm Công tác xã hội tỉnh Đồng Nai giai đoạn 2023-2027; Chính sách hỗ trợ đối với giáo viên tại các cơ sở giáo dục công lập trên địa bàn tỉnh Đồng Nai đến năm 2025; Mức hỗ trợ công trình phúc lợi cho xã, huyện đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao; xã đạt chuẩn nông thôn mới kiểu mẫu trên địa bàn tỉnh Đồng Nai đến năm 2025.*

6. Tổ chức bộ máy, biên chế cán bộ, công chức trong hệ thống chính trị tại địa bàn

6.1. Tỉnh ủy

- Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh đầu nhiệm kỳ được phê duyệt 54 đồng chí; đến tháng 4/2025 có 47 đồng chí;

- Ban Thường vụ Tỉnh ủy đầu nhiệm kỳ được phê duyệt có 16 đồng chí, đến tháng 4/2025 có 14 đồng chí.

- Thường trực Tỉnh ủy có 03 đồng chí, gồm: Bí thư Tỉnh ủy - Trưởng Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh; Phó Bí thư Thường trực Tỉnh ủy; Phó Bí thư Tỉnh ủy - Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh.

- Các ban, cơ quan thuộc Tỉnh ủy gồm: Văn phòng Tỉnh ủy, Ban Tổ chức Tỉnh ủy, Ban Tuyên giáo và Dân vận Tỉnh ủy, Ban Nội chính Tỉnh ủy, cơ quan Ủy ban Kiểm tra Tỉnh ủy, Báo Đồng Nai, Trường Chính trị tỉnh. Tổng số biên chế hiện có: 232, trong đó: 172 công chức, 60 viên chức; 34 hợp đồng lao động theo Nghị định 111/NĐ-CP.

- Tính đến ngày 01/4/2025, Đảng bộ tỉnh Đồng Nai có 16 đảng bộ trực thuộc Tỉnh ủy (9 đảng bộ huyện, 02 đảng bộ thành phố và 05 đảng bộ tương

đương); 892 tổ chức cơ sở đảng (trong đó: 589 chi bộ cơ sở và 303 đảng bộ cơ sở với 11 đảng bộ bộ phận và 2.797 chi bộ trực thuộc), tổng số 90.274 đảng viên.

- Biên chế chuyên trách công tác đảng ở Đảng ủy các cơ quan Đảng tỉnh và Đảng ủy UBND tỉnh: Tổng số 29 chỉ tiêu, trong đó: 29 công chức; 05 hợp đồng lao động theo Nghị định 111/NĐ-CP.

6.2. Mặt trận tổ quốc Việt Nam và các tổ chức đoàn thể chính trị - xã hội gồm có các cơ quan: Ủy ban MTTQ tỉnh, Hội Nông dân, Hội Liên hiệp Phụ nữ, Tỉnh Đoàn, Liên đoàn Lao động, Hội Cựu chiến binh tỉnh.

- Tổng số biên chế hiện có 127 chỉ tiêu, trong đó: 127 công chức; 20 hợp đồng lao động theo Nghị định 111/NĐ-CP.

* Tổng số chỉ tiêu, biên chế khối Đảng, đoàn thể tỉnh (tính đến tháng 4/2025): Có mặt 447 người, trong đó: 328 công chức, 60 viên chức; 59 hợp đồng lao động theo Nghị định 111 của Chính phủ, chia ra:

- Cơ quan Đảng chuyên trách (gồm các cơ quan, ban Đảng tỉnh; Đảng ủy Các cơ quan Đảng tỉnh và Đảng ủy UBND tỉnh): Tổng số 201 chỉ tiêu, trong đó: 201 công chức; 33 hợp đồng lao động theo Nghị định 111/NĐ-CP.

- Đơn vị sự nghiệp trực thuộc Tỉnh ủy: Tổng số 60 chỉ tiêu, trong đó: 60 viên chức; 6 hợp đồng lao động theo Nghị định 111/NĐ-CP.

- Cơ quan MTTQ, các tổ chức chính trị- xã hội tỉnh: Tổng số 127 chỉ tiêu, trong đó: 127 công chức; 20 hợp đồng lao động theo Nghị định 111/NĐ-CP.

6.3. Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân tỉnh

* Hội đồng nhân dân tỉnh có 74 đại biểu, Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh có Chủ tịch, Phó Chủ tịch, thành viên gồm 03 Trưởng ban của HĐND tỉnh. Hội đồng nhân dân tỉnh có 03 ban: Ban Pháp chế, Ban Kinh tế, Ban Văn hóa - Xã hội.

- Văn phòng Đoàn ĐBQH&HĐND tỉnh: Có 25 công chức và 10 người lao động.

* Ủy ban nhân dân tỉnh gồm có 12 sở, Thanh tra tỉnh, Ban Quản lý các Khu công nghiệp tỉnh và Ban Quản lý Khu Công nghệ cao công nghệ sinh học với 11.133 biên chế; trong đó tính đến ngày 10/3/2025: công chức 1.245 người, viên chức 8.703 người, hợp đồng lao động 1.023 người;

B. TỈNH BÌNH PHƯỚC

1. Vị trí địa lý: Bình Phước là tỉnh ở khu vực miền Đông Nam Bộ, ở tọa độ địa lý từ 11°07' đến 12°19' độ vĩ Bắc, 106°24' đến 107°25' độ kinh Đông; phía Đông giáp 3 tỉnh Đắk Nông, Lâm Đồng và Đồng Nai; phía Tây giáp tỉnh Tây Ninh và Campuchia; phía Bắc giáp tỉnh Krachê và Mundukini (Campuchia), phía Nam giáp tỉnh Bình Dương.

2. Diện tích, quy mô dân số, số ĐVHC trực thuộc

- Diện tích tự nhiên (km²): 6.873,548 km².
- Quy mô dân số (người): 1.140.124 người
- Số lượng ĐVHC cấp huyện: 11 ĐVHC cấp huyện, gồm: 07 huyện (*Đồng Phú, Bù Đăng, Bù Đốp, Bù Gia Mập, Lộc Ninh, Hớn Quản, Phú Riềng*), 03 thị xã (*Bình Long, Phước Long, Chơn Thành*), 01 thành phố (*Đồng Xoài*).
- Số lượng ĐVHC cấp xã: 111 ĐVHC cấp xã, gồm 86 xã, 20 phường, 05 thị trấn.

3. Chức năng, vai trò

Bình Phước có vị trí địa lý chiến lược, giữ vai trò quan trọng trong hành lang kinh tế mới, là một trong sáu tỉnh của vùng Đông Nam Bộ, là cửa ngõ giao lưu kinh tế, văn hóa, xã hội giữa Đông Nam Bộ, Đồng bằng Sông Cửu Long với Tây Nguyên và quốc tế, đặc biệt với Campuchia, Thái Lan. Hệ thống giao thông của Bình Phước (quốc lộ 14, quốc lộ 13, đường Hồ Chí Minh...) là một phần của mạng lưới giao thông liên vùng quan trọng của quốc gia. Với các tuyến đường chính như quốc lộ 13 từ cầu Tham Rót đi từ phía Nam lên phía Bắc qua trung tâm thị xã Chơn Thành, thị xã Bình Long đến Cửa khẩu quốc tế Hoa Lư với tổng chiều dài là 79,90km. Quốc lộ 14 nối các tỉnh Tây Nguyên qua Bình Phước về Thành phố Hồ Chí Minh với 112,70km. Trung tâm tỉnh lỵ Bình Phước cách sân bay Tân Sơn Nhất, sân bay quốc tế Long Thành và các cảng như Đồng Nai, Sài Gòn, Thị Vải khoảng 100km.

Ngoài ra, tỉnh có trên 258,9km đường biên, 3 huyện biên giới tiếp giáp với 3 tỉnh của Vương quốc Campuchia gồm Tbong Khmum, Kratie, Monduliri; với 4 cửa khẩu và 1 lối mở. Trong đó, Cửa khẩu quốc tế Hoa Lư có điều kiện giao thông thuận lợi đưa tỉnh trở thành địa phương quan trọng, giữ vai trò kết nối các tuyến du lịch quốc tế với các nước láng giềng, có tiềm năng và điều kiện thuận lợi để trở thành đầu mối giao thương, phát triển thương mại, du lịch và xuất khẩu...

Đặc điểm địa hình đa phần là bằng phẳng, khí hậu ổn định của tỉnh Bình Phước thuận lợi cho phát triển nông nghiệp, nhất là các loại cây trồng lâu năm và rừng. Dân số Bình Phước hiện tại là dân số vàng, là nguồn lực quan trọng để phát triển kinh tế - xã hội. Đây có thể coi là lợi thế so sánh của Bình Phước so với các địa phương khác cũng như bình diện chung của cả nước khi cơ cấu dân số trẻ hơn.

Với những ưu điểm nêu trên cùng với vị trí địa lý chiến lược, giữ vai trò quan trọng trong hành lang kinh tế mới, là 01 trong 8 tỉnh của Vùng kinh tế trọng điểm phía Nam, là cửa ngõ giao lưu kinh tế, văn hóa, xã hội giữa Đông Nam Bộ, đồng bằng Sông Cửu Long với Tây Nguyên và với quốc tế, đặc biệt với Campuchia, Lào, Thái Lan. Nhìn về tương lai, Bình Phước có điều kiện thuận lợi ngày càng gia tăng cho sự phát triển của tỉnh, góp phần vào sự thịnh vượng chung của vùng.

4. Tình hình phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng, an ninh

Thực hiện Nghị quyết Đại hội XIII của Đảng; Nghị quyết Đại hội lần thứ XI Đảng bộ tỉnh, nhiệm kỳ 2020-2025 và Nghị quyết HĐND tỉnh về kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2024 trong bối cảnh có nhiều khó khăn, thách thức. Với quyết tâm cao trong chỉ đạo và điều hành; căn cứ vào các Kết luận, Nghị quyết của Trung ương Đảng, Quốc hội, Chính phủ, Nghị quyết của Tỉnh ủy, HĐND tỉnh và tinh thần “Kỷ cương trách nhiệm, chủ động kịp thời, tăng tốc sáng tạo, hiệu quả bền vững”, ngay từ đầu năm, Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và dự toán ngân sách nhà nước năm 2024 với 12 nhóm giải pháp trọng tâm và 98 nhiệm vụ với kết quả cụ thể như sau:

- Về các lĩnh vực kinh tế

Tổng sản phẩm trên địa bàn tỉnh (GRDP) năm 2024 tăng 9,32% so với năm 2023, vượt kế hoạch đề ra (kế hoạch đề ra là 8-8,5%). Trong đó ngành nông lâm thủy sản tăng 5,19%, ngành công nghiệp xây dựng tăng 15,19% (trong đó: công nghiệp tăng 15,99%), dịch vụ tăng 7,82%, thuế sản phẩm trừ trợ cấp sản phẩm tăng 3,22%. GRDP bình quân đầu người đạt 108,4 triệu đồng, tăng 13,4% so với năm 2023.

Cơ cấu kinh tế đến hết năm 2024 chuyển dịch tích cực, đúng hướng, tỷ trọng ngành công nghiệp - xây dựng đã dịch chuyển tăng, chiếm tỷ trọng 45,96% (năm 2023 là 43,86%, kế hoạch đề ra là 41,32%), ngành Nông lâm nghiệp và thủy sản có sự chuyển dịch giảm, chiếm 22,98% (năm 2023 là 24,09%, kế hoạch đề ra là 23,4%), dịch vụ chiếm 31,06% (Kế hoạch đề ra 32,83%).

Công tác điều hành ngân sách luôn được tỉnh thực hiện chặt chẽ, tiết kiệm, hiệu quả; khai thác tối đa các nguồn thu ngân sách nhà nước; tăng cường công tác kiểm soát chi, tiết kiệm chi theo quy định. Mặc dù vậy, công tác thu ngân sách nhà nước năm 2024 của tỉnh gặp nhiều khó khăn; thực hiện năm 2024 là 11.519 tỷ đồng, bằng 94,47% so với năm 2023 và đạt 90,42% kế hoạch năm. Tổng chi ngân sách nhà nước thực hiện năm 2024 là 14.153 tỷ đồng, tăng 0,6% so với năm 2023 và đạt 100% kế hoạch.

Hoạt động thương mại dịch vụ tăng mạnh, tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng trên địa bàn tỉnh thực hiện năm 2024 đạt 83.567 tỷ đồng, tăng 7,4% so với năm 2023. Kim ngạch xuất khẩu năm 2024 đạt 04 tỷ 600 triệu USD, tăng 10,05% so với năm 2023, đạt 100,88% kế hoạch năm. Kim ngạch nhập khẩu đạt 02 tỷ 900 triệu USD, tăng 11,5% so với năm 2023.

Trên địa bàn tỉnh có 12/13 khu công nghiệp đã thu hút đầu tư, thu hút được 399 dự án thứ cấp, trong đó có 101 dự án trong nước và 298 dự án FDI với tổng vốn đầu tư đăng ký là 18.100 tỷ đồng và 3.654 triệu USD, tổng diện tích đất cho thuê là 1.436,68 ha. Đối với hạ tầng cụm công nghiệp, tỉnh đã thành lập

09 cụm công nghiệp, trong đó 01 cụm công nghiệp đi vào hoạt động, 06 cụm công nghiệp đang đầu tư xây dựng hạ tầng và 02 cụm công nghiệp đang hoàn tất thủ tục đầu tư.

Sản xuất công nghiệp tiếp tục phát triển và duy trì tốc độ tăng trưởng cao, chỉ số sản xuất ngành công nghiệp toàn tỉnh (IIP) tăng 17,49% so với năm 2023 (trong đó ngành công nghiệp chế biến tăng 16,81%); sản xuất nông nghiệp phát triển ổn định, diện tích gieo trồng cây hàng năm đạt 23.916 ha, giảm 3,18% (giảm 787 ha) so với năm 2023, đạt 98,6% kế hoạch năm. Công tác lập Quy hoạch tỉnh, quy hoạch đô thị, quy hoạch kiến trúc đạt được kết quả tích cực; các hoạt động điều phối vùng.

Về xây dựng nông thôn mới: Lũy kế đến hết năm số xã đạt chuẩn nông thôn mới đạt 73 xã, đạt tỷ lệ 84,88%; xã nông thôn mới nâng cao đạt 23 xã; 03 đơn vị cấp huyện⁸ hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới; có 02 đơn vị⁹ đạt chuẩn nông thôn mới đang hoàn thiện hồ sơ trình Trung ương thẩm định công nhận.

- Các lĩnh vực văn hóa, giáo dục - đào tạo, y tế chăm sóc sức khỏe nhân dân và đảm bảo an sinh xã hội đạt được những kết quả quan trọng:

Hệ thống thiết chế văn hóa, thể thao tăng về số lượng và từng bước cải thiện về chất lượng; các lĩnh vực, loại hình, sản phẩm văn hóa phát triển ngày càng đa dạng. Nhiều giá trị văn hóa truyền thống và di sản văn hóa được kế thừa, bảo tồn và phát huy. Chất lượng Cuộc vận động “Người Bình Phước nói lời hay làm việc tốt” được nâng cao, được triển khai đến mọi tầng lớp nhân dân, cán bộ công chức, viên chức, lực lượng vũ trang trong toàn tỉnh.

Giáo dục và đào tạo có chuyển biến tích cực, chất lượng được nâng lên, từng bước đáp ứng yêu cầu đào tạo nhân lực, nâng cao dân trí, bồi dưỡng nhân tài. Các cơ sở giáo dục đã thực hiện hiệu quả việc đổi mới phương pháp và hình thức dạy học; thực hiện dạy và học ngoại ngữ theo hướng tiếp cận chuẩn quốc tế; duy trì thực hiện chương trình song ngữ. Công tác chăm sóc sức khỏe Nhân dân đạt kết quả khá, thực hiện nhiều chính sách đề thu hút, hỗ trợ và đào tạo nguồn nhân lực ngành y tế¹⁰; tăng cường đầu tư trang thiết bị hiện đại vào điều trị, chăm sóc sức khỏe Nhân dân.

An sinh xã hội được bảo đảm; hoạt động chăm lo các đối tượng là người có công, bảo trợ xã hội được quan tâm; thực hiện đầy đủ, kịp thời các chế độ hỗ trợ cho người dân, công nhân và người lao động theo quy định. Công tác giảm nghèo thực hiện năm 2024 giảm 500 hộ nghèo, đạt 100% kế hoạch (tương ứng với

⁸ thành phố Đồng Xoài, thị xã Phước Long và thị xã Bình Long

⁹ thị xã Chơn Thành và huyện Đồng Phú

¹⁰ Đến năm 2024, có 9,5 bác sỹ trên 1 vạn dân; tỷ lệ suy dinh dưỡng trẻ em dưới 05 tuổi theo cân nặng giảm $\leq 6\%$, tỷ lệ suy dinh dưỡng trẻ em dưới 5 tuổi theo chiều cao $\leq 16\%$; tỷ lệ trẻ em suy dinh dưỡng giảm nhanh so với năm 2020 và thấp hơn mức trung bình cả nước. Thực hiện tốt chính sách về dân số. Cơ cấu dân số chuyển biến tích cực, dân số trong độ tuổi lao động tăng, tuổi thọ trung bình đạt 76,5 tuổi

giảm 0,18% tỷ lệ hộ nghèo theo chuẩn nghèo đa chiều, trong đó giảm 230 hộ nghèo đồng bào dân tộc thiểu số).

Công tác mạng lưới y tế, biên chế, đào tạo cán bộ, đầu tư cơ sở vật chất, trang thiết bị tiếp tục thực hiện theo quy định; cơ bản đã đảm bảo đầy đủ thuốc và vật tư y tế phục vụ cho công tác khám chữa bệnh. Các cơ sở khám chữa bệnh đảm bảo tốt việc trực và điều trị bệnh; duy trì công tác thu dung và điều trị kịp thời; công suất sử dụng giường bệnh trung bình đạt 53%. Số giường bệnh/vạn dân đạt 28,6 giường (đạt kế hoạch đề ra); số bác sỹ/vạn dân 9,7 bác sỹ (vượt kế hoạch đề ra, kế hoạch đề ra là 8,6 bác sỹ); tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi suy dinh dưỡng đạt dưới 10% (đạt kế hoạch đề ra); tỷ lệ dân số tham gia bảo hiểm y tế đạt 94% (đạt kế hoạch đề ra).

- Hoạt động khoa học công nghệ và đổi mới sáng tạo

Hoạt động khoa học công nghệ có chuyển biến tích cực và đang trở thành động lực thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội theo chiều sâu; trong năm 2024, đã thực hiện nghiên cứu khoa học công nghệ cấp tỉnh 12 đề tài chuyển tiếp, triển khai 05 đề tài trong danh mục năm 2023 và triển khai 03 đề tài mới trong danh mục kế hoạch năm 2024. Chuyển đổi số được triển khai đồng bộ với gắn kết chuyển đổi số với công tác cải cách hành chính, khai thác hiệu quả dữ liệu dân cư; đã hình thành một số cơ sở dữ liệu đảm bảo đúng, đủ, sạch, sống. Cơ sở hạ tầng viễn thông được xây dựng, đầu tư khá đồng bộ, hiện đại. Quản lý và sử dụng hiệu quả tài nguyên, bảo vệ môi trường, ứng phó với biến đổi khí hậu, phòng chống và giảm nhẹ thiên tai được quan tâm thực hiện và phát huy hiệu quả tích cực Thúc đẩy hoạt động nghiên cứu, chuyển giao, ứng dụng khoa học công nghệ.

Chú trọng đào tạo nhân lực các ngành, lĩnh vực trọng điểm, đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế tri thức, kinh tế số, kinh tế xanh, kinh tế tuần hoàn, các ngành khoa học cơ bản, kỹ thuật, công nghệ mới,... có tiềm năng, lợi thế, tạo bứt phá nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả và sức cạnh tranh của nền kinh tế.

- Tăng cường công tác quốc phòng, an ninh, đảm bảo trật tự an toàn xã hội: Tiếp tục được củng cố, tăng cường công tác quốc phòng, an ninh, khu vực phòng thủ vững chắc. Bảo đảm ổn định chính trị, trật tự an toàn xã hội, đặc biệt là các dịp lễ tết; đảm bảo an ninh Đại hội đảng bộ các cấp; tăng cường phòng chống các loại tội phạm; bảo đảm an toàn giao thông, phòng, chống cháy nổ. Thực hiện tốt chủ trương kết hợp chặt chẽ quốc phòng, an ninh với phát triển kinh tế xã hội trên từng địa bàn và tuyến biên giới.

- Công tác thông tin đối ngoại, hội nhập quốc tế được triển khai đồng bộ; đẩy mạnh ngoại giao kinh tế, góp phần thiết thực vào quảng bá mạnh mẽ hình ảnh và tiềm năng, thế mạnh của Bình Phước để thu hút đầu tư và phát triển kinh tế xã hội của địa phương; từng bước nâng cao tầm vóc và vị thế của tỉnh với các đối tác trong và ngoài nước.

5. Các chính sách đặc thù hiện hưởng

Hiện nay, HĐND tỉnh Bình Phước đã thông qua các chế độ nhằm thu hút nguồn nhân lực theo Nghị quyết số 17/2018/NQ-HĐND ngày 14/12/2018 của HĐND tỉnh quy định chính sách khuyến khích, hỗ trợ cán bộ, công chức, viên chức tham gia đào tạo, bồi dưỡng và thu hút nhân lực chất lượng cao trên địa bàn tỉnh, Nghị quyết số 18/2019/NQ-HĐND ngày 16/12/2019 của HĐND tỉnh quy định chính sách thu hút, đãi ngộ và đào tạo, phát triển nguồn nhân lực y tế trên địa bàn tỉnh bình phước giai đoạn 2020 - 2025 và định hướng đến năm 2030.

6. Tổ chức bộ máy, biên chế cán bộ, công chức trong hệ thống chính trị tại địa bàn

6.1. Tỉnh ủy

- Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh đầu nhiệm kỳ được phê duyệt 53 đồng chí; đến tháng 4/2025 có 41 đồng chí;

- Ban Thường vụ Tỉnh ủy đầu nhiệm kỳ được phê duyệt có 15 đồng chí, đến tháng 4/2025 có 12 đồng chí.

- Thường trực Tỉnh ủy có 3 đồng chí, gồm: Bí thư Tỉnh ủy, 2 Phó Bí thư Tỉnh ủy.

- Các ban, cơ quan thuộc Tỉnh ủy gồm: Văn phòng Tỉnh ủy, Ban Tổ chức Tỉnh ủy, Ban Tuyên giáo và Dân vận Tỉnh ủy, Ban Nội chính Tỉnh ủy, cơ quan Ủy ban Kiểm tra Tỉnh ủy, Trường Chính trị tỉnh. Tổng số biên chế hiện có: 235, trong đó: 173 công chức, 33 viên chức; 29 hợp đồng lao động theo Nghị định 111/NĐ-CP.

- Tính đến ngày 01/4/2025, Đảng bộ tỉnh Bình Phước có 16 đảng bộ trực thuộc Tỉnh ủy (07 đảng bộ huyện, 03 đảng bộ thị xã, 01 đảng bộ thành phố và 05 đảng bộ tương đương); 657 tổ chức cơ sở đảng (trong đó: 452 chi bộ cơ sở và 205 đảng bộ cơ sở với 29 đảng bộ bộ phận và 2.048 chi bộ trực thuộc), tổng số 40.503 đảng viên.

- Biên chế chuyên trách công tác đảng ở Đảng ủy các cơ quan Đảng tỉnh và Đảng ủy UBND tỉnh: Tổng số 30 chỉ tiêu, trong đó: 26 công chức; 4 hợp đồng lao động theo Nghị định 111/NĐ-CP.

6.2. Mặt trận tổ quốc Việt Nam và các tổ chức đoàn thể chính trị - xã hội

- Gồm có các cơ quan: Ủy ban MTTQ tỉnh, Hội Nông dân, Hội Liên hiệp Phụ nữ, Tỉnh Đoàn, Liên đoàn Lao động, Hội Cựu chiến binh tỉnh.

- Tổng số biên chế hiện có 165 chỉ tiêu, trong đó: 124 công chức; 11 viên chức; 32 hợp đồng lao động theo Nghị định 111/NĐ-CP.

- * Tổng số chỉ tiêu, biên chế khối Đảng, đoàn thể tỉnh (tính đến tháng 4/2025): Có mặt 400 người, trong đó: 297 công chức, 44 viên chức; 59 hợp đồng

lao động theo Nghị định 111 của Chính phủ, chia ra:

- Cơ quan Đảng chuyên trách (gồm các cơ quan, ban Đảng tỉnh; Đảng ủy Các cơ quan Đảng tỉnh và Đảng ủy UBND tỉnh, Trường Chính trị tỉnh): Tổng số 235 chỉ tiêu, trong đó: 173 công chức; 33 viên chức; 29 hợp đồng lao động theo Nghị định 111/NĐ-CP.

- Cơ quan MTTQ, các tổ chức chính trị- xã hội tỉnh: Tổng số 165 chỉ tiêu, trong đó: 124 công chức; 11 viên chức; 32 hợp đồng lao động theo Nghị định 111/NĐ-CP.

6.3. Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân tỉnh

* Hội đồng nhân dân tỉnh có 60 đại biểu, Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh có Chủ tịch, Phó Chủ tịch, thành viên gồm 03 Trưởng ban của HĐND tỉnh. Hội đồng nhân dân tỉnh có 03 ban: Ban Pháp chế, Ban Kinh tế, Ban Văn hóa - Xã hội, Ban Dân tộc.

- Văn phòng Đoàn ĐBQH&HĐND tỉnh: Có 30 công chức.

* Ủy ban nhân dân tỉnh gồm có 13 sở, Thanh tra tỉnh và Ban Quản lý Khu kinh tế với công chức là 952 biên chế (chưa tính 32 biên chế dự phòng, tính cả biên chế của Chi cục Quản lý thị trường, Ban Tổ chức Trung ương chưa giao về cho tỉnh), viên chức 4.331 biên chế (gồm 3.765 biên chế hưởng lương từ ngân sách nhà nước, 566 biên chế hưởng lương từ nguồn thu của đơn vị sự nghiệp công lập) trong đó: công chức 899 người, viên chức 3.979 người.

Phần III

PHƯƠNG ÁN SẮP XẾP ĐVHC CẤP TỈNH

I. PHƯƠNG ÁN VÀ KẾT QUẢ SẮP XẾP ĐVHC CẤP TỈNH

1. Phương án

Sắp xếp, sáp nhập đơn vị hành chính tỉnh Bình Phước và tỉnh Đồng Nai theo Nghị quyết số 76/2025/NQ-UBTVQH15. Tên gọi sau sắp xếp, sáp nhập là tỉnh Đồng Nai.

- Lý do lựa chọn tên tỉnh Đồng Nai sau sắp xếp có 3 yếu tố:

(1) Yếu tố truyền thống, lịch sử, văn hóa

Đồng Nai là một trong những địa danh lâu đời nhất của Nam Bộ, có lịch sử hơn 325 năm hình thành và phát triển, gắn liền với quá trình khai phá và định hình vùng đất phương Nam. Trong suốt chiều dài lịch sử, Đồng Nai là trung tâm kinh tế - hành chính quan trọng, đóng vai trò then chốt trong sự phát triển của

Nam Bộ. Đồng thời, sự đa dạng về dân tộc, tôn giáo đã tạo nên một bức tranh văn hóa phong phú và đặc sắc cho tỉnh Đồng Nai.

Việc lựa chọn tên Đồng Nai cho tỉnh mới không chỉ bảo tồn giá trị truyền thống, mà còn thể hiện sự kế thừa và phát huy bản sắc vùng đất năng động, giàu tiềm năng của tỉnh.

(2) Có tính thương hiệu cao, gắn liền với các khu công nghiệp lớn

Đồng Nai từ lâu đã là một địa danh có tính nhận diện cao, gắn liền với hình ảnh của một tỉnh công nghiệp phát triển sôi động bậc nhất cả nước, đóng vai trò quan trọng trong vùng kinh tế trọng điểm phía Nam. Từ thập niên 1960 đã hình thành Khu kỹ nghệ Biên Hòa (sau đổi tên là Khu công nghiệp Biên Hòa 1), đây được coi là khu công nghiệp đầu tiên của Việt Nam; sau năm 1975 đến nay tỉnh Đồng Nai có sự phát triển mạnh các khu công nghiệp đã có thu hút nhiều doanh nghiệp ở 45 quốc gia và vùng lãnh thổ. Thương hiệu “Đồng Nai” không chỉ nổi bật trong lĩnh vực công nghiệp mà còn có vị trí quan trọng trong quy hoạch đô thị, logistics, phát triển hạ tầng và khả năng kết nối vùng sân bay Biên Hòa, sân bay Quốc tế Long Thành; Văn miếu Trấn Biên gắn liền với địa danh của tỉnh Đồng Nai.

Việc lựa chọn tên gọi "Đồng Nai" cho tỉnh mới sẽ góp phần tận dụng tối đa thương hiệu đã được xây dựng vững chắc, tiếp tục thu hút đầu tư, tạo động lực phát triển kinh tế mạnh mẽ và bền vững trong giai đoạn mới.

(3) Bảo đảm nguyên tắc sử dụng một trong các tên đã có, dễ nhận diện, ngắn gọn, dễ đọc, dễ nhớ: Việc lựa chọn tên tỉnh mới là "Đồng Nai" – một trong hai tên gọi đã tồn tại trước khi sáp nhập – có thể được xem là giải pháp phù hợp nhằm hạn chế tối đa các tác động phát sinh đối với người dân và doanh nghiệp, đặc biệt trong việc chuyển đổi giấy tờ, cập nhật thông tin địa lý và các thủ tục hành chính liên quan.

2. Kết quả

- ĐVHC tỉnh Đồng Nai mới sau sắp xếp, sáp nhập có: 12.737,17 km² (đạt 255 % so với tiêu chuẩn), Quy mô dân số 4.224.148 người (đạt 302 % so với tiêu chuẩn).

- Số lượng ĐVHC cấp xã sau sắp xếp là 95 đơn vị. Tuy nhiên, theo điều kiện địa hình, vị trí địa lý thực tế của xã Đắc Lua (huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai) và xã Đăng Hà, huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước với điều kiện giao thông kết nối, các điều kiện kinh tế xã hội tương đồng và là 02 đơn vị liền kề; Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai kính báo cáo, đề xuất Trung ương xem xét, chấp thuận cho 02 tỉnh thực hiện phương án sắp xếp, sáp nhập xã Đắc Lua và xã Đăng Hà, huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước nhằm tạo thuận lợi cho tỉnh Đồng Nai (mới) trong quản lý hành chính tại địa phương, đồng thời thúc đẩy, phát huy các thế mạnh của 02 địa

phương tạo động lực phát triển kinh tế và nâng cao đời sống vật chất, tinh thần của nhân dân. Việc thực hiện phương này sáp nhập này, tỉnh Đồng Nai mới còn 94 đơn vị hành chính cấp xã.

- Các ĐVHC cùng cấp liền kề: Tỉnh Lâm Đồng, Tây Ninh, thành phố Hồ Chí Minh.

- Trung tâm hành chính - chính trị của đơn vị hành chính tỉnh Đồng Nai mới:

+ Đặt tại thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai (sau sắp xếp là Phường Trăn Biên (mới), tỉnh Đồng Nai).

+ Tuy nhiên, để thuận lợi trong giai đoạn đầu sáp nhập 02 tỉnh, sẽ bố trí một số cơ quan có 02 trụ sở tại Đồng Nai và Bình Phước.

II. GIẢI TRÌNH TRƯỜNG HỢP ĐVHC CẤP TỈNH HÌNH THÀNH SAU SẮP XẾP KHÔNG ĐẠT TIÊU CHUẨN DIỆN TÍCH TỰ NHIÊN, QUY MÔ DÂN SỐ THEO QUY ĐỊNH (nếu có)

Phần IV

ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG VÀ TỔ CHỨC THỰC HIỆN

I. ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG KHI THỰC HIỆN SẮP XẾP ĐVHC CẤP TỈNH

Thành lập tỉnh Đồng Nai trên cơ sở sáp nhập tỉnh Bình Phước với tỉnh Đồng Nai sẽ tạo thế và lực mới trong việc xây dựng và phát triển kinh tế - xã hội; là điều kiện để tạo sự thay đổi về cơ cấu sản xuất; cơ cấu ngành nghề; tổ chức sinh hoạt xã hội; tổ chức không gian kiến trúc xây dựng; thu hút nguồn lực đầu tư; phát triển thương mại, du lịch, dịch vụ. Tỉnh Đồng Nai mới sẽ nằm ở vùng kinh tế trọng điểm Đông Nam bộ, là cửa ngõ vào vùng Nam Bộ. Đồng Nai cùng với các tỉnh khu vực Đông Nam bộ tạo thành chuỗi liên hoàn, có vai trò là trọng tâm, nòng cốt phát triển kinh tế - xã hội của khu vực và vùng Nam bộ Việt Nam, đồng thời tạo liên kết phát triển thương mại, du lịch, dịch vụ và cung ứng, tiêu thụ sản phẩm hàng hóa lớn trên toàn quốc và thế giới.

1. Tác động về hoạt động quản lý nhà nước

1.1. Tác động tích cực

a) Thực hiện hiệu quả chủ trương của Trung ương về việc sắp xếp tổ chức bộ máy, đơn vị hành chính; giải quyết, phục vụ, chăm lo an sinh xã hội cho người dân.

b) Tinh gọn tổ chức bộ máy, đảm bảo quy mô quản lý phù hợp; tinh giản đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức nói chung, người hoạt động không chuyên trách cấp xã nói riêng; nâng cao hiệu lực, hiệu quả, hiệu năng hoạt động của bộ máy hành chính

cấp tỉnh, cấp xã; góp phần thực hiện tốt các mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội của địa phương; đáp ứng yêu cầu công tác quản lý nhà nước trên các lĩnh vực nhằm nâng cao hiệu quả thực hiện các nhiệm vụ chính trị của địa phương;

c) Sắp xếp, bố trí cán bộ, công chức, viên chức dồi dư, tạo điều kiện để cơ cấu lại và lựa chọn cán bộ, công chức, viên chức có đủ trình độ, năng lực, tâm huyết đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ, đảm bảo phù hợp với tiêu chuẩn của vị trí việc làm. Qua đó nâng cao chất lượng, trách nhiệm của đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức.

d) Góp phần thực hiện công tác cải cách chính sách tiền lương, nâng cao đời sống cán bộ, công chức, viên chức.

1.2. Một số khó khăn ban đầu

a) Quy mô dân số, diện tích lớn hơn với hệ thống hạ tầng giao thông liên kết còn hạn chế nên công tác quản lý nhà nước thời gian đầu của bộ máy hành chính sẽ gặp khó khăn, đòi hỏi yêu cầu về ứng dụng khoa học công nghệ, chuyển đổi số trong quản lý.

b) Số lượng cán bộ, công chức, viên chức, người lao động sau sáp nhập sẽ dồi dư nhiều; việc phân công, bố trí, sắp xếp và giải quyết chế độ, chính sách cho cán bộ, công chức, viên chức, người lao động dồi dư sẽ có những khó khăn.

2. Tác động kinh tế xã hội

2.1. Tác động tích cực

a) Mở rộng không gian phát triển, tạo điều kiện thuận lợi để khai thác tiềm năng, lợi thế về vị trí địa lý, điều kiện tự nhiên, lịch sử, văn hóa, xã hội, nguồn nhân lực của tỉnh Đồng Nai và tỉnh Bình Phước; là thời cơ, động lực để bứt phá, vươn mình trong phát triển kinh tế - xã hội của kỷ nguyên mới.

b) Có điều kiện về tài nguyên thiên nhiên để mở rộng không gian, phạm vi quy hoạch, tăng cường thu hút đầu tư, kiến thiết, xây dựng các công trình, dự án, hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội mang tầm cỡ trong khu vực; góp phần tăng thu ngân sách.

c) Tạo tiền đề thuận lợi để tỉnh Đồng Nai mới thực hiện vai trò là cửa ngõ, trung tâm kinh tế, văn hóa lớn của vùng, có vị trí, vai trò chiến lược quan trọng về an ninh quốc phòng của quốc gia, đồng thời cũng là điều kiện để trở thành trung tâm tiếp vận, cung ứng, trung chuyển, sản xuất hàng hóa của Việt Nam và thế giới thông qua hệ thống cảng biển và cảng sân bay quốc tế Long Thành.

d) Là điều kiện tốt để thu hút vốn đầu tư, mở rộng địa phát triển ra các ngành, lĩnh vực có tính cạnh tranh cao.

đ) Sáp nhập tỉnh nhằm tinh giảm đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức, người lao động, góp phần giảm chi ngân sách hàng năm, tích lũy, tiết kiệm được nguồn lực để đầu tư phát triển kinh tế - xã hội tại địa phương.

e) Sau sắp xếp sáp nhập tỉnh, hệ thống các cơ quan chuyên môn tham mưu cấp tỉnh, cấp xã được kiện toàn, cơ cấu lại nhằm nâng cao chất lượng, năng suất lao động, góp phần phục vụ nhân dân được tốt hơn, công tác đảm bảo an sinh xã hội được quan tâm chú trọng.

2.2. Một số khó khăn ban đầu

a) Trụ sở làm việc của các cơ quan, tổ chức, đơn vị sẽ bị dư thừa do nhập đơn vị hành chính cấp tỉnh. Đồng thời, một số trụ sở hiện có của cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh Đồng Nai chưa đáp ứng được yêu cầu bố trí tập trung tại 01 trụ sở khi tiếp nhận biên chế, nhân sự từ Bình Phước.

b) Cuộc sống của một số cán bộ, công chức, viên chức, người lao động bị xáo trộn do thay đổi địa điểm công tác, nơi làm việc; đồng thời, cuộc sống của người dân cũng bị xáo trộn trong giai đoạn đầu do thay đổi về địa điểm giao dịch, thay đổi về thủ tục hành chính, thay đổi các loại giấy tờ có liên quan...; cấu trúc, không gian văn hóa làng xã trước đây sẽ có sự thay đổi nhất định ảnh hưởng đến đời sống, sinh hoạt của người dân.

3. Tác động về quốc phòng, an ninh chính trị, trật tự xã hội

3.1. Tác động tích cực

a) Làm cơ sở để tỉnh mới thành lập rà soát, xây dựng hoàn chỉnh quy hoạch tổng thể về bố trí quốc phòng kết hợp với phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn theo từng giai đoạn, từng vùng; quy hoạch hệ thống các cơ quan, tổ chức, các khu vực để bố trí các chức năng, nhiệm vụ đảm bảo an ninh, quốc phòng; đồng thời, huy động được các nguồn lực đầu tư xây dựng cơ quan, doanh trại các cấp, các công trình quốc phòng và một số hạng mục công trình mang tính lưỡng dụng, bảo đảm cho phát triển kinh tế - xã hội, phục vụ nhu cầu dân sinh và cơ động lực lượng, phương tiện khi có tình huống. Đây được xem là cơ sở quan trọng để công tác quốc phòng an ninh của quốc gia nói chung và tỉnh Đồng Nai nói riêng tiếp tục huy động các nguồn lực đầu tư xây dựng thế trận quân sự trong khu vực phòng thủ ngày càng vững chắc.

b) Tạo điều kiện thuận lợi để phát triển kinh tế - xã hội, từ đó an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội được củng cố; số lượng, chất lượng của lực lượng công an, quân sự từ tỉnh đến xã, phường, thôn, tổ dân phố được nâng cao; công tác triển khai các biện pháp đảm bảo an ninh trật tự trên địa bàn được thực hiện thống nhất dẫn đến phong trào toàn dân bảo vệ an ninh trật tự được phát triển hơn.

c) Việc đầu tư, xây dựng cho quốc phòng, an ninh sẽ được tập trung hơn sau sắp xếp đơn vị hành chính cấp tỉnh; việc tập hợp lực lượng để bố trí thực hiện nhiệm vụ an ninh, quốc phòng cũng được tăng cường. Từ đó, đảm bảo các điều kiện để thực hiện việc quản lý về quốc phòng, an ninh, giúp phát huy hiệu quả, tăng cường quốc phòng, ổn định an ninh chính trị, trật tự xã hội.

3.2. Một số khó khăn ban đầu

Sau sáp nhập, tỉnh Đồng Nai mới sẽ có quy mô diện tích và dân số lớn hơn, nhiều thành phần dân cư hơn với cơ cấu địa hình nhiều thay đổi nên nguy cơ tiềm ẩn nhiều tệ nạn xã hội, cho nên công tác nắm bắt địa bàn, đối tượng gặp khó khăn; tình hình an ninh trật tự, an toàn xã hội phức tạp hơn phần nào gây khó khăn cho công tác quản lý.

Sau sáp nhập, tỉnh mới sẽ có vị trí địa lý giáp danh với các khu vực đang phát triển mạnh nên tiềm ẩn một số vấn đề về an ninh trật tự khó lường, khó nắm bắt.

4. Tác động về cải cách thủ tục hành chính và cung cấp dịch vụ công

4.1. Tác động tích cực

Sau sáp nhập tỉnh, với cơ cấu tổ chức bộ máy, số lượng công chức phù hợp sẽ nâng cao chất lượng và hiệu quả hoạt động, góp phần phục vụ Nhân dân tốt hơn. Bộ máy hành chính nhà nước mới có thể đảm bảo thực hiện tốt công tác quản lý nhà nước, cung cấp dịch vụ công cho người dân cũng như thực hiện được chức năng, nhiệm vụ của chính quyền địa phương.

Sau sáp nhập, Trung tâm hành chính công của tỉnh được kiện toàn, bộ phận tiếp nhận và trả kết quả cấp xã được củng cố, sẽ lựa chọn được đội ngũ làm việc có tinh thần trách nhiệm cao, có trình độ chuyên môn đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ. Đồng thời, việc ứng dụng công nghệ thông tin, tuyên truyền, hỗ trợ sử dụng dịch vụ công trực tuyến được thực hiện đồng bộ hơn dẫn đến việc triển khai dịch vụ được thống nhất.

4.2. Tác động tiêu cực

Sau sáp nhập, trên địa bàn tỉnh dân số đông, dẫn đến nhu cầu chuyển đổi giấy tờ của người dân và doanh nghiệp sẽ tăng lên, khối lượng công việc về thủ tục hành chính, nhu cầu về dịch vụ công sẽ tăng mạnh trong khi số lượng nhân sự có hạn, thời gian đầu sẽ khó đáp ứng ngay nhu cầu của người dân, ảnh hưởng đến tiến độ và chất lượng giải quyết hồ sơ, thủ tục. Bên cạnh đó, phần lớn người dân lớn tuổi chưa tiếp xúc nhiều với các thiết bị công nghệ thông tin, dẫn đến khả năng tiếp cận và sử dụng internet còn thấp, đây là khó khăn, trở ngại khi sử dụng dịch vụ công trực tuyến..

Việc tinh gọn bộ máy gắn với sáp nhập các đơn vị hành chính, nếu việc ứng dụng công nghệ số trong giải quyết công việc không tốt sẽ dẫn đến tình trạng quá tải, chậm trễ khi giải quyết hồ sơ TTHC.

II. PHƯƠNG ÁN SẮP XẾP TỔ CHỨC BỘ MÁY, BỐ TRÍ ĐỘI NGŨ CÁN BỘ, CÔNG CHỨC, VIÊN CHỨC, NGƯỜI LAO ĐỘNG VÀ GIẢI QUYẾT CHẾ ĐỘ, CHÍNH SÁCH KHI THỰC HIỆN SẮP XẾP ĐVHC CẤP TỈNH

1. Phương án và lộ trình sắp xếp, kiện toàn tổ chức bộ máy cơ quan, tổ chức sau sắp xếp ĐVHC

1.1. Đối với cơ quan khối Đảng

a) Về tổ chức

Ban Thường vụ Tỉnh ủy xây dựng đề án trên cơ sở sáp nhập, hợp nhất tổ chức đảng của 02 tỉnh trước khi sắp xếp, trình Bộ Chính trị xem xét. Việc sắp xếp tổ chức đảng đồng bộ với sắp xếp các ĐVHC cấp tỉnh và cấp xã, nhiệm kỳ đầu tiên của đảng bộ mới thành lập là nhiệm kỳ 2020 - 2025.

b) Về số lượng cấp ủy viên, ủy viên ban thường vụ, phó bí thư tỉnh ủy; số lượng ủy viên, phó chủ nhiệm ủy ban kiểm tra tỉnh ủy:

Số lượng cấp ủy viên, ủy viên ban thường vụ, phó bí thư tỉnh ủy, ủy viên ủy ban kiểm tra, phó chủ nhiệm ủy ban kiểm tra tỉnh ủy không vượt quá tổng số lượng hiện có của 02 đảng bộ trước khi sáp nhập, hợp nhất (*trừ các đồng chí không đủ tuổi tái cử, chuyển công tác khác hoặc có nguyện vọng nghỉ công tác, nghỉ hưu trước tuổi*) và sẽ thực hiện giảm dần số lượng trong thời gian 5 năm sau sau khi sáp nhập, hợp nhất, đến nhiệm kỳ 2030 - 2035 số lượng thực hiện theo quy định mới của Bộ Chính trị.

1.2. Đối với Mặt trận Tổ quốc và tổ chức chính trị xã hội, Hội do đảng và nhà nước giao nhiệm vụ

Thực hiện sắp xếp, tinh gọn cơ quan Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các tổ chức chính trị - xã hội, các hội quần chúng do Đảng, Nhà nước giao nhiệm vụ của các đơn vị hành chính cấp tỉnh theo hướng dẫn của cấp có thẩm quyền đảm bảo tinh gọn tổ chức bộ máy, sâu sát cơ sở, địa bàn, chăm lo quyền, lợi ích hợp pháp, chính đáng của Nhân dân và đoàn viên, hội viên của tổ chức mình.

1.3. Đối với các ban của HĐND tỉnh và cơ quan giúp việc HĐND tỉnh

a) Hội đồng nhân dân cấp tỉnh

- Tổ chức Hội đồng nhân dân, các cơ quan của Hội đồng nhân dân tỉnh sau khi sắp xếp đơn vị hành chính tỉnh thực hiện theo quy định của pháp luật về tổ chức chính quyền địa phương và hướng dẫn của cơ quan có thẩm quyền.

- Khóa của Hội đồng nhân dân tỉnh Đồng Nai mới do giữ nguyên tên gọi tỉnh Đồng Nai trước khi sắp xếp sáp nhập 02 tỉnh; do đó, khóa của Hội đồng nhân dân tiếp tục tính theo khóa của tỉnh Đồng Nai (**khóa X**) theo quy định tại điểm a khoản 3 Điều 10 Nghị quyết số 76/2025/UBTVQH15 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về sắp xếp ĐVHC năm 2025.

b) Tổ chức các cơ quan thuộc Hội đồng nhân dân, các cơ quan chuyên môn và tổ chức hành chính khác thuộc Hội đồng nhân dân tỉnh Đồng Nai **mới** được thực hiện theo quy định tại khoản 4, khoản 5, Điều 10 Nghị quyết số 76/2025/UBTVQH15 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về sắp xếp ĐVHC năm 2025. Dự kiến, HĐND tỉnh Đồng Nai mới (nhiệm kỳ 2021-2026) sẽ gồm: Văn phòng Đoàn ĐBQH&HĐND tỉnh, các Ban: Pháp chế; Kinh tế - Ngân sách; Văn

hóa – Xã hội và Ban Dân tộc.

1.4. Đối với Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai (mới)

a) Ủy ban nhân dân tỉnh

Nhân sự lãnh đạo và cơ cấu của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai mới được kiện toàn theo quy định của Luật Tổ chức chính quyền địa phương (sửa đổi, bổ sung) và hướng dẫn của cơ quan có thẩm quyền.

b) Các cơ quan chuyên môn, cơ quan, đơn vị sự nghiệp công lập thuộc UBND tỉnh Đồng Nai mới được sắp xếp, tổ chức lại trên cơ sở hợp nhất nguyên trạng các cơ quan đơn vị tại 02 tỉnh theo quy định tại khoản 5 Điều 10 Nghị quyết số 76/2025/UBTVQH15 của Ủy ban Thường vụ Quốc; cụ thể:

- Số lượng cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh Đồng Nai mới dự kiến là 14 cơ quan; số lượng cơ quan thuộc UBND tỉnh Đồng Nai mới dự kiến là 01 cơ quan. Tổng số phòng chuyên môn sau sắp xếp dự kiến là 96 phòng và 156 đơn vị sự nghiệp công lập.

- Trường hợp 02 cơ quan chuyên môn cùng chức năng, nhiệm vụ thuộc 02 tỉnh có cơ cấu tổ chức bên trong khác nhau thì kiện toàn cơ cấu tổ chức theo hướng đảm bảo ổn định cơ cấu tổ chức của 01 đơn vị và thực hiện việc sắp xếp, bố trí nhân sự của 02 đơn vị vào phù hợp với yêu cầu vị trí việc làm quy định. Trường hợp cần thiết sẽ tiếp tục kiện toàn sau khi đã hoàn thành việc sắp xếp đơn vị hành chính cấp tỉnh. Đối với các Chi cục sẽ thực hiện tổ chức lại thành Phòng đảm bảo tinh gọn, giảm khâu trung gian theo tinh thần chỉ đạo của Trung ương.

- Đối với các đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc cơ quan chuyên môn, cơ quan thuộc UBND tỉnh và đơn vị sự nghiệp trực thuộc UBND tỉnh có chức năng tương đồng của 02 địa phương thì thực hiện sắp xếp, sáp nhập, hợp nhất để tinh gọn đầu mối, tránh trùng lặp chức năng, nhiệm vụ.

2. Phương án và lộ trình bố trí, sắp xếp cán bộ, công chức, viên chức, người lao động sau sắp xếp ĐVHC

2.1. Về biên chế, số lượng người làm việc

2.1.1. Đối với khối Đảng, Mặt trận Tổ quốc, Đoàn thể

Sắp xếp, bố trí số lượng cán bộ, công chức, viên chức và người lao động của cơ quan khối Đảng, Mặt trận Tổ quốc và tổ chức Đoàn thể tỉnh Đồng Nai mới thực hiện theo hướng dẫn của Trung ương, đảm bảo không vượt quá số lượng nhân sự hiện có của các cơ quan, đơn vị trước sắp xếp và thực hiện việc rà soát, tinh giản biên chế gắn với cơ cấu lại, nâng cao chất lượng đội ngũ đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ, bảo đảm trong thời hạn 05 năm cơ bản theo đúng quy định.

Số lượng biên chế công chức dự kiến sau sắp xếp: 251 người.

Số lượng biên chế viên chức dự kiến sau sắp xếp: 11 người.

Số lượng hợp đồng lao động dự kiến sau sắp xếp: 52 người.

2.1.2. Đối với các ban của HĐND tỉnh và cơ quan giúp việc HĐND tỉnh

Sắp xếp, bố trí số lượng cán bộ, công chức, viên chức và người lao động của cơ quan khối Đảng, Mặt trận Tổ quốc và tổ chức Đoàn thể tỉnh Đồng Nai mới thực hiện theo hướng dẫn của Trung ương, đảm bảo không vượt quá số lượng nhân sự hiện có của các cơ quan, đơn vị trước sắp xếp và thực hiện việc rà soát, tinh giản biên chế gắn với cơ cấu lại, nâng cao chất lượng đội ngũ đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ, bảo đảm trong thời hạn 05 năm cơ bản theo đúng quy định.

Số lượng biên chế cán bộ dự kiến sau sắp xếp: 18 người.

Số lượng biên chế công chức dự kiến sau sắp xếp: 55 người.

2.1.3. Đối với khối chính quyền

Thực hiện sắp xếp, bố trí số lượng cán bộ, công chức, viên chức và người lao động của tỉnh Đồng Nai mới thực hiện theo quy định Điều 11 Nghị quyết số 76/2025/UBTVQH, cụ thể:

a) Đối với cấp tỉnh

Đối với biên chế công chức, viên chức, người lao động của các sở, ban ngành; đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc UBND tỉnh, trực thuộc các sở, ban ngành tại tỉnh Đồng Nai mới đảm bảo không vượt quá số lượng cán bộ, công chức, viên chức, người lao động hiện có mặt tại các tỉnh Bình Phước, Đồng Nai trước sắp xếp, cụ thể:

- Số lượng biên chế cán bộ dự kiến sau sắp xếp: 09 người.
- Số lượng biên chế công chức: 2.133 người.
- Số lượng biên chế viên chức: 12.290 người.

2.2. Đối với bố trí, sắp xếp cán bộ, công chức, viên chức khi thực hiện sắp xếp đơn vị hành chính cấp tỉnh

Việc bố trí, sắp xếp cán bộ, công chức, viên chức khi thực hiện sắp xếp đơn vị hành chính thực hiện theo Điều 11 Nghị quyết số 76/2025/UBTVQH15 và điểm 1.1 khoản 1 Mục III Công văn số 03-CV/BCĐ ngày 15/4/2025 của Ban Chỉ đạo Trung ương về sắp xếp đơn vị hành chính các cấp và xây dựng mô hình tổ chức chính quyền 02 cấp; cụ thể:

a) Đối với cán bộ, công chức lãnh đạo, quản lý

- Việc sắp xếp, bố trí cán bộ, công chức giữ các chức danh lãnh đạo, quản lý của ĐVHC cấp tỉnh sau sắp xếp thực hiện theo Kết luận của Bộ Chính trị và hướng dẫn của Ban Tổ chức Trung ương.

- Số lượng lãnh đạo, quản lý của các cơ quan, tổ chức ở tỉnh Đồng Nai mới tối đa không vượt quá tổng số lãnh đạo, quản lý có mặt của các cơ quan, tổ chức ở

ĐVHC tỉnh Đồng Nai, tỉnh Bình Phước trước sắp xếp và thực hiện bố trí theo hướng dẫn của cơ quan có thẩm quyền.

- Đối với trường hợp đang giữ chức danh người đứng đầu cơ quan chuyên môn, căn cứ điều kiện thực tiễn và tiêu chuẩn, năng lực cán bộ, công chức, Ban Thường vụ, UBND tỉnh xem xét, quyết định lựa chọn người đứng đầu đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ của đơn vị mới sau sắp xếp. Đối với người đứng đầu cơ quan chuyên môn không bố trí tiếp tục làm người đứng đầu sau sắp xếp thì được bố trí ở vị trí cấp dưới liền kề hoặc bố trí giữ chức danh tương đương ở cơ quan, tổ chức, đơn vị khác hoặc tăng cường làm lãnh đạo cấp xã theo yêu cầu nhiệm vụ, năng lực của cán bộ, công chức và được bảo lưu phụ cấp chức vụ theo quy định của Chính phủ về sắp xếp tổ chức bộ máy.

- Đối với trường hợp đang giữ chức danh cấp phó của người đứng đầu cơ quan chuyên môn, Ban Thường vụ, UBND tỉnh xem xét, quyết định bố trí làm cấp phó của người đứng đầu đơn vị sau sắp xếp hoặc bố trí giữ chức danh tương đương ở cơ quan, tổ chức, đơn vị khác hoặc tăng cường làm lãnh đạo cấp xã theo yêu cầu nhiệm vụ, năng lực của cán bộ, công chức.

- Trước mắt số lượng cấp phó của người đứng đầu các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc CQĐP ở ĐVHC cấp tỉnh mới sau sắp xếp có thể cao hơn quy định và giảm dần theo lộ trình bảo đảm thực hiện quy định của Chính phủ.

b) Đối với công chức, viên chức, người lao động hợp đồng theo quy định

Trước mắt giữ nguyên số lượng công chức, viên chức, người lao động hợp đồng hiện có tại cơ quan, tổ chức, đơn vị để sắp xếp, bố trí công tác tại cơ quan, tổ chức, đơn vị tương ứng hoặc bố trí công tác tại cấp xã. Sau đó, thực hiện tinh giản biên chế gắn với cơ cấu lại, nâng cao chất lượng đội ngũ theo lộ trình, bảo đảm trong thời hạn 05 năm cơ bản số lượng biên chế thực hiện theo đúng quy định.

3. Phương án và lộ trình giải quyết chế độ, chính sách tinh giản biên chế cán bộ, công chức, viên chức và người lao động sau sắp xếp ĐVHC

3.1. Phương án thực hiện

- Giải quyết chế độ, chính sách đối với các trường hợp đảm bảo tiêu chuẩn để sắp xếp, bố trí công tác theo quy định pháp luật.

- Thực hiện tinh giản biên chế cán bộ, công chức, viên chức và người lao động sau sắp xếp ĐVHC theo lộ trình.

- Hỗ trợ kết nối, tư vấn, giới thiệu việc làm: Thông tin, chỉ đạo các tổng công ty, công ty Nhà nước thuộc phạm vi tỉnh quản lý tăng cường rà soát, xem xét ưu tiên tuyển dụng (nếu có nhu cầu) đối với đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức, người lao động dồi dào có đủ trình độ, năng lực và đáp ứng tiêu chí, yêu cầu của vị trí việc làm cần tuyển dụng.

- Nghiên cứu, hỗ trợ kết nối, tư vấn, giới thiệu việc làm trong khu vực tư cho đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức, người lao động không tiếp tục công tác trong hệ thống chính trị tỉnh; hỗ trợ chuyển đổi việc làm, tạo điều kiện sử dụng và khai thác hiệu quả nguồn nhân lực của tỉnh.

3.2. Lộ trình giải quyết

- Đối với người hoạt động không chuyên trách cấp xã hiện có mặt giải quyết tinh giản biên chế theo chế độ, chính sách trong năm 2025.

- Đối với cán bộ, công chức, viên chức sau sắp xếp dôi dư theo quy định sẽ thực hiện lộ trình giảm đảm bảo sau 05 năm kể từ thời điểm Đề án được thông qua, số lượng cán bộ, công chức, viên chức bố trí đảm bảo theo quy định.

III. PHƯƠNG ÁN VÀ LỘ TRÌNH SẮP XẾP, XỬ LÝ TRỤ SỞ, TÀI SẢN CÔNG SAU SẮP XẾP ĐVHC CẤP TỈNH

Thực hiện việc sắp xếp, xử lý trụ sở, tài sản công sau sắp xếp ĐVHC theo quy định tại Điều 13 Nghị quyết số 35/2023/UBTVQH và Điều 12 Nghị quyết số 76/2025/UBTVQH; cụ thể như sau:

- Rà soát, tạm dừng phê duyệt chủ trương đầu tư, phê duyệt dự án đầu tư công.

- Kịp thời cải tạo, sửa chữa, nâng cấp, mở rộng công sở, trụ sở làm việc của các cơ quan, tổ chức phù hợp với nhu cầu thực tế và theo quy định của pháp luật; bảo đảm khai thác hiệu quả tài sản công hiện có. Nghiên cứu để bố trí, lựa chọn trụ sở của các cơ quan dư thừa sử dụng làm trụ sở cho các cơ quan chuyên môn hoặc thành điểm trường phục vụ giáo dục.

- Việc xử lý các cơ sở nhà, đất dôi dư được thực hiện theo quy định tại Điều 40 Luật Quản lý, sử dụng tài sản công năm 2017; Nghị định số 151/2017/NĐ-CP ngày 26/12/2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công; Điều 7 Nghị định 167/2017/NĐ-CP ngày 31/12/2017 của Chính phủ quy định việc sắp xếp lại, xử lý tài sản công đã được sửa đổi, bổ sung tại khoản 7 Điều 1 Nghị định số 67/2021/NĐ-CP ngày 15/7/2021 của Chính phủ.

- Đối với tài sản công dôi dư nếu có, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh đã rà soát, thống kê, xây dựng phương án tiếp tục bố trí, sử dụng, thực hiện điều chuyển cho cơ quan, đơn vị khác hiện còn thiếu so với tiêu chuẩn, định mức (đối với tài sản còn sử dụng được) hoặc tổ chức thanh lý tài sản (đối với tài sản hư hỏng, không thể sử dụng) theo đúng quy định về quản lý, sử dụng tài sản công, bảo đảm thực hành tiết kiệm, chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực, không để xảy ra thất thoát, lãng phí, bảo đảm trong vòng 03 năm, kể từ ngày Nghị quyết của Quốc hội, Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc sắp xếp ĐVHC cấp tỉnh, cấp xã có hiệu lực thi hành, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh sau sắp xếp cam kết hoàn thành việc việc sắp xếp, xử lý tài sản công theo đúng quy định.

- UBND tỉnh Đồng Nai có trách nhiệm chủ động cân đối, bố trí ngân sách để đầu tư sửa chữa, cải tạo, nâng cấp các trụ sở làm việc được tiếp tục sử dụng phục vụ hoạt động của tỉnh Đồng Nai mới; quan tâm bố trí nhà ở công vụ, phương tiện phục vụ công tác và nhu cầu đi lại cho đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức, người lao động của các đơn vị hành chính thực hiện sắp xếp để ổn định điều kiện làm việc tại đơn vị hành chính sau sắp xếp; hướng dẫn, tạo điều kiện để chính quyền địa phương cấp xã sau sắp xếp cân đối ngân sách để đầu tư sửa chữa, cải tạo, nâng cấp trụ sở làm việc, bảo đảm điều kiện làm việc của các cơ quan, tổ chức, đơn vị tại đơn vị hành chính cấp xã.

IV. PHƯƠNG ÁN VÀ LỘ TRÌNH THỰC HIỆN CÁC CHẾ ĐỘ, CHÍNH SÁCH ĐẶC THÙ ĐỐI VỚI ĐVHC CẤP TỈNH HÌNH THÀNH SAU SẮP XẾP (NẾU CÓ)

4.1. Phương án thực hiện

Việc thực hiện chế độ, chính sách đặc thù đối với đơn vị hành chính mới sau sắp xếp thực hiện theo Điều 13 Nghị quyết số 76/2025/UBTVQH15; cụ thể:

- Người dân, cán bộ, công chức, viên chức, người lao động, người hưởng lương trong lực lượng vũ trang trên địa bàn tỉnh Đồng Nai mới tiếp tục hưởng chế độ, chính sách đặc thù áp dụng theo vùng, theo khu vực hoặc theo đơn vị hành chính tỉnh Đồng Nai và tỉnh Bình Phước như trước khi thực hiện sắp xếp cho đến khi có quyết định khác của cấp có thẩm quyền.

- Giữ nguyên phạm vi, đối tượng và nội dung của các chế độ, chính sách theo quy định của trung ương và địa phương áp dụng đối với đơn vị hành chính như trước khi sắp xếp cho đến khi có quyết định khác của cấp có thẩm quyền.

- Trường hợp có thay đổi tên gọi của đơn vị hành chính sau sắp xếp thì sử dụng tên gọi mới của đơn vị hành chính để tiếp tục tổ chức thực hiện các chế độ, chính sách đặc thù.

4.2. Lộ trình thực hiện

Các chế độ, chính sách đặc thù của tỉnh Bình Phước, tỉnh Đồng Nai tiếp tục triển khai thực hiện theo khu vực đơn vị hành chính tỉnh Đồng Nai và tỉnh Bình Phước trước khi sắp xếp và thực hiện tham mưu HĐND tỉnh Đồng Nai mới ban hành chế độ, chính sách mới chậm nhất trong quý I/2026 để triển khai thực hiện.

V. KẾ HOẠCH, LỘ TRÌNH THỰC HIỆN VÀ TRÁCH NHIỆM CỦA CƠ QUAN, TỔ CHỨC, ĐƠN VỊ TRONG VIỆC SẮP XẾP ĐVHC CẤP TỈNH

Thực hiện sáp nhập 02 tỉnh đã được xây dựng, thảo luận và thống nhất giữa cấp ủy, chính quyền của 02 tỉnh, cụ thể như sau:

5.1. Công tác thông tin, tuyên truyền

Tổ chức tuyên truyền, quán triệt thực hiện các văn bản chỉ đạo của Trung ương, của tỉnh, đặc biệt là các kết luận của Bộ Chính trị, Ban Bí thư; nghị quyết của Ủy ban

Thường vụ Quốc hội; nghị quyết của Chính phủ về sắp xếp ĐVHC các cấp, tạo chuyển biến rõ nét về nhận thức và hành động của cán bộ, đảng viên, công chức, viên chức trong hệ thống chính trị, nhằm tạo sự đồng thuận, ủng hộ của nhân dân và dư luận xã hội trong thực hiện sắp xếp ĐVHC các cấp.

- Cơ quan chủ trì: Ban Tuyên giáo và Dân vận Tỉnh ủy Đồng Nai.
- Cơ quan phối hợp: Ban Tuyên giáo và Dân vận Tỉnh ủy Bình Phước, các cơ quan, cơ quan báo chí liên quan của 02 tỉnh.
- Thời gian thực hiện: Từ tháng 4/2025 đến khi hoàn thành nhiệm vụ sắp xếp ĐVHC các cấp.

5.2. Xây dựng Đề án sắp xếp, sáp nhập tỉnh Bình Phước với tỉnh Đồng Nai để thành lập tỉnh Đồng Nai (mới)

5.2.1. Thành lập Ban Chỉ đạo, Tổ Giúp việc xây dựng Đề án gồm đại diện lãnh đạo 02 tỉnh Đồng Nai và Bình Phước và lãnh đạo các cơ quan, đơn vị liên quan.

- Cơ quan chủ trì: Ban Tổ chức Tỉnh ủy Đồng Nai.
- Cơ quan phối hợp của 02 tỉnh: Ban Tổ chức Tỉnh ủy Bình Phước, Sở Nội vụ, các cơ quan liên quan.
- Thời gian thực hiện: **Hoàn thành trước ngày 19/4/2025.**

5.2.2. Thu thập tài liệu, hồ sơ liên quan phục vụ xây dựng Đề án

- Cơ quan chủ trì: Sở Nội vụ tỉnh Đồng Nai.
- Cơ quan phối hợp: Sở Nội vụ tỉnh Bình Phước, Sở Tài chính, Sở Xây dựng, cơ quan liên của 02 tỉnh.
- Thời gian thực hiện: **Hoàn thành trước ngày 19/4/2025.**

5.2.3. Xây dựng phương án giải thể, thành lập các tổ chức đảng cơ sở; sắp xếp tổ chức bộ máy, biên chế của các cơ quan, đơn vị thuộc Tỉnh ủy.

- Cơ quan chủ trì: Ban Tổ chức Tỉnh ủy Đồng Nai.
- Cơ quan phối hợp: Ban Tổ chức Tỉnh ủy Bình Phước.
- Thời gian thực hiện: **Hoàn thành trước ngày 23/4/2025.**

5.2.4. Xây dựng phương án sắp xếp tổ chức bộ máy của Ủy ban MTTQ Việt Nam, các tổ chức chính trị - xã hội, hội quần chúng với tỉnh Đồng Nai

- Cơ quan chủ trì: Ủy ban MTTQ Việt Nam tỉnh Đồng Nai.
- Cơ quan phối hợp: Ủy ban MTTQ Việt Nam tỉnh Bình Phước, Ban Tổ chức Tỉnh ủy 02 tỉnh.
- Thời gian thực hiện: **Hoàn thành trước 23/4/2025.**

5.2.5. Xây dựng phương án sắp xếp tổ chức bộ máy, biên chế của các ban và Văn phòng Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh

- Cơ quan chủ trì: Thường trực HĐND tỉnh Đồng Nai.

- Cơ quan phối hợp: Thường trực HĐND tỉnh Bình Phước; Ban Tổ chức Tỉnh ủy, Sở Nội vụ 02 tỉnh.

- Thời gian thực hiện: **Hoàn thành trước ngày 23/4/2025.**

5.2.6. Xây dựng phương án sắp xếp tổ chức bộ máy, biên chế của các cơ quan chuyên môn, đơn vị sự nghiệp công thuộc UBND tỉnh.

- Cơ quan chủ trì: Sở Nội vụ tỉnh Đồng Nai.

- Cơ quan phối hợp: Sở Nội vụ tỉnh Bình Phước; Ban Tổ chức Tỉnh ủy và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị 02 tỉnh.

- Thời gian thực hiện: **Hoàn thành trước ngày 23/4/2025.**

5.2.7. Hoàn chỉnh dự thảo Đề án và hồ sơ liên quan.

- Cơ quan chủ trì: Sở Nội vụ tỉnh Đồng Nai.

- Cơ quan phối hợp: Sở Nội vụ tỉnh Bình Phước; Ban Tổ chức Tỉnh ủy và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị 02 tỉnh.

- Thời gian thực hiện: **Hoàn thành trước ngày 23/4/2025.**

5.2.8. Trình lấy ý kiến Ban Thường vụ, Ban Chấp hành Đảng bộ, cơ quan liên quan góp ý vào dự thảo Đề án

- Cơ quan chủ trì: Đảng ủy UBND tỉnh Đồng Nai; Đảng ủy UBND tỉnh Bình Phước cùng thực hiện; Đảng ủy UBND tỉnh Đồng Nai tổng hợp ý kiến.

- Cơ quan phối hợp: Ban Tổ chức Tỉnh ủy, Sở Nội vụ 02 tỉnh.

- Thời gian thực hiện: **Ngày 24/4/2025.**

5.2.9. Hoàn chỉnh hồ sơ xin ý kiến các cơ quan, đơn vị về dự thảo hồ sơ, Đề án.

- Cơ quan chủ trì: Sở Nội vụ tỉnh Đồng Nai; Sở Nội vụ tỉnh Bình Phước cùng thực hiện; Sở Nội vụ tỉnh Đồng Nai tổng hợp ý kiến.

- Cơ quan phối hợp: Ban Tổ chức Tỉnh ủy và Thủ trưởng các cơ quan 02 tỉnh.

- Thời gian thực hiện: **Ngày 24/4/2025.**

5.2.10. Ban hành văn bản chỉ đạo và tổ chức lấy ý kiến cử tri **vào ngày 24/4/2025.**

- Cơ quan chủ trì: UBND tỉnh Đồng Nai, UBND tỉnh Bình Phước cùng thực hiện; UBND tỉnh Đồng Nai chủ trì tổng hợp ý kiến.

- Cơ quan phối hợp: UBND cấp huyện, cấp xã của 02 tỉnh.

5.2.11. Trình thông qua HĐND các cấp Đề án sắp xếp, sáp nhập địa giới hành chính tỉnh Bình Phước với tỉnh Đồng Nai.

- Thời gian thực hiện: **Cấp xã ngày 26/4/2025, cấp huyện ngày 27/4/2025, cấp tỉnh ngày 29/4/2025.**

- Cơ quan chủ trì: UBND tỉnh Đồng Nai, UBND tỉnh Bình Phước cùng thực hiện; UBND tỉnh Đồng Nai chủ trì tổng hợp ý kiến.

- Cơ quan phối hợp: HĐND các cấp của 02 tỉnh.

5.2.12. Hoàn thiện hồ sơ, bản đồ, đề án trình Chính phủ

- Cơ quan chủ trì: UBND tỉnh Đồng Nai.

- Cơ quan phối hợp: UBND tỉnh Bình Phước, Sở Nội vụ 02 tỉnh.

- Thời gian thực hiện: **Hoàn thành trước ngày 01/5/2025.**

5.3. Rà soát, sắp xếp bố trí trụ sở làm việc của Tỉnh ủy, HĐND tỉnh, UBND tỉnh và các cơ quan, sở, ngành tỉnh mới cập nhật vào Đề án.

- Cơ quan chủ trì: Sở Tài chính tỉnh Đồng Nai.

- Cơ quan phối hợp: Sở Xây dựng tỉnh Đồng Nai và các cơ quan liên quan.

- Thời gian thực hiện: **Hoàn thành trước ngày 25/4/2025.**

5.4. Rà soát, bố trí phương tiện làm việc của Tỉnh ủy, HĐND tỉnh, UBND tỉnh và các cơ quan, sở ngành; phương án xử lý trụ sở làm việc các cơ quan cấp tỉnh dời dư 02 tỉnh. Tổng hợp, thống kê về công tác tài sản công để tham mưu bàn giao theo quy định; đồng thời đề xuất phương án, bố trí trụ sở và trang thiết bị làm việc cho các sở, ban, ngành sau khi sáp nhập; tổng hợp, thống kê về công tác tài chính của 02 tỉnh để tham mưu bàn giao theo quy định; tham mưu phân bổ tài chính và kinh phí hoạt động, chi trả lương cho cán bộ, công chức, viên chức, người lao động và công tác an sinh - xã hội, đầu tư xây dựng. Rà soát các khu chung cư, các trụ sở không sử dụng trên địa bàn để tham mưu, bố trí cho cán bộ, công chức, viên chức của tỉnh Bình Phước (*nếu có nhu cầu về nơi ở*) đến nhận công tác tại tỉnh Đồng Nai.

- Cơ quan chủ trì: Sở Tài chính tỉnh Đồng Nai.

- Cơ quan phối hợp: Sở Xây dựng tỉnh Đồng Nai và Sở Xây dựng, Sở Tài chính tỉnh Bình Phước và các cơ quan liên quan.

- Thời gian thực hiện: **Hoàn thành trước ngày 25/4/2025.**

5.5. Cập nhật, bổ sung hệ thống quản lý văn bản và điều hành tác nghiệp

Kịp thời cập nhật, bổ sung hệ thống quản lý văn bản và điều hành tác nghiệp của các cơ quan, đơn vị trên địa bàn tỉnh để đảm bảo công tác lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành được thống suốt, hiệu năng, hiệu lực, hiệu quả.

- Cơ quan chủ trì: Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Đồng Nai.

- Cơ quan phối hợp: Các cơ quan, sở, ngành tỉnh và xã, phường 02 tỉnh.

- Thời gian thực hiện: Xong trước ngày Nghị quyết của Quốc hội và Ủy ban Thường vụ Quốc hội có hiệu lực.

5.6. Cập nhật, điều chỉnh quy trình giải quyết thủ tục hành chính trên hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính đảm bảo thông suốt

- Cơ quan chủ trì: Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Đồng Nai.
- Cơ quan phối hợp: Các cơ quan, đơn vị, địa phương 02 tỉnh.
- Thời gian thực hiện: Xong trước ngày Nghị quyết của Quốc hội và Ủy ban Thường vụ Quốc hội có hiệu lực.

5.7. Chuẩn bị dự thảo văn kiện Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh nhiệm kỳ 2025 – 2030

- Cơ quan chủ trì: Ban Tuyên giáo và Dân vận Tỉnh ủy Đồng Nai.
- Cơ quan phối hợp: Ban Tuyên giáo và Dân vận Tỉnh ủy Bình Phước và các cơ quan liên quan.
- Thời gian thực hiện: **Hoàn thành trước ngày 30/6/2025.**

5.8. Xây dựng Kế hoạch thực hiện Nghị quyết của Quốc hội và Ủy ban Thường vụ Quốc hội

5.8.1. Căn cứ Nghị quyết của Quốc hội về sắp xếp ĐVHC cấp tỉnh, xây dựng Kế hoạch của UBND tỉnh thực hiện Nghị quyết của Quốc hội và Ủy ban Thường vụ Quốc hội (kèm theo Đề án sắp xếp ĐVHC).

- Cơ quan chủ trì: Sở Nội vụ tỉnh Đồng Nai.
- Cơ quan phối hợp: Sở Nội vụ tỉnh Bình Phước, cơ quan, đơn vị liên quan.
- Thời gian thực hiện: Sau khi Nghị quyết của Quốc hội về sáp nhập đơn vị hành chính tỉnh Bình Phước, tỉnh Đồng Nai được thông qua.

5.8.2. Thành lập, quyết định chức năng, nhiệm vụ, tổ chức bộ máy, biên chế các cơ quan chuyên trách tham mưu, giúp việc, đơn vị sự nghiệp thuộc Tỉnh ủy. Kết thúc đảng bộ cấp huyện và đảng bộ cấp xã thuộc 02 tỉnh để thành lập đảng bộ phường, xã, đặc khu mới.

- Trách nhiệm thực hiện: Ban Tổ chức Tỉnh ủy Đồng Nai chủ trì; Ban Tổ chức Tỉnh ủy Bình Phước phối hợp.
- Lộ trình thực hiện: Trước ngày 15/9/2025.

5.8.3. Thành lập, quy định chức năng, nhiệm vụ các cơ quan chuyên môn thuộc UBND cấp tỉnh theo hướng dẫn của Trung ương và phù hợp với tình hình thực tiễn tại địa phương.

- Trách nhiệm thực hiện: Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai chủ trì; Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Phước phối hợp.
- Lộ trình thực hiện: Trước ngày 15/9/2025.

5.8.4. Sắp xếp các tổ chức chính trị - xã hội, các hội quần chúng do Đảng, Nhà nước giao nhiệm vụ trực thuộc Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp tỉnh

- Trách nhiệm thực hiện: Ủy ban MTTQ Việt Nam tỉnh Đồng Nai chủ trì; Ủy ban MTTQ Việt Nam tỉnh Bình Phước phối hợp.

- Lộ trình thực hiện: Trước ngày 15/9/2025.

5.8.5. Thành lập, quyết định chức năng, nhiệm vụ, tổ chức bộ máy cơ quan Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp tỉnh

- Trách nhiệm thực hiện: Ủy ban MTTQ Việt Nam tỉnh Đồng Nai chủ trì; Ủy ban MTTQ Việt Nam tỉnh Bình Phước phối hợp.

- Lộ trình thực hiện: Trước ngày 15/9/2025.

5.8.6. Tổ chức hội nghị công bố Nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội

- Tỉnh ủy, HĐND, UBND, Ủy ban MTTQ Việt Nam tỉnh Đồng Nai (mới) tổ chức công bố Nghị quyết của Quốc hội về việc sắp xếp ĐVHC cấp tỉnh *(có kế hoạch và thời gian cụ thể sau)*.

- Thời gian thực hiện: Theo hướng dẫn của Trung ương.

VI. KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ, ĐỀ XUẤT

1. Kết luận

Trên cơ sở phối hợp thực hiện xây dựng Đề án sắp xếp giữa 02 tỉnh Đồng Nai và Bình Phước; tỉnh Đồng Nai đã hoàn chỉnh Đề án với đầy đủ các nội dung theo hướng dẫn của Trung ương, kèm theo các phụ lục; kết quả tổ chức lấy ý kiến nhân dân và HĐND các cấp của 02 tỉnh. Do đó, Đề án sắp xếp, sáp nhập đơn vị hành chính tỉnh Bình Phước và tỉnh Đồng Nai đủ điều kiện về cơ sở pháp lý, thành phần, quy trình xây dựng Đề án.

Tỉnh Đồng Nai kính trình Chính phủ xem xét, quyết định trình Quốc hội, Ủy ban Thường vụ Quốc hội xem xét, ban hành Nghị quyết tổ chức thực hiện.

2. Kiến nghị, đề xuất:

a) Đề xuất Trung ương xem xét, chấp thuận cho 02 tỉnh được chủ động, cân đối kinh phí, nguồn lực hiện có để giải quyết chế độ chính sách cho cán bộ, công chức, viên chức, người hoạt động không chuyên trách bổ sung thêm nguồn sau khi thực hiện Nghị định số 178/2024/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ về chính sách, chế độ đối với cán bộ, công chức, viên chức, người lao động và lực lượng vũ trang trong thực hiện sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị để động viên, tạo điều kiện cho các tỉnh trong thực hiện sắp xếp, sáp nhập đơn vị hành chính và tinh giản, tổ chức bộ máy trong thời điểm hiện nay.

b) Đề xuất Trung ương xem xét, chấp thuận cho 02 tỉnh thực hiện phương án sắp xếp, sáp nhập xã Đắc Lua và xã Đăng Hà, huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước là 02 đơn vị liên kề, hệ thống giao thông kết nối và các điều kiện kinh tế xã hội tương

đồng sẽ góp phần thúc đẩy phát huy các thế mạnh của 02 địa phương tạo động lực phát triển kinh tế và nâng cao đời sống vật chất, tinh thần của nhân dân tại địa phương.

c) Hiện nay, với vị trí địa lý và điều kiện giao thông kết nối giữa ấp Bằng Lăng, xã Xuân Tâm, huyện Xuân Lộc với các khu vực khác trên địa bàn xã Xuân Tâm cũng như các địa bàn khác trên địa bàn huyện Xuân Lộc không thuận lợi, bị cách ngăn bởi Trường bắn Quốc gia Khu vực 3 cách trung tâm UBND xã Xuân Tâm khoảng 20 km. Do đó, để thuận lợi cho người dân khu vực ấp Bằng Lăng, xã Xuân Tâm, huyện Xuân Lộc trong việc đi lại phục vụ đời sống vật chất, tinh thần và liên hệ với cơ quan quản lý nhà nước thực hiện các thủ tục hành chính liên quan; Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai kính đề xuất nhập toàn bộ diện tích ấp Bằng Lăng, xã Xuân Tâm, huyện Xuân Lộc có diện tích tự nhiên 5,5 km² và quy mô dân số 1.504 người vào xã Xuân Tây, xã Xuân Đông, huyện Cẩm Mỹ để thành lập xã Xuân Đông.

Trên đây là Đề án sắp xếp, sáp nhập đơn vị hành chính tỉnh Bình Phước và tỉnh Đồng Nai; Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai đại diện cho Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Phước kính trình Chính phủ xem xét, trình cấp có thẩm quyền quyết định./.

Nơi nhận:

- Chính phủ;
- Bộ Nội vụ;
- Thường trực TU (02 tỉnh);
- Ban Chỉ đạo (02 tỉnh);
- Ban Tổ chức Tỉnh ủy (02 tỉnh);
- Sở Nội vụ (02 tỉnh);
- Văn phòng UBND tỉnh (02 tỉnh);
- Văn phòng Tỉnh ủy (02 tỉnh);
- Lưu: VT, KGVX, THNC.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

THỐNG KÊ HIỆN TRẠNG ĐVHC CẤP TỈNH TRƯỚC SẮP XẾP VÀ KẾT QUẢ THỰC HIỆN
SAU SẮP XẾP ĐƠN VỊ HÀNH CHÍNH CẤP TỈNH
(Kèm theo Đề án sắp xếp, sáp nhập đơn vị hành chính tỉnh Bình Phước, tỉnh Đồng Nai)

Stt	Tên ĐVHC	Diện tích tự nhiên		Quy mô dân số		Quy mô kinh tế			Số ĐVHC cấp xã hiện nay	Số ĐVHC cấp xã sau sắp xếp theo dự thảo Nghị quyết (dự kiến)			Yếu tố đặc thù (nếu có)
		Diện tích (km ²)	Tỷ lệ so với quy định (%)	Dân số thường trú (người)	Tỷ lệ so với quy định (%)	GRDP	Tổng thu NSNN	Thu nhập bình quân đầu người		Xã	Phường	Tổng số	
	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13
I	HIỆN TRẠNG												
	Đồng Nai	5.863,62	117%	3.084.024	220%	501.000.000	62.052.000	148,94	159	40	15	55	
	Bình Phước	6.873,55	137%	1.140.124	81%	115.357.408	11.510.849	108,59	111	32	8	40	BG
II	KẾT QUẢ												
	Đồng Nai	12.737,17	255%	4.224.148	302%				270	72	23	95	